



TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT
KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

VIETNAM UNION OF GEOLOGICAL SCIENCES
SAIGON UNION OF SCIENCE ON GEOLOGY
CONSTRUCTION FOUNDATION VERIFICATION

Head Office & Soil mechanics-building materials Laboratory No 1: No. 6, Street 27, An Lac Ward, HCM City
Branch Office & Construction Verification Laboratory No 2: No. 205 Dao Duy Tu Street, Dien Hong Ward, HCM City
Branch Office & Construction Verification Laboratory No 3: No. 34/4B Huynh Thi Mai Street, Hoc Mon Commune, HCM City
Branch Office & Construction Verification Laboratory No 4: No. 758/25/7 Xo Viet Nghe Tinh Street, Thanh My Tay Ward, HCM City
Branch Office & Construction Verification Laboratory No 5: Building C1 Phu Thuan, Phu Thuan Ward, HCM City

Tel: 028.3957 2591 - 028.3957 2592
Website: www.saigonunion.com

Email: Saigon_union@yahoo.com.vn
Email: Saigonunion498@gmail.com

HỒ SƠ NĂNG LỰC
CAPACITY RECORD

PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
CONSTRUCTION VERIFICATION LABORATORY

LAS - XD 498

ISO/IEC 17025: 2017

. Địa chỉ :

- . Trụ sở & phòng thí nghiệm cơ học đất số 1: Số 6, Đường 27, Phường An Lạc, Tp. HCM
- . Phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng số 2: Số 205 Đào Duy Từ, Phường Diên Hồng, Tp. HCM
- . Phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng số 3: 34/4B Đường Huỳnh Thị Mai, Xã Hóc Môn, Tp. HCM
- . Phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng số 4: 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp. HCM
- . Phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng số 5: Nhà C1 Phú Thuận, Phường Phú Thuận, Tp. HCM

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NĂM 202...



TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT
KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

VIETNAM UNION OF GEOLOGICAL SCIENCES
SAIGON UNION OF SCIENCE ON GEOLOGY
CONSTRUCTION FOUNDATION VERIFICATION

Head Office & Soil mechanics-building materials Laboratory No 1: No. 6, Street 27, An Lac Ward, HCM City
Branch Office & Construction Verification Laboratory No 2: No. 205 Dao Duy Tu Street, Dien Hong Ward, HCM City
Branch Office & Construction Verification Laboratory No 3: No. 34/4B Huynh Thi Mai Street, Hoc Mon Commune, HCM City
Branch Office & Construction Verification Laboratory No 4: No. 758/25/7 Xo Viet Nghe Tinh Street, Thanh My Tay Ward, HCM City
Branch Office & Construction Verification Laboratory No 5: Building C1 Phu Thuan, Phu Thuan Ward, HCM City

Tel: 028.3957 2591 - 028.3957 2592
Website: www.saigonunion.com

Email: Saigon_union@yahoo.com.vn
Email: Saigonunion498@gmail.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH MÁY DUNG

CONSTRUCTION VERIFICATION LABORATORY

LAS - XD 498

ISO/IEC 17025 : 2017

CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ
TỔ CHỨC BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH

FUNCTION - RESPONSIBILITY
FOR ORGANIZATION OF THE CONDUCTION MACHINE

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202.....



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thế Thành



TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN SAIGON UNION OF SCIENCE ON GEOLOGY CONSTRUCTION FOUNDATION VERTIFICATION

. Văn phòng và Phòng thí nghiệm cơ học đất - VLXD : Số 6, Đường 27, Phường An Lạc, Tp.HCM

. Văn phòng giao dịch và phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng số 2 : 205 Đào Duy Từ, Phường Diên Hồng, Tp.HCM

. Văn phòng giao dịch và phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng số 3 : 34/4B Đường Huỳnh Thị Mai, Xã Hóc Môn, Tp.HCM

. Văn phòng giao dịch và phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng số 4 : 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp.HCM

. Văn phòng giao dịch và phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng số 5 : Nhà C1 Phú Thuận, P. Phú Thuận, Tp.HCM

.ĐT : 028.3957 2591: 0908 366374 = Fax : 028.3957 2592 = E.mail : saigon_union@yahoo.com.vn - Website : www.saigonunion.com

THƯ NGỎ

Lời đầu tiên cho phép tập thể SAIGON UNION (LAS – XD 498) được gửi tới quý khách hàng lời chào trân trọng, lời chúc sức khỏe, an khang và thịnh vượng.

Kính gửi :

- Chủ đầu tư
- Ban quản lý dự án
- Tư vấn giám sát
- Nhà thầu xây lắp

- Liên Hiệp Khoa Học Địa Chất Kiểm Định Nền Móng Xây Dựng Sài Gòn tên viết tắt (SAIGON UNION) là đơn vị thí nghiệm trực thuộc Tổng Hội Địa Chất Việt Nam, được bộ khoa học và công nghệ cấp giấy phép hoạt động Khoa Học và Công Nghệ số A-067; Bộ Xây Dựng cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 146/GCN-BXD ngày 15/07/2021 và số 69/GCN-BXD ngày 16/03/2022. SAIGON UNION là đơn vị thành viên của Mạng Kiểm Định Chất Lượng Công Trình Xây Dựng Việt Nam (VNBAC) và được cấp chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.

- SAIGON UNION rất mong được sự giúp đỡ và chấp nhận của các bên cho SAIGON UNION cùng góp phần vào việc kiểm tra chất lượng vật liệu đầu vào, siêu âm cọc khoan nhồi, kiểm tra khuyết tật cọc ly tâm dự ứng lực, khoan kiểm tra mùn đầu cọc, nén mẫu bê tông xi măng, thí nghiệm thép, thí nghiệm siêu âm đường hàn kim loại, thử nhỏ thép khoan cấy, thử độ bám dính của vữa tại hiện trường, thí nghiệm cường độ của cáp dự ứng lực, độ tụt nêm neo của cáp dự ứng lực, thí nghiệm gạch bê tông khí chưng áp, thí nghiệm gạch bê tông bọt khí không chưng áp, thí nghiệm gạch xi măng lát nền, gạch ốp lát, thử nghiệm đá granit, siêu âm cấu kiện bê tông, thí nghiệm kính, gỗ ...v.v. Để công trình được hoàn thành tốt đẹp và đạt chất lượng như mong muốn.

- **SAIGON UNION** đã đầu tư rất nhiều thiết bị hiện đại và có độ chính xác cao của các hãng sản xuất ở Châu Âu như: Máy nén kiểm tra cường độ bê tông Matest, Ele, Control, Utest và một số máy của Nhật và Trung, máy siêu âm cấu kiện của Matest, máy siêu âm cọc khoan nhồi hiệu Olson sản xuất tại Mỹ, máy kéo thép hiện đại nhất hiện nay là hiển thị các thông số kỹ thuật và biểu đồ qua màn hình máy vi tính và nhiều thiết bị khác. Phòng thí nghiệm luôn trang bị đầy đủ máy nén, máy thử độ thấm bê tông, máy kéo uốn thép, máy thí nghiệm kéo cáp dự ứng lực, máy kéo uốn gỗ và một số thiết bị kiểm tra gỗ, máy kéo waterstop, máy camera kiểm tra cọc ly tâm, máy thử nhỏ thép khoan cấy tại hiện trường, máy siêu âm cọc khoan nhồi, máy siêu âm độ đồng nhất bê tông, máy siêu âm mối hàn, máy thử từ mối hàn, thiết bị thử kính và nhiều thiết bị khác...

- **SAIGON UNION** là một trung tâm chuyên nghiên cứu và thực hiện công tác tư vấn, thiết kế thí nghiệm thẩm định về chất lượng vật liệu, chất lượng công trình cho các dự án trong và ngoài nước. Tính đến thời điểm hiện nay SAIGON UNION đã và đang thực hiện hàng nghìn các dự án lớn nhỏ: Cao ốc, chung cư, trường học, bệnh viện, các trạm bê tông, bến cảng, cầu đường, sân bay... Sứ mệnh của Liên Hiệp là **“Góp phần nâng cao chất lượng công trình”** bằng các phương pháp thử nghiệm hiện đại. Đồng hành cùng SAIGON UNION để hiện thực hóa sứ mệnh luôn có các Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ, Kỹ sư và cán bộ kỹ thuật chuyên ngành sát cánh cùng tư vấn, hỗ trợ và cùng thực hiện. SAIGON UNION luôn tạo cơ hội cho cán bộ công nhân viên đi tập huấn, cập nhật thông tin tại các lớp chuyên ngành.

- Không những đáp ứng về kỹ thuật, thiết bị mà SAIGON UNION còn phải đáp ứng về nhân sự để thực hiện các công tác thí nghiệm ngoài hiện trường nhằm không làm chậm trễ tiến độ của dự án. Hiện nay với đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm, SAIGON UNION cam kết thực hiện dự án một cách **“Nhanh chóng, chính xác, trung thực và khách quan”** với mục đích cuối cùng là **“Góp phần nâng cao chất lượng công trình”**

Rất mong được sự ủng hộ và quan tâm của quý khách.

Trân trọng kính chào và chúc sức khỏe./



TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT
KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

VIETNAM UNION OF GEOLOGICAL SCIENCES
SAIGON UNION OF SCIENCE ON GEOLOGY
CONSTRUCTION FOUNDATION VERIFICATION



PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
CONSTRUCTION VERIFICATION LABORATORY

LAS - XD 498

ISO/IEC 17025 : 2017

QUYẾT ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN
DECISION AND CERTIFICATION

Số: 146 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2021

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Liên hiệp Khoa học Địa chất Kiểm định Nền móng Xây dựng Sài Gòn và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 29/5/2021.

CHỨNG NHẬN:

1. Liên hiệp Khoa học Địa chất Kiểm định Nền móng Xây dựng Sài Gòn,
Mã số thuế: 0304743744; Địa chỉ: Số 6 đường 27, P. Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định xây dựng

Địa chỉ: Số 758/25/7 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh; Số 205 Đào Duy Từ, Phường 6, Q.10, Tp. Hồ Chí Minh; Số 68 Nguyễn Duy Cung, Phường 12, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh. Danh mục chỉ tiêu thí nghiệm đối với từng địa chỉ được trình bày tại phụ lục kèm theo.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 498**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế các giấy chứng nhận số: 509/GCN-BXD ngày 21/9/2017, số 591/GCN-BXD ngày 20/10/2017 của Bộ Xây Dựng./.

Nơi nhận:

- Liên hiệp Khoa học Địa chất Kiểm định Nền móng Xây dựng Sài Gòn;
- Sở XD Tp. Hồ Chí Minh;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

PHỤ LỤC 1. DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 498

được thực hiện tại Số 758/25/7 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Q. Bình
Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 446 /GCN-BXD, ngày 15 tháng 7 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	THỬ NGHIỆM XI MĂNG	
	Độ mịn; Khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003; BS 1881; ASTM C 188-09; ASTM C 204-11; ASTM C 115; AASHTO T133-11; AASHTO 153-11; AASHTO T192-11; BS EN 196-3: 2010; JIS R5201-97
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; BS 1881; ASTM C 109-11; AASHTO T106-11; BS EN 196-1:05; JIS R5201:97
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn; Thời gian đông kết và tính ổn định thể tích; Thời gian đông kết giả của xi măng (false set)	TCVN 6017:2015; BS 1881; ASTM C 191-08; ASTM C 187-11; AASHTO T129; AASHTO T131-10; BS EN 196-3: 2005(08); JIS R5201: 97; TCVN 10653:2015; ASTM C 451
	Xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:2005; ASTM C 186-05; TCVN 11970:2018; BS EN 196
	Xác định độ nở Sunphat; Thay đổi chiều dài thanh vữa trong môi trường Sunphat; Trong môi trường nước	TCVN 6068:2004; TCVN 7713:2007; TCVN 12003:2018; ASTM C 490-10; ASTM C 452 - 10; ASTM C 1102-10; ASTM C 1038-14
	Xác định hàm lượng: Magie oxit (MgO); Anhydric sunfuric (SO ₃); Mất khi nung; Sắt oxit (Fe ₂ O ₃); Nhôm oxit (Al ₂ O ₃); clorua (Cl ⁻); Kali oxit (K ₂ O) và natri oxit (Na ₂ O) tổng; Bari oxit; Silic oxit; Pozzolanicity	TCVN 141:2008; TCVN 6820:2015; ASTM C 114-00; BS EN 196-2:2013; BS EN 196-5
	Xác định giới hạn bền nén theo phương pháp nhanh	TCVN 3736:1987
	Độ nở autoclave	TCVN 8877:2011; ASTM C 151-94
	Hàm lượng C ₃ A; Tổng hàm lượng (C ₄ AF + 2C ₃ A)	TCVN 141:2008; TCVN 6820:2001
	Xi măng phương pháp xác định độ co khô của vữa	TCVN 8824:2011
	Xác định độ hãm nở của vữa xi măng nở	TCVN 8874:2012; ASTM C 806-04
	Xi măng pooc lăng trắng	TCVN 5691:2000
	Xi măng Alumin	TCVN 7569:2007
	Xi măng xây trát	TCVN 9202:2012
2	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993; ASTM C143-10a; BS 1881; ASHTO T119-11; EN 12350-2:09; JIS A1101:05
	Xác định độ cứng ve be	TCVN 3107:1993; EN 1235-3:09
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C 138-12; AASHTO T121-11; EN 12350-06:09; JIS A1116:05
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:1993; ASTM C 232-09; AASHTO T158-11; EN 12350-4:09; EN 480-4:96; JIS A1123:10
	Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111:1993; ASTM C 173-10b; ASTM C 231-10; AASHTO T152-05; JIS A1129:10
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993; ASTM C 127; ASTM C1 28; ASTM C 642-06; EN 12390-7:09
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993; ASTM C 127; ASTM C 128; ASTM C 642-06; EN 12390-7:09
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993; ASTM C 138-09; ASTM C 642-

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
		06; EN 12390-7:09
	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:1993; ASTM C 403-90; ASTM C 1585-06; DIN 1048; EN 12390-8:09; AASHTO T27; AASHTO T37
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993; ASTM C 39-11; ASTM C 42-12; BS 1881; ASHTO T22-10; AASHTO T140-7(09); AASHTO T24-07; EN 12390-3:09; EN 12504-1:09; JIS A1108:06; JIS A1107:12; AS 1012.9-86
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993; ASTM C 78-10; ASTM C 293-10; BS 1881; AASHTO T97-10; AASHTO T177-10; EN 12390-5:09; JIS A1106:06; JIS A1114:11
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:1993; ASTM 496-04; AASHTO T198-09; EN 12390-6:09; JIS A1113:06
	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông xi măng (thiết kế cấp phối) – QĐ 778/1998/QĐ-BXD;	TCVN 3110:1993; TCVN 9340:2012; TCVN 10306:2014; TCVN 10796:2015; TCVN 12394:2018; ASTM D 2850-3a; ASTM D 4767-3a; BS 1377:90; AASHTO T234-70; TCVN 12393:2018; TCVN 12631:2020
	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:1993
	Xác định độ co ngót	TCVN 3117:1993; ASTM C 157-08; AASHTO T160-09; JIS A1129-10
	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993; ASTM C 469-02
	Xác định thời gian đông kết của bê tông xi măng	TCVN 9338:2012; ASTM C 403-16
	Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông xi măng	ASTM C1064 - 86
	Xác định hàm lượng ion clorua trong bê tông	TCXDVN 262:2001; TCVN 9337:2012; ASTM C1152-04a; ASTM C1218-99(08); AASHTO T260:97(09); JIS A1154:12; ASTM C1202
	Xác định hàm lượng sunfat trong bê tông	TCVN 9336:2012; ASTM; AASHTO; BS EN
	Hệ bảo vệ bề mặt bê tông	TCVN 11839:2017; EN 1267-1; EN 1770; TCVN 11974:2016; EN ISO 7783-1; EN ISO 7783-2; EN 1062-11:2002; TCVN 10517-1:2014; EN 13529; EN 1062-7; TCVN 9349: 2012; EN 13501-1; TCVN 10271:2014; EN 1062-11:2002; EN 13578; TCVN 9492:2012; EN 1062-3
3	CÓT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	-Xác định thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn; Xác định thành phần thạch học; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích độ xốp và độ hồng; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng mềm yếu, phong hóa; Xác định hàm lượng mica; Xác định hàm lượng clorua (Cl ⁻); Xác định khả năng phản ứng kiềm-silic; Xác định hàm lượng sunfat, sunfit; Xác định hàm lượng hạt đập bị vỡ; Xác định hàm lượng silic oxit định hình; Xác định hàm lượng muối Natri clorua (NaCl) trong cốt liệu	TCVN 7572:2006; ASTM C29, C33, C40, C127, C128, C131, C136, C170, C227, C566; AASHTO T19, T27, T84, T85, T96, T255, T335; EN 933, EN 1097, EN 1744-5, EN 1092-2; BS 812; JIS A1102, A1103, A1104, A1109, A1110, A1111, A1121, A1125, A1126, A1137, A1146, M302

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định độ ẩm bề mặt	ASTM C70-84
	Xác định hệ số đương lượng (ES)	ASTM D2419-02
	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0,075mm	ASTM C117-04 ; AASHTO T11-05
	Xác định hàm lượng hạt nhẹ	ASTM C123 ; AASHTO T113
	xác định độ bền ngâm trong môi trường Sunfat	ASTM C88-05
	Xác định độ đầm chặt bằng pp CBR	22 TCN 332:06; TCVN 8821:11
	Xác định giới hạn chảy, chỉ số dẻo của đá dăm cấp phối	TCVN 4197:95
	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn, XĐ khối lượng thể tích khô lớn nhất	22 TCN 333:06; TCVN 4201:12
	Xác định hệ số thấm cát	TCVN 8327 :12
4	ĐẤT XÂY DỰNG	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D 5550-06; ASTM D854-00; AASHTO T100:06
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D 2216-10; ASTM D 4959-07; AASHTO T100-03; AASHTO T265
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; GOST 5184; ASTM D 4318-10; AASHTO T89; T90
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012; ASTM D 422-07; ASTM C 136-06; ASTM D 1140-00; AASHTO T 88; AASHTO T27
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012; ASTM D 3080-98; TCVN 8725:2012
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; AASHTO T216; AASHTO T297
	Thí nghiệm đầm nén đất; đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; 22 TCN 333:2006; ASTM D 1557-09; ASTM D 698-07; BS 1377: 1990 Part 4; AASHTO T99; T180; TCVN 12790:2020
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; AASHTO T204; T191; T205; T233; TCVN 8721:2012
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332:2006; ASTM D 1883-07; AASHTO T193-10; BS 1377: 1990 Part 4; JIS A 1211; TCVN 12792:2020
	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	ASTM D 2850-95; ASTM D 4546-85
	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	TCVN 9403:2012; ASTM D2166/D2166M; BS 1377-90
	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012; ASTM D 2434-00; JIS A 1218; TCVN 12662:2019
	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; AASHTO T 267
	Xác định các đặc trưng tan rã; Đặc trưng trương nở; Đặc trưng co ngót; Các đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8718:2012; TCVN 8719:2012; TCVN 8720:2012; TCVN 8722:2012; AASHTO T258
	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất	TCVN 8724:2012
	Xác định thành phần muối hòa tan; Tổng lượng muối dễ hòa tan của đất	TCVN 8727:2012; TCVN 9436:2012; TCVN 12615:2019; TCVN 12616:2019
	Xác định độ sỏi rửa của đất	ASTM D 4647
	Xác định chỉ tiêu cố kết thấm theo buồng Rowe	BS 1377-5; 6
	Xác định tính nén thấm mẫu dăm sạn lớn	BS EN ISO 17892-11
	Xác định hệ số thấm vật liệu rời với cột nước không đổi	ASTM D 2434
5	VẬT LIỆU KIM LOẠI, HÀN	
	Thử kéo	TCVN 197:2014 (ISO 6892: 1998); TCVN 7937-1:2009; TCVN 7937-3:2006; TCVN 1824:1993;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
		ISO 15630-1:2002; ISO 15630-2:2002; ASTM A 615-09b; ASTM A 370-10; ASTM B 498-08; ASTM E 8-09; JIS Z 2241: 1998; AASHTO T68-09; BS EN 10002-1: 2001; BS 4449: 1997; AS 1391: 1991
	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438: 2005); TCVN 7937-1:2009; TCVN 7937-3:2006; ISO 15630-1:2002; ISO 15630-2:2002; ASTM A 615-09b; ASTM A 370-10; BS 4449:1997; JIS Z 2248: 2006; AS 1302: 1997
	Kiểm tra kích thước hình học bu lông, thử kéo, lực xiết bu lông và đai ốc	TCVN 1916:1995 (ISO 898-1: 2009); TCVN 197:2014 (ISO 6892: 1998); 22TCN 201:1991; ASTM A 370-10; ASTM E8-09; ASTM F 606-10; BS 3692: 2001; BS B 1186: 1995; JIS B 1051: 2000; JIS Z 2241: 1998; ASTM A 325
	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010; ASME BPV code; Section IX-2010; ASTM A 184/184M; AWS D1.1/D1.1M - 2015
	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử kéo	TCVN 197:2014; TCVN 5403:2010; TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010; ASME BPV code; Section IX-2010; ASTM A184/184M; AWS D1.1/D1.1M-2015
	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Phương pháp dùng bột từ	TCVN 4396:2018; TCVN 11244:2018; AWS D1.1-10; AWS D1.1/D1.1M 2015; BS 5950-2:2001
	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Phương pháp siêu âm	TCVN 1548:1987; TCVN 6735:2018; TCVN 11244:2018; AWS D1.1-10; EN 17640:05; ISO 5817:07; EN 583-1:99; EN 583-2:01; EN 1330-4:10; EN 1712:02; EN 1713:98; EN 1714:98(A2-03); EN 12062:97(A1-03); EN 25817:92; ASTM E164:03; ASME BPV code:2011; JIZ Z3060:94
	Thử cấp dự ứng lực trước	TCVN 197:2014 (ISO 6892: 1998); TCVN 7937-3:2009; TCVN 6284-1: 1997; ASTM A370-10; ASTM A416/A416M-15; ASTM E 111-04; BS 5896; TCVN 10270: 2014; ASTM E 328; EN 10319
	Kiểm tra chất lượng hàn ống – Thử nén dẹt	TCVN 5402:2010
	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Phương pháp thẩm thấu	TCVN 4617:2018; AWS D1.1/D1.1M 2015; ASME CODE Section V; VIII 2010
	Kiểm tra kích thước hình học bu lông; Thử cắt bu lông	TCVN 1916:1995 (ISO 898-1:2009); ASTM F606-10
	Thử cấp thép	TCVN 6368:1998; TCVN 5757:1993
	Thử kéo mối nối cốt thép bằng ống nối có ren	TCVN 8163:2009; ISO 15835:09
	Thép cốt bê tông – Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997; TCVN 7937-1:2009; TCVN 7937-3:2006; ISO 15630-1:2002; ISO 15630-2:2002; BS 4449:1997
	Kiểm tra chiều dày thép	ASW D1.1-10
	Thí nghiệm cấp dự ứng lực trước – Thử độ tụt nêm, neo	TCVN 10568:2017; BS 4447:1973
	Thép và gang – Xác định thành phần hóa học dùng trong xây dựng	TCVN 1811:2009; TCVN 8998:2018; ASTM E 1019-08; ASTM E 415-08; ASTM E 1999-99; JIS G0320: 2009; JIS G1253: 2002
	Phân tích khả năng rỉ mòn cốt thép	TCVN 9348:2012
	Vật liệu kim loại – Thử độ cứng Brinell; Thử độ cứng Rockwell; Thử độ cứng Vickers	TCVN 256-1:2006 (ISO 6506-1:2005); TCVN 257-1:2007 (ISO 6508-1:2005); TCVN 258-1:2007 (ISO

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
		6507-1:2005); ASTM E 10-10; ASTM E 18-08b; ASTM E 92-03; JIS Z 2243: 2008; JIS Z 2245: 1992; JIS Z 2244: 2003
	Ống kim loại – Thử kéo vật liệu và kéo nguyên ống	TCVN 314:2008; TCVN 197:2014; ASTM A 370-10; JIS Z 2241:1998; AS 1163-91
	Ống kim loại – Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008; ASTM A 370-10; ASTM A 500-10; ASTM A 53-10; ASTM A 501-07; JIS G 3452: 2004; JIS G 3459: 2004; BS 1387: 1985
	Ống kim loại – Thử uốn nguyên ống	ASTM A 370-10; ASTM A 500-10; ASTM A 53-10; ASTM A 501-07; JIS G 3452: 2004; JIS G 3459: 2004; BS 1387: 1985
	Thành phần hóa của thép không gỉ	TCVN 12109:2018; ASTM E1019-08; ASTM E1086-08; JIS G 0320:2009; JIS G1253:2002
	Thành phần hóa của đồng dưng trong xây dựng	ASTM E 62-14
	Gang – Thử kéo	TCVN 197:2014; ASTM E 8M-09; ASTM A 536-84; ASTM A 48-03; JIS Z 2241; 1998; EN 10002-1: 2001
	Gang – Thử uốn	ASTM A 438:1980
	Que hàn – Thử kéo	TCVN 197:2014; ASME BPV code; Section IX-2010; AWS D 1.1-10
	Que hàn – Thử uốn	TCVN 198:2008
	Que hàn – Thử va đập	TCVN 312:2007; TCVN 3939:1984; ASTM D 1.1-08; ASME BPV code; Section IX-2010; AWS D 1.1-10
6	BÊ TÔNG NHỰA	
	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm; Phương pháp xác định thành phần hạt; Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén; Phương pháp xác định độ chảy nhựa; Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát; Phương pháp xác định hệ số độ chặt lu lèn; Phương pháp xác định độ rỗng dư; Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu; Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Phương pháp xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860:2011; AASHTO T164, T166, T172, T209 T245; ASTM D1559, D2041, D2172, D2726, D6927; EN 12697, EN 13108; BS 598
	Xác định độ mới bê tông nhựa	TCVN 12579:2019; AASHTO T321: 2017
	Xác định thành phần cấp phối bê tông nhựa	TCVN 8820:2011
	Xác định độ hao mòn Cantabro	TCVN 11415:2016
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp Abson	TCVN 11633:2017
	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017; AASHTO T326
7	NHỰA BITUM, NHỰ TƯƠNG NHỰA, NHỰA ĐƯỜNG POLIME, NHỰ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXIT	
	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; 22 TCN 279:01; ASTM D 5-06; AASHTO T49:06
	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005; 22 TCN 279:01; ASTM D 113-07; AASHTO 51-09; 22TCN 319:04; ASTM D 6084
	Xác định nhiệt độ hóa mềm (phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; 22 TCN 279:01; ASTM D 36-09; AASHTO T53:09

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005; 22 TCN 279:01; ASTM D 92:02; AASHTO T48; TCVN 8818-2:2011
	Xác định lượng tổn thất	TCVN 7499:2005; 22 TCN 279:01; ASTM D 6-95; AASHTO T47-98; ASTM D 1754
	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005; 22 TCN 279:01; ASTM D 2170; AASHTO T59; TCVN 8817-2:2011; ASTM D 244-04
	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005; 22 TCN 279:01; ASTM D 2042-09; AASHTO T44-03
	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:2005; 22 TCN 279:01; ASTM D 70-09; AASHTO T288-09; TCVN 8817-14:2011
	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005; 22 TCN 279:01; ASTM D 3625-05; AASHTO T182; TCVN 8817-15:2011
	Xác định hàm lượng Paraphin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005; DIN 52015; TCVN 8818-4:2011
	Xác định tính tạo bọt; Tính chống nứt ở nhiệt độ thấp; Xác định độ cứng chống uốn từ biến bằng lưu biến kế dầm chịu uốn (BBR)	TCVN 11712:2017; TCVN 11781:2017; 3552/QĐ-BGTVT; 1086/QĐ-BGTVT
	Xác định độ lắng và ổn định lưu trữ; Lượng hạt quá cỡ; Xác định điện tích hạt; Độ khử nhũ; Thử nghiệm trộn xi măng; Xác định độ dính bám và tính chịu nước; Thử nghiệm chưng cất; Thử nghiệm bay hơi; Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit; Khả năng trộn lẫn với nước; Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-1÷15:2011; AASHTO; 22TCN 319:04; ASTM D 5892; TCVN 8818-3:2011
8	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	Đo dung trọng; Độ ẩm của đất, cát	22 TCN 02:71; TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; ASTM D 2937; AASHTO T204; TCVN 12791:2020; TCVN 9350:2012
	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất; Đá dầm trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:2006; TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; ASTM D 1556-00
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E 950; E 1082
	Xác định modun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkenman	TCVN 8867:2011; AASHTO T256:77; ASTM D 4695-96
	Xác định modun đàn hồi của nền đất và lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tẩm ép cứng	TCVN 8861:2011
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E 965-96
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012; ASTM C 805; DIN 1048; JIS A1155:12
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012
	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D 1143-81; ASTM D 3689:07
	Cọc – Xác định sức chịu tải bằng phương pháp tự cân bằng (Phương pháp Osterberg, quy trình kỹ thuật thí nghiệm Self-Balance)	TCVN 9393:2012; ASTM D 8169; BS 8004; JGJ 106: 2014; JGJ/T403: 2017
	Thí nghiệm xác định áp lực ngang (DMT)	ASTM D 6635
	Thí nghiệm nén ngang trong đất, đá (PMT)	TCXD 112-1984; ASTM A 4719
	Quan trắc áp lực đất	TCVN 8215:2009
	Thí nghiệm đo độ dẫn nhiệt trong đất	ASTM D 5334
	Thí nghiệm đo điện trở suất của đất	ASTM D 6431
	Thí nghiệm địa chấn trong hố khoan; Địa chấn song song; Địa chấn phân xạ; Địa chấn khúc xạ	ASTM D 7400; ASTM D 4428; ASTM D 7128; ASTM D 5777; AFNOR – NF P94-160-3

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Phương pháp khảo sát Georadar	ASTM D 6432
	Thử áp lực ống	TCVN 4519:1988; TCVN 2942:1993
	Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D 4429-92
	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012; ASTM G 57-06; IEEE 81
	Phương pháp xác định modun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D 4395:08
	Đo lún công trình	TCVN 9360:2012
	Phương pháp điện tử xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong Bê tông	TCVN 9356:2012; BS 1881-Part 204-96
	Khảo sát đo đạc địa hình	TCVN 9398:2012
	Quan trắc lún công trình	TCVN 9400:2012
	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT); Xuyên động (DCP)	TCVN 9352:2012; ASTM D 1586; AASHTO T206; ASTM D 6951
	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012; ASTM D 6760-16
	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016; ASTM D 4945-00
	Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012; ASTM D 5882
	Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
	Đo áp lực nước lỗ rỗng bằng Piezometer	TCVN 8869:2011; AASHTO T252: 96; ASTM D 4750-87
	Xác định lực liên kết cốt thép, Bu lông trong bê tông	TCVN 9490:2012; ASTM C 900-01; ASTM E 488-95; ASTM E 1512-01; ASTM D 4435-84
	Xác định chiều dày màng sơn khô bằng phương pháp không phá hủy	TCVN 9406:2012; ASTM A 123-02
	Phương pháp đo điện thế kiểm tra khả năng ăn mòn cốt thép trong bê tông	TCVN 9348:2012
	Lớp phủ mặt kết cấu xây dựng – Phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền	TCVN 9349:2012; ASTM D 4541; ASTM C 1583; ASTM D 7234; ASTM D 7522; ISO 4624; BS EN 1542
	Xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
	Đánh giá chất lượng bê tông bằng phương pháp xung siêu âm	TCVN 9357:2012
	Phương pháp xác định độ xiên, biến dạng của cọc	TCVN 9395:2012; ASTM D 1143
	Kiểm tra cọc bê tông ứng lực trước: Kích thước, ngoại quan; Mô men uốn nứt; Uốn gãy tới hạn; Mô men uốn của mỗi nối; Thử uốn dưới lực nén dọc trục; Khả năng chịu cắt	TCVN 7888:2014; TCVN 9114:2019; JIS A 5335:1987; JIS A 5373 : 2004
	Cống hộp và cống tròn: Ngoại quan, khuyết tật, kích thước và đo sai lệch kích thước; Khả năng chịu tải của đốt cống; Xác định khả năng chống thấm	TCVN 9116:2012; TCVN 9113:2012
	Thử nghiệm cơ lý cột điện bê tông cốt thép ly tâm	TCVN 5847:2016; JIS A 5309:1992
	Cơ lý Ống gang dẹt	TCVN 10177:2013 (ISO 2531:2009)
	Xác định khả năng chịu tải của nắp hố ga, Nắp thoát nước, song chắn rác	BS EN 124: 94; TCVN 10333:2016
	Mô tả, đo và đánh giá tiếng ồn môi trường	TCVN 7878-1:2018; TCVN 7878-2:2018
	Đo rung động và chấn động	TCVN 6963:2001
	Đo sức gió	TCXD 229:1999
	Lớp mạ	ASTM A 123-02; TCVN 7665:2007; ASTM D 4541; ASTM C 1583; ASTM D 7234; ASTM D

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
		7522; ISO 4624; BS EN 1542
	Đo và đánh giá xác định độ bằng phẳng mặt đường theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011
	Thử nghiệm nhỏ cọc bê tông cốt thép	ASTM D 3689:07
	Kiểm tra độ bền neo trong đất	TCVN 8870:2011
	Xác định cường độ bê tông tại hiện trường bằng phương pháp khoan	TCXDVN 239:06; TCVN 12252:2020; ASTM C42-04; BS EN 13791-17; BS EN 6089
	Thử tải khung trần thạch cao	ASTM C635-07; TCVN 12694:2020
	Độ kín nước; Độ lọt khí sản phẩm kính xây dựng	ASTM E 338; AAMA 501.2
	Đo độ chuyển ngang bằng inclinometer	TCVN 9400:12; AASHTO T254:80
	Kiểm tra độ thẳng thành vách cọc khoan nhồi	TCVN 9395:2012
	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường	22TCN 355:2006; ASTM D 2573-08
	Thí nghiệm nén ngang	ASTM D 4719-00; TCXD 88-1982; ASTM D 3966
	Xác định độ thấm nước, hệ số thấm hiện trường	TCVN 8731:2012; TCVN 9148:2012; TCVN 9149:2012
9	BỘT KHOÁNG CHO BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số hao nước; Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng; Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58:1984; AASHTO T27; AASHTO T100
10	GẠCH ĐÁT SÉT NUNG	
	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ rỗng; Xác định vết tróc do vôi.	TCVN 1450:2009; TCVN 1451:1998; TCVN 6355 - 1+7:2009; BS EN 772: 2000
11	GẠCH TERRAZO	
	Kích thước cơ bản và ngoại quan; Độ hút nước; Cường độ uốn; Độ chịu mài mòn; Độ bền thời tiết; Hệ số ma sát.	TCVN 7744: 2013; TCVN 6355: 2009; BS EN 13748: 2004; TCVN 6415-17:2016
12	GẠCH BLOCK BÊ TÔNG	
	Kiểm tra kích thước; Mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định độ rỗng; Xác định độ thấm nước	TCVN 6477: 2011; ASTM C140-12a
13	GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
	Kiểm tra kích thước; Khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định độ mài mòn	TCVN 6476: 1999
14	VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn; Xác định cường độ uốn và nén của vữa; Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn; Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền; Xác định hàm	TCVN 3121:2003; EN 1015, EN 445, EN 12190; ASTM C109, C230, C807, C953, C1102, C1152, C1218, C1398, C1437 ; TCVN 9080:12

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	lượng ion clo hoà tan trong nước; Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	
	Xác định thành phần cấp phối vữa	TCVN 4459: 1987
	Xác định thời gian điều chỉnh, hệ số hút nước do mao dẫn	TCVN 9028: 2011
	Xác định độ chảy, độ tách nước	TCVN 9204 : 2012; ASTM C 939-10; ASTM C 1437
	Xác định độ giữ nước; độ cứng bề mặt	ASTM C 941-10; TCVN 9204 : 2012; TCVN 7239:2014; TCVN 2098 : 1993
	Xác định độ giãn nở và tách nước, sự thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết, sự thay đổi chiều dài của mẫu vữa đông rắn	TCVN 9204: 2012; ASTM C 940 – 10; ASTM C 941 – 10; EN 447 : 2007; ASTM C 827-16
	Xác định thành phần có hại trong vật liệu, xác định lượng vón cục trên sàng, xác định độ chảy, xác định độ giãn nở, xác định độ chảy, xác định độ tách nước và thay đổi thể tích theo phương pháp ống đứng, xác định thời gian đông kết, xác định cường độ nén của vữa chèn cấp dự ứng lực	TCVN 11971:2018, BS EN 447:2007
15	NGÓI LỘP	
	Xác định tải trọng uốn gãy; Độ hút nước; Xác định thời gian xuyên nước; Xác định khối lượng 1m ² ngói bao hòa nước	TCVN 1452:2004; TCVN 4313:1995
16	VẢI ĐỊA KỸ THUẬT; MÀNG VÀ CÁC SẢN PHẨM ĐỊA KỸ THUẬT XÂY DỰNG	
	Xác định độ dày tiêu chuẩn	ASTM D 5199-91; TCVN 8820:2009; ASTM D 5994
	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	ASTM D 5261-91
	Xác định kích thước lỗ	ASTM D 4751-91
	Xác định độ bền chịu kéo và độ dẫn dài	TCVN 8871-1:2011; ASTM D 4595-91; ASTM D 6693; TCVN 8485:2010; ASTM D 412; D 6637; IS 13162-2; BS EN 15381:08; ISO 10319
	Cường độ xé rách	TCVN 8871-2:2011; ASTM D 4533-91; ASTM D 1004; ASTM D 624; BS EN ISO 6383; DIN 53507; ASTM D 1104
	Khả năng chống xuyên CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTM D 4621-98; ASTM D 5494
	Cường độ bền chịu kéo giật, độ dẫn dài	TCVN 8871-1:2011; ASTM D 4632-91
	Khả năng thoát nước	ASTM D 4716-91
	Xác định sức chọc thủng bằng phương pháp rơi côn	BS 6906 P6: 1997
	Xác định khả năng thấm	ASTM D 4491-91
	Xác định khối lượng riêng của chỉ nối; Cường độ chịu kéo	ASTM D 1907; ISO 23733; ASTM D 2256
	Xác định khả năng chịu tia cực tím; Nhiệt độ và độ ẩm	TCVN 8482: 2010; ASTM D4355; IS 13162-2
	Xác định lực ma sát bằng phương pháp cắt trực tiếp	ASTM D 5321; BS EN ISO 12957
	Xác định cường độ chịu kéo; Cường độ kéo mồi	ASTM D 5262; ISO 13431; IS 14739; ASTM D638; ASTM D882; BS EN ISO 527; DIN 53504
	Xác định độ giòn và đàn hồi; Xác định sự thay đổi bề mặt theo nhiệt độ; Xác định độ lão hóa khi chịu nhiệt	ASTM D 746; BS ISO 974; ASTM D 1204; ASTM D 5721; DIN 53504
	Xác định các chỉ tiêu của lớp vải bọc, vải phủ	ASTM D 751
	Xác định độ toàn vẹn mối nối	ASTM D 4437; ASTM D 6392
	Xác định độ phân tán, hàm lượng carbon đen	ASTM D 5596; ASTM D 1603; ASTM D 4218

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định thời gian kháng nén hình V liên tục	ASTM D 5397
	Xác định chỉ số chảy	ASTM D 1238; BS EN 15381:08; ASTM D 276
	Xác định thời gian cảm ứng oxi hóa, thời gian cảm ứng oxi hóa khi chịu áp lực	ASTM D 3895; ASTM D 5885
17	NƯỚC DÙNG CHO XÂY DỰNG	
	Xác định màu sắc; Váng dầu mỡ; Xác định độ PH; Xác định hàm lượng cặn không tan; Xác định hàm lượng muối hòa tan; Xác định hàm lượng ion clorua (Cl-); Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO4-); Xác định hàm lượng chất hữu cơ; Xác định hàm lượng Ca2+; Xác định hàm lượng Fe; Xác định độ kiềm; Cacbonic tự do; ăn mòn; Độ cứng cacbonat; Độ cứng toàn phần; Độ cứng không cacbonat; Xác định Bicacbonat (HCO-3) và cacbonat (CO2-); Xác định Magiê (Mg2+); Độ oxy hóa; Hydro sunfua và các sunfua; Xác định Nitrit (NO-2); Nitrat (NO3); Amoniac và amoni; tính cặn sấy khô ở 105 ⁰ C; Xác định hàm lượng cặn không tan sấy khô ở 105 ⁰ C; hàm lượng cặn không tan cháy ở 600 ⁰ C	TCVN 4560:2012; AASHTO T26-79; TCVN 6625:2000; TCVN 4506:2012; TCVN 6492:2011; TCVN 6196-3:2000; TCVN 6194:1996; ASTM D 512-04; SMEWW 4110B:2017; TCVN 6200:96; ASTM D 516; TCVN 4565:1988; TCVN 6186:1996; BS EN 1008; ASTM C 1603; TCXD 81:1981; TCVN 11893:2017; TCVN 6224:1996; TCVN 6177:1996
18	DUNG DỊCH BENTONITE POLYME	
	Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, tỷ lệ chất keo; Lượng mất nước, độ ph, độ dày áo sét, độ ổn định, lực cắt tĩnh, xác định độ bền gel và tỷ số YP/PV	TCVN 11893 : 2017; TCVN 13068 : 2020
	Thí nghiệm độ nhớt dung dịch bentonite bằng phễu March	ASTM D 6910-09
19	ĐÁT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH	
	Xác định đầm nén tiêu chuẩn; Xác định cường độ kháng ép; Xác định mô đun đàn hồi; Xác định độ ổn định nước sau 5 chu kỳ bão hòa - sấy; Xác định cường độ kháng kéo; Xác định mô đun đàn hồi vữa vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ; Xác định cường độ ép ché của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	22 TCN 59-84; 22 TCN 246-1998
20	THẨM SÉT CHỐNG THẨM	
	Xác định ứng suất nén	ASTM D 2523-95
	Xác định độ giữ nước	ASTM D 4551-08
	Xác định hàm lượng nhựa	ASTM D 5147-11a
	Xác định cường độ kháng xuyên	ASTM D 5635-11
	Xác định độ ẩm	ASTM D 2216-10
	Xác định độ thấm nước	ASTM D 5084-10
	Xác định khả năng kháng thấm	ASTM D 5385-06
	Xác định lưu lượng thấm	ASTM D 5887-09
	Xác định độ trương nở của khoáng sét	ASTM D 5890-06
	Xác định lượng mất nước của khoáng sét	ASTM D 5891-09
	Xác định khối lượng đơn vị diện tích	ASTM D 5993-09
	Xác định cường độ kết dính giữa các lớp vải	ASTM D 6496-04
	Xác định sức kháng cắt	ASTM D 6243-09
21	GẠCH BÊ TÔNG NHẹ KHÍ CHỨNG ÁP	
	Xác định hình dạng; kích thước; Độ phẳng mặt; Thăng cạnh; Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định cường độ nén; Xác định độ co khô; độ ẩm	TCVN 7959:2017; ASTM C 1693-10; TCVN 12868:2020
22	GẠCH BÊ TÔNG BỌT KHÍ KHÔNG CHỨNG	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	ÁP	
	Xác định hình dạng; kích thước; Độ phẳng mặt; Thăng cạn; Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017
23	GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN	
	Kiểm tra ngoại quan; Độ mài mòn; Độ hút nước; Độ chịu lực xung kích; Lực uốn gãy; Xác định độ cứng lớp mặt; Xác định độ dính bám gạch với vữa	TCVN 6065:1995; TCVN 248:1986; ASTM D 4541-02
24	GẠCH ÓP LÁT, ĐÁ ÓP LÁT	
	Xác định kích thước, hình dáng và chất lượng bề mặt; Xác định độ hút nước; khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích; Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy Xác định độ mài mòn sâu đối với gạch không phủ men Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men Xác định độ chịu mài mòn bề mặt đối với đá ốp lát tự nhiên Xác định hệ số giãn nở ẩm; giãn nở nhiệt dài Xác định độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi Xác định độ bền sốc nhiệt Xác định độ bền rạn men đối với gạch men Xác định độ bền băng giá Xác định độ bền hóa chất Xác định độ bền chống bám bẩn Xác định độ thô chi và cadimi của gạch phủ men Xác định sự khác biệt nhỏ về màu Xác định hệ số ma sát Xác định độ cứng Mohs	TCVN 6415:2016; BS 6431: 1986; EN 101: 1991; ISO 10545
25	GẠCH GRANIT	
	Xác định chất lượng bề mặt; Xác định độ hút nước	TCVN 6883:2001
26	SƠN PHỦ KẾT CẤU XÂY DỰNG, SƠN TƯỜNG	
	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa; đặc tính sử dụng; độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn; xác định độ bền nước của màng sơn; xác định độ bền kiềm của màng sơn; độ rửa trôi; chu kỳ nóng lạnh; Xác định độ thấm nước	TCVN 8653:12; ASTM D 870-10; ASTM D 4213-08; TCVN 8652:12
	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2008
	Xác định thời gian chảy (độ nhớt)	TCVN 2092:1993
	Xác định hàm lượng chất không bay hơi.	TCVN 2093:1993
	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
	Xác định thời gian khô và độ khô	TCVN 2096:1993
	Xác định độ bám dính của màng	TCVN 2097:1993
	Xác định độ cứng của màng	TCVN 2098:1993
	Xác định độ bóng của màng	TCVN 2101:1993; ASTM D 4585
	Xác định màu sắc	TCVN 2102:1993
	Phương pháp gia công màng sơn	TCVN 2094:93; ASTM D 3891-08, TCVN 5670:07
	Xác định độ bám dính	TCVN 2097: 2015
	Xác định độ bền uốn	TCVN 2099: 2007
	Xác định độ bền va đập	TCVN 2100: 2007
	Xác định độ bóng	TCVN 2101: 2016; ASTM D 4585
	Xác định màu sắc	TCVN 2102: 2008
	Xác định độ bền kiềm	TCVN 6934: 01; ASTM D 2248-13
	Xác định hàm lượng rắn	ASTM D 2134-07, TCVN 9014:11
	Xác định khối lượng riêng	ASTM D 1475-08; ISO 2811-1:97
	Xác định độ bền nhiệt ẩm của màng sơn	TCVN 9405:12; ASTM D 2247-15
	Xác định độ pH	ASTM E 70-07

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định thời gian sống, tính phù hợp lớp phủ, độ bền va đập, khả năng chịu xăng, chịu nước muối, độ bền mù muối, định tính nhựa epoxy, độ bền thời tiết	TCVN 9014: 2011; TCVN 5669: 2013; TCVN 8792: 2011; ASTM D 2485-91; JIS K 5551: 2002; ISO 2808; ISO 15528; ISO 1513; ISO 1524; ISO 2813; ISO 6272-2
27	KHỚP NỐI PVC	
	Xác định cường độ chịu kéo	14 TCN 90:1985; ASTM D 412-13
	Xác định độ biến dạng khi ngâm trong dầu	ASTM D 471 - 10
28	HỖN HỢP XI MĂNG VÀ ĐÁT, XI MĂNG VÀ CÁT	
	Xác định độ đầm chặt tự nhiên	TCVN 9403:2012; TCVN 246:1998; ASTM D 558-96
	Xác định độ đầm chặt bằng phương pháp khô và ướt	ASTM D 559-96 TCVN 9403:2012; TCVN 246:1998
	Xác định độ bền theo thời gian	ASTM D 660-96
	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng trụ	TCVN 9906:2014; ASTM D 1633-96
	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng thanh	ASTM D 1634-96
	Xác định cường độ kháng uốn của mẫu dạng thanh	ASTM D 1635-96
29	TẮM NGĂN NƯỚC (WATERSTOP, HYPERSTOP)	
	Độ bền kéo; kháng xé; Độ bền hóa chất; Độ cứng shore A; Độ trương nở thể tích; Ổn định nhiệt	TCVN 4509:2020; TCVN 9407:2014; TCVN 1595-1:2013; TCVN 10229:2013; TCVN 1597-1:2018; TCVN 2229:2013; ASTM D 412-98; ASTM D 624-00; ASTM D 471-16; ASTM D 570-98; ISO 868:2003; BS 2782:130A; BS 2782:320A; BS 2782:365B; JIS K 7113: 1995; JIS K 7112:1999; BS EN 62; TCVN 4866:2013
30	SẢN PHẨM KÍNH XÂY DỰNG	
	Độ bền va đập bi rơi; Độ bền va đập con lắc	TCVN 7368:2012; ASTM F 3006-13; ASTM C 1408-10
	Độ bền chịu ẩm Kiểm tra dung sai chiều dày của kính Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, đồng màu; Độ cong vênh; Xác định dung sai chiều dày kính	TCVN 7219:2018; TCVN 7527:2005; TCVN 7364:18
	Thử phá vỡ mẫu	TCVN 7455:2013
	Hoàn thiện cạnh Độ bền chịu nhiệt độ cao,	TCVN 7364:2004
	Ứng suất bề mặt	TCVN 8261:2009; ASTM C1279-09
	Độ bền quang, độ bền mài mòn, độ bền axit, độ bền kiềm; Hệ số phản xạ năng lượng mặt trời	TCVN 7528:2005; ASTM E424-71; ASTM E2355-10
	Xác định độ truyền sáng	TCVN 7219:2018; EN 1863-1:96; TCVN 7737:07
	Hệ số phản xạ ánh sáng, độ dày lớp bạc và lớp đồng, độ biến dạng hình ảnh, xác định độ bền nhiệt ẩm, độ bền hơi muối, độ bám dính lớp phủ	TCVN 7625:2007; ASTM C 1503-08
	Kính hộp gắn kính cách nhiệt : Khuyết tật ngoại quan, Đo điểm sương, Thử độ kín, Xác định độ cách nhiệt, Xác định hệ số ngăn chặn nhiệt mặt trời	TCVN 8260:2009
31	GỖ	
	Xác định độ ẩm; Xác định số vòng năm; Xác định độ hút nước và dẫn dài của gỗ; Xác định độ co rút thể tích; Xác định khối lượng thể tích cho các phép thử cơ lý; Thử nghiệm nén vuông góc với thớ; Xác định ứng suất kéo vuông góc với thớ; Xác định độ bền uốn tĩnh; Xác định độ bền uốn va đập; Xác định độ hút ẩm	TCVN 8048:2009
32	BỘT BẢ TƯỜNG	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Độ lưu động	TCVN 3121: 2003
	Độ mịn qua sàng 0.08mm	TCVN 4030:2003
	Khối lượng thể tích xốp	TCVN 7239:2014
	Độ giữ nước	TCVN 7239:2014
	Độ cứng bề mặt sau 96 giờ	TCVN 2098:2007
	Độ dính bám sau 96 giờ	TCVN 9349:2012
	Độ bền nước sau khi ngâm 72 giờ	TCVN 7239:2014
	Thời gian đông kết	TCVN 6017:2015
33	TẤM THẠCH CAO VÀ PANEL THẠCH CAO CÓ SỢI GIA CƯỜNG	
	Xác định kích thước, độ sâu của gờ vượt thon và độ vuông góc của cạnh, độ cứng của cạnh, gờ và lõi, cường độ chịu uốn, độ kháng nhỏ dính, độ biến dạng ẩm, độ hút nước, hợp chất lưu huỳnh để bay hơi, độ thấm thấu hơi nước, độ hấp thụ nước bề mặt.	TCVN 8257:09; EN 520: 2004; ASTM C 473 – 17; BS EN 520: 2004 ; ASTM C471M-16a
34	NHÔM ĐỊNH HÌNH DÙNG TRONG XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước; Xác định độ bền kéo	TCVN 197:2014; ASTM B 557-10; JIS Z 2241:11; TCVN 12513:2018
	Độ cứng Vickers, lực bám dính đinh vít	TCVN 258-1:2007 (ISO 6507-1:2005); ASTM E 92-03; JIS Z 2244: 2003, ASTM E 575
	Phân tích thành phần hóa học	ASTM E 1251-07; TCVN 12513-7:2018
35	VẬT LIỆU COMPOSITE	
	Tỷ trọng	ASTM D 1505-03
	Độ bền kéo; Biến dạng trượt	ASTM D 412-13; ASTM D 638-99; ISO 527: 1993E; TCVN 10595:2014; ASTM D 3039; ASTM D 790; ASTM D 3410
	Độ bền uốn	ASTM D 790 – 00; ISO 178:1993E
	Độ bền nén	ISO 804:2009E; TCVN 10593:2014
	Xác định hàm lượng nhựa, sợi và độ rỗng	TCVN 10594:2014; ASTM D 3039; ASTM D 790; ASTM D 3410
36	RỌ ĐÁ, THẨM ĐÁ (GABION, MATTRESSE)	
	Độ bền chịu kéo và độ giãn dài tương đối	BS 1052:80; ASTM A 370; ASTM D 412-06
	Mô đun đàn hồi	ASTM D 412-06
	Tổn thất bay hơi ở 105°C trong 24 giờ	ASTM D 1203-10
	Độ cứng dây đai	ASTM D 2240-10
	Trọng lượng riêng của lớp dây đai và lớp vỏ bọc	ASTM D 792-08
	Kháng mài mòn	ASTM D 1242-10
	Cấp phối đá xấp	ASTM D 5519-07
	Độ mài mòn của đá	ASTM D 4992-07
	Độ bền của đá	ASTM D 5121-06
	Độ ăn mòn của đá trong điều kiện khô và ướt; Loại đá xử dụng trong thảm/ đệm/ rọ đá	ASTM D 4992-07
	Khối lượng lớp mạ kẽm	TCVN 7665:2007; BS EN 10244-2: 2009; ASTM A90/A90M; ASTM A 641
	Kích thước mắt cáo; Chiều dày lớp vỏ bọc; Đường kính dây viền mạ kẽm và dây đan mạ kẽm	ASTM A 975; BS 1052: 1980; ASTM A 641;
37	CỦ BÀN NHỰA, TẤM COMPACT	
	Xác định cường độ va đập	ASTM D 256-10; ASTM D 5628-96
	Xác định cường độ kéo	ASTM D 638-10
	Cường độ kháng nén	ASTM D 695-10; ASTM D 1621-00
	Cường độ kháng uốn	ASTM D 790-10

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Khối lượng thể tích và khối lượng riêng	ASTM D 792-08
	Độ bền ngâm nước sôi; ngâm hóa chất	BS EN 317:93; ISO 4586-2:2004
38	BẮC THẨM VÀ CÁC SẢN PHẨM ĐỊA KỸ THUẬT XÂY DỰNG	
	Trọng lượng	ASTM D 3776-09
	Chiều dày bằng phương pháp đo	ASTM D 5199-11; TCVN 8220:2009
	Chiều dày vỏ bọc	ASTM D 1777-07
	Cường độ kéo đứt và độ dẫn dài	ASTM D 5035-11; TCVN 8871:2011
	Hàm lượng carbon trong lõi	ASTM D 1412-07
	Khối lượng riêng của lõi	ASTM D 1505-10
	Cường độ chịu kéo đứt và độ dẫn dài của lõi	ASTM D 1621-10
	Cường độ kéo giập và độ dẫn dài của lõi	ASTM D 4632-08
	Cường độ chịu kéo giập và độ dẫn dài của lõi	ASTM D 1682-75
	Cường độ kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D 4833-07
	Cường độ kéo đứt hình thang vỏ bọc	ASTM D 4533-09
	Áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011; ASTM D 3786-09
	Kích thước lỗ	TCVN 8871-6:2011; ASTM D 4751-04
	Tốc độ thấm và hệ số thấm	TCVN 8483:2010; TCVN 8487:2010; ASTM D 4491-09; BS EN ISO 12958
	Lưu lượng thấm ngang của bắc dưới các cấp áp lực	ASTM D 4716-08
	Cường độ va đập	ASTM D 256-10
	Khả năng hút nước	ASTM D 570-10e1
	Sự thay đổi nhiệt độ khi chịu tải	ASTM D 648-07
	Độ cứng	ASTM D 785-08
	Tính uốn	ASTM D 790-10
	Độ hóa mềm	ASTM D 1525-09
	Sự thay đổi nhiệt độ	ASTM D 3418-08
39	THỦ CƠ LÝ ỐNG NHỰA	
	Thử nhiệt ở 110°C trong 60 phút	TCVN 12304:2018; ISO 12091:1995
	Độ cứng vòng	TCVN 8850:2011; ISO 9969: 2007; TCVN 11821:2017; TCVN 10769:2015; TCVN 12304:2018; TCVN 12309:2018; ISO 7685:1998; ASTM D 2412-02
	Tác động của axit sunfuric	TCVN 6037:1995; ISO 3473:1975
	Khả năng chịu nén	ISO 12091:1995; TCVN 8851:2011
	Độ bền áp suất thủy tĩnh	TCVN 6149:2009
	Xác định độ va đập; Thử áp suất ống	TCVN 7305:2008; TCVN 12304:2018
	Độ bền chịu nhiệt	ASTM D 1525; TCVN 12306:2018
	Độ bền kéo đứt	TCVN 7434:2004; ASTM D 412-08; TCVN 12307:18
	Xác định chiều dày; chiều dài; đường kính trung bình	ISO 3126:05; TCVN 6145:2007
	Độ bền trong môi trường hóa chất; Độ cứng ống; Độ biến dạng hình học; Áp lực chịu nén	TCVN 9070:2012; TCVN 11821:2007; TCVN 8851:2011
40	SƠN TÍN HIỆU GIAO THÔNG	
	Màu sắc; Phát sáng; Độ bền nhiệt	TCVN 2102:1993; AS2705S; TCVN 8791:2011; ASTM D 1394; ASTM D 6628-03; ASTM D 4541; AASHTO T 250
	Điểm cháy mềm; Độ mài mòn; Độ kháng cháy; Tỷ trọng	AS.2341.18; JIS K 5400; TCVN 8791:2011; ASTM D 1394; ASTM D 6628-03; ASTM D 4541; AASHTO T 250

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Thời gian khô không dính tay trong điều kiện nhiệt độ mặt đường thi công từ 10°C đến 55°C	AS 1580.401.8; JIS K 5665; TCVN 8791:2011; ASTM D 1394; ASTM D 6628; ASTM D 4541; AASHTO T 250
	Thử nghiệm hiện trường	AS 1580.401.8; JISK 5665; TCVN 8791:2011; ASTM D 1394; ASTM D 6628-03; ASTM D 4541; AASHTO T 250
	Xác định chất tạo màng; hạt thủy tinh; Xác định canxi cacbonat; bột màu và chất độn trơ; Xác định dioxit titan; Xác định khối lượng riêng; Xác định độ bám dính; Xác định khả năng chống nứt; Xác định độ bền va đập; Xác định chỉ số hóa vàng của sơn màu trắng; Xác định độ chống trượt; Xác định độ phản quang; Xác định kích thước vạch sơn	TCVN 8791:2011; TCVN 2096:2015; TCVN 9349:2012; ASTM D 1394; ASTM D 6628-03; ASTM D 4541; AASHTO T250; ISO 2808; AS 1152:1993; AS 1580.102.2
41	GÓI CẦU CAO SU, GÓI CHẬU VÀ KHE CO DẪN	
	Độ cứng shore A	TCVN 4509:2020; TCVN 1595-1:2013; ASTM D 2240; ISO 7619-1; JIS K 6253
	Độ bền định dẫn	TCVN 4509:2020; TCVN 4501:2014; ASTM D 638; D 6693; EN ISO 527; JIS K 7161
	Độ bền kéo đứt; xé rách	TCVN 4509: 2020; ASTM D412; ISO 37:11; JIS K 6251; TCVN 1597:2018
	Độ dẫn dư	TCVN 4509: 2020
	Hệ số hóa già (trong 144 giờ ở nhiệt độ 70 ⁰ C)	TCVN 2229: 2007; ASTM D 573; ISO 188; JIS K 6257
	Biến dạng nén dư (Đặt tải 70 giờ ở nhiệt độ 20 ⁰ C-25 ⁰ C)	22TCN 217: 1994; TCVN 10308:2014; TCVN 2752:08; ASTM D 471; ISO 1817; EN 12759; JIS K 6258; ASTM D 395
	Độ bền kéo trượt của cao su cốt bản thép	22TCN 217: 1994; TCVN 10308:2014
	Độ bền kéo bóc của cao su cốt bản thép	TCVN 4867:2013; TCVN 4867:2018; ASTM D 903-98; ASTM D 429; ISO 813; ISO 814
	Modun trượt của cao su; Hệ số trượt cao su cốt bản thép	22TCN 217:1994; TCVN 10308:2014
	Lão hóa nhiệt; lão hóa ozon	TCVN 2229:13;ISO 1431:1-2012; ASTM D 1149;EN 27326; JIS K 6259-1
	Chất dẻo và ebonit	TCVN 4502:2008; ASTM D 2240; ISO 868:2003
	Xác định các tính chất của gói cầu cao su kiểu chậu	TCVN 10269:2014; TCVN 10308:2014; 22TCN 272-05; ASTM D 5212; ASTM D 5977; EN 1377; JT/T4; AASHTO M251; ISO 2039
	Xác định các tính chất khe co giãn răng lược	TCVN 13067:2020
42	PHỤ GIA CHO BÊ TÔNG	
	Xác định độ ẩm; hàm lượng chất khô; Xác định hàm lượng tro; Xác định tỷ trọng; Xác định hàm lượng Ion Clo; Lượng nước trộn tối đa; Xác định độ pH; phân tích phổ hồng ngoại; Hàm lượng kiềm	TCVN 8826:2011; TCVN 8827:2011; TCVN 12301:2018; ASTM C 494-10; ASTM D 1293; BS EN 934; BS EN 480; ISO 578
	Chỉ số hoạt tính cường độ sau 28 ngày; Hàm lượng bụi và sét trong phụ gia đầy, kiểm có hại	TCVN 6882:2001; ASTM C 494-10
	Hệ số mềm tính xi lò cao	TCVN 4315:2007
	Hàm lượng silic oxit; Magie oxit; Hàm lượng mất khi nung; Hàm lượng SO ₃	TCVN 7131:2002; TCVN 8827:2011; ASTM C 1240-15; TCVN 8265:2009
	Bê mặt riêng; Độ mịn; Chỉ số hoạt tính cường độ silicafume ở 7 ngày tuổi; Hàm lượng mất khi nung	TCVN 8827 : 2011; ASTM C 430-96; ASTM D 5604-96; ASTM C311
	Lượng nước yêu cầu	TCVN 8825:2011; ASTM C 494-10
	Độ pH	TCVN 9339:2012; ASTM C 494-10

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng	TCVN 10302:2014; ASTM C 114-11; AASHTO T133; AASHTO T192; ASTM C 618-15; ASTM C 311-17; BS EN 451; TCVN 8262:2009
43	VỮA; KEO CHÍT MẠCH VÀ DÁN GẠCH	
	Xác định thời gian mở; Độ trượt; Xác định cường độ bám dính khi cắt; Xác định cường độ uốn và nén; Xác định độ hút nước; Xác định độ co ngót; Xác định độ chịu mài mòn; Xác định cường độ bám dính khi kéo; Xác định biến dạng ngang; Xác định độ bền hóa	TCVN 7899-1,2,3,4:2008; EN 1346: 1999; EN 1308: 1999; EN 1348: 1999
44	VÁN GỖ NHÂN TẠO	
	Kích thước độ vuông góc, thẳng cạnh; Độ ẩm; độ trương nở theo chiều dày; Độ bền uốn tĩnh và modun đàn hồi; Độ bền bề mặt; Lực bám giữ đinh vít; Chất lượng dán dính; Độ thay đổi kích thước khi thay đổi độ ẩm; Hàm lượng Focmandêhyt	TCVN 7756:07; EN 324:93; EN 322:93; EN 310:93; EN 311:93; EN 320:1993; ASTM D 906-11; EN 13329:2000
45	LỚP PHỦ, LỚP MẠ	
	Xác định chiều dày; Độ bám dính; Khối lượng mạ	TCVN 4392:1986; TCVN 5408:2007; ISO 1461:1999; ASTM A 123-13; ASTM A 90-09; ASTM A 376-06; ASTM B 498-08; ASTM A 153-09; BS 729:1971; ISO 2178:1982; 18 TCN 04:1992; TCVN 7665:2007
46	VẬT LIỆU CHỐNG THẨM	
	Độ nhớt quy ước; Thời gian khô; Độ bền uốn; Độ bền kéo; Độ bám dính; Độ chịu nhiệt; Độ xuyên nước; Độ bền lâu; Độ bền kéo và độ dẫn dài	TCVN 6557:2000; TCVN 4859:2013; TCVN 11322:2018; TCVN 9065:2012; ASTM C 348; ASTM D 412; ASTM D 638
	Cường độ bám dính; Khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện thường; Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	TCVN 12692:2020; BS EN 14891: 2007; ASTM D 7234-12; BS EN 12390-8: 2009; DIN 1048-2005; ASTM D 1640-14; ASTM C 836-95; ASTM C 1305-16
47	SILICON XĂM KHE CHO KẾT CẤU XÂY DỰNG	
	Xác định độ chảy, khả năng đùn chảy, độ cứng, ảnh hưởng của lão hóa nhiệt đến tổn hao khối lượng, thời gian không dính bề mặt, cường độ bám dính	TCVN 8267: 2009; ASTM C 1087; ASTM C 661; ASTM C 792; ASTM C 794; ASTM C 1135
48	TẤM TRÁI CHỐNG THẨM, MÀNG CHỐNG THẨM	
	Tải trọng kéo đứt và độ giãn dài khi đứt; Độ bền chọc thủng động; Độ bền nhiệt; Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	TCVN 9067:2012; TCVN 11322:2018
49	TẤM TƯỜNG BÊ TÔNG	
	Xác định khối lượng thể tích; Xác định khả năng cách âm; Khả năng chống cháy tấm tường bê tông nhẹ; Tấm panel lõi thép	TCVN 7959:2011; JIS A 5416
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước; Độ bền va đập; Độ bền treo vật nặng; Độ cách âm không khí; Giới hạn chịu lửa; Độ bền uốn; Mức độ bảo vệ cốt thép chống ăn mòn	TCVN 11524:2016; TCVN 12868:2020
50	VẬT LIỆU CHỊU LỬA	
	Kích thước, ngoại quan; Độ bền nén Khối lượng riêng; Khối lượng thể tích, độ xốp biểu kiến, độ hút nước, độ xốp thực; Độ co nở phụ sau nung; Nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng 0.2 N/mm ² ; Độ bền sốc nhiệt; Độ chịu lửa	TCVN 6530:1999; ISO 10059-1; ISO 5017: 1988; ISO 528: 1983; ISO 2478: 1987; ISO 1893: 1989; BS 1902-511;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Độ bền uốn ở nhiệt độ cao	ISO 5013: 1982
	Khối lượng thể tích dạng hạt	ISO 8840: 1987
	Độ chịu mài mòn ở nhiệt độ thường	ASTM C 704: 2001
	Thử nghiệm cơ lý Tấm xếp cách nhiệt; Bông khoáng cách nhiệt	ASTM D 1621; ASTM C 871; ASTM C 612; BS 3958-5; EN 14303
51	BỀ TÔNG CHỊU LỬA	
	Xác định độ bền nén; Xác định độ co dư	JIS R 2553:1992; JIS R 2554:1992
52	TẤM SÓNG AMIĂNG XI MĂNG	
	Xác định độ hút nước; Khối lượng thể tích; Sai lệch kích thước và khuyết tật ngoại quan; Tải trọng uốn gãy; Thời gian không xuyên nước	TCVN 4435:2000
53	DÂY ĐIỆN DẪN DỤNG	
	Đường kính tổng thể; Chiều dày cách điện; Đường kính sợi đồng; Điện trở cách điện ở 15-35°C; Ứng suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối của sợi đồng; Ứng suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối của cách điện; Khả năng chống cháy của cách điện; Khả năng chống nứt của cách điện; Độ biến dạng của cách điện; Điện trở 1 chiều của ruột dẫn ở 20°C; Độ bền điện; Thử lão hóa; độ co ngót của cách điện; độ biến dạng của cách điện và vỏ bảo vệ; độ bền chịu nhiệt; khả năng tự cháy	TCVN 2103:94; TCVN 5935:13; TCVN 5936:1995; TCVN 6614:2008; TCVN 5064:1994; TCVN 6612:2007; TCVN 1824:1993
54	TẤM XI MĂNG SỢI	
	Xác định kích thước; Độ thẳng cạnh; Độ vuông góc; Xác định Cường độ chịu uốn; Xác định độ co giãn ẩm; Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh; Xác định khả năng chống thấm nước; Xác định độ bền nước nóng; Xác định độ bền băng giá; Xác định độ bền mưa nắng	TCVN 8257:2009; ASTM C 1186-08; ASTM C 1225-08; ASTM C 1288-08
55	THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) POLY (VINYL CLORUA)	
	Độ bền va đập Charpy; Ngoại quan mẫu thử sau khi lão hóa nhiệt; Độ ổn định kích thước sau khi lão hóa nhiệt	BS EN 12608-1:2016; BS EN 478:2018; BS EN 479:2018
56	CỬA SỔ VÀ CỬA ĐI	
	Xác định độ lọt khí; Xác định độ kín nước; Xác định độ bền áp lực gió; Xác định độ bền góc hàn thanh profile U-PVC; Xác định lực đóng; Thử nghiệm đóng và mở lặp lại	TCVN 7452:2004; EN 1026: 2000; EN 1027: 2000; ISO 6612: 1980; ISO EN 514: 2000; ISO 8274: 1985; ISO 9379: 1989
57	CAO SU LƯU HÓA NHIỆT ĐỀO	
	Xác định độ bền kéo; Độ bền xé rách; Thử già hóa tăng tốc và độ bền nhiệt; Sự tác động của chất lỏng; Xác định độ bền kéo và dẫn dài; Độ cứng; Biến dạng dư khi kéo giãn; Biến dạng dư sau khi nén; Sự phục hồi; Độ tăng cứng; Độ chịu mài mòn; Độ bền rạn nứt ozon; Thử nghiệm thủy tĩnh	TCVN 1597:2018; TCVN 12419:2018; TCVN 2229:2013; TCVN 2752:2008; TCVN 4509:2020; TCVN 9810:2013; TCVN 10531:2014; TCVN 11525-1:2016; TCVN 5363:2020 ; TCVN 12911:2020; TCVN 12912:2020

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

PHỤ LỤC 2. DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 498

được thực hiện tại Số 205 Đào Duy Từ, Phường 6, Q.10, Tp. Hồ Chí Minh

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 146 /GCN-BXD, ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	THỬ NGHIỆM XI MĂNG	
	Độ mịn; Khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003; BS 1881; ASTM C 188-09; ASTM C 204-11; ASTM C 115; AASHTO T133-11; AASHTO 153-11; AASHTO T192-11; BS EN 196-3: 2010; JIS R5201-97
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; BS 1881; ASTM C 109-11; AASHTO T106-11; BS EN 196-1:05; JIS R5201:97
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn; Thời gian đông kết và tính ổn định thể tích; Thời gian đông kết giả của xi măng (false set)	TCVN 6017:2015; BS 1881; ASTM C 191-08; ASTM C 187-11; AASHTO T129; AASHTO T131-10; BS EN 196-3: 2005(08); JIS R5201: 97; TCVN 10653:2015; ASTM C 451
	Xác định độ nở Sunphat; Thay đổi chiều dài thanh vữa trong môi trường Sunphat; Trong môi trường nước	TCVN 6068:2004; TCVN 7713:2007; TCVN 12003:2018; ASTM C 490-10; ASTM C 452 – 10; ASTM C 1102-10; ASTM C 1038-14
2	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993; ASTM C143-10a; BS 1881; ASHTO T119-11; EN 12350-2:09; JIS A1101:05
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C 138-12; AASHTO T121-11; EN 12350-06:09; JIS A1116:05
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993; ASTM C 127; ASTM C 128; ASTM C 642-06; EN 12390-7:09
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993; ASTM C 138-09; ASTM C 642-06; EN 12390-7:09
	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:1993; ASTM C 403-90; ASTM C 1585-06; DIN 1048; EN 12390-8:09; AASHTO T27; AASHTO T37
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993; ASTM C 39-11; ASTM C 42-12; BS 1881; ASHTO T22-10; AASHTO T140-7(09); AASHTO T24-07; EN 12390-3:09; EN 12504-1:09; JIS A1108:06; JIS A1107:12; AS 1012.9-86
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993; ASTM C 78-10; ASTM C 293-10; BS 1881; AASHTO T97-10; AASHTO T177-10; EN 12390-5:09; JIS A1106:06; JIS A1114:11
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:1993; ASTM 496-04; AASHTO T198-09; EN 12390-6:09; JIS A1113:06
	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông xi măng (thiết kế cấp phối) – QĐ 778/1998/QĐ-BXD;	TCVN 3110:1993; TCVN 9340:2012; TCVN 10306:2014; TCVN 10796:2015; TCVN 12394:2018; ASTM D 2850-3a; ASTM D 4767-3a; BS 1377:90; AASHTO T234-70; TCVN 12393:2018; TCVN 12631:2020
3	CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	Xác định thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn; Xác định thành phần thạch học; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích độ xốp và độ hồng; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định	TCVN 7572:2006; ASTM C29, C33, C40, C127, C128, C131, C136, C170, C227, C566; AASHTO T19, T27, T84, T85, T96, T255, T335; EN 933, EN 1097, EN 1744-5, EN 1092-2; BS 812; JIS A1102, A1103, A1104, A1109, A1110, A1111, A1121, A1125, A1126, A1137, A1146, M302

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	hàm lượng tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng mềm yếu, phong hóa; Xác định hàm lượng mica	
	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0,075mm	ASTM C117-04 ; AASHTO T11-05
	Xác định độ đầm chặt bằng pp CBR	22 TCN 332:06; TCVN 8821:11
	Xác định giới hạn chảy, chỉ số dẻo của đá dăm cấp phối	TCVN 4197:95
	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn, XD khối lượng thể tích khô lớn nhất	22 TCN 333:06; TCVN 4201:12; AASHTO T99; T180; TCVN 12790:2020
4	VẬT LIỆU KIM LOẠI, HÀN	
	Thử kéo	TCVN 197:2014 (ISO 6892: 1998); TCVN 7937-1:2009; TCVN 7937-3:2006; TCVN 1824:1993; ISO 15630-1:2002; ISO 15630-2:2002; ASTM A 615-09b; ASTM A 370-10; ASTM B 498-08; ASTM E 8-09; JIS Z 2241: 1998; AASHTO T68-09; BS EN 10002-1: 2001; BS 4449: 1997; AS 1391: 1991
	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438: 2005); TCVN 7937-1:2009; TCVN 7937-3:2006; ISO 15630-1:2002; ISO 15630-2:2002; ASTM A 615-09b; ASTM A 370-10; BS 4449:1997; JIS Z 2248: 2006; AS 1302: 1997
	Kiểm tra kích thước hình học bu lông, thử kéo, lực xiết bu lông và đai ốc	TCVN 1916:1995 (ISO 898-1: 2009); TCVN 197:2014 (ISO 6892: 1998); 22TCN 201:1991; ASTM A 370-10; ASTM E8-09; ASTM F 606-10; BS 3692: 2001; BS B 1186: 1995; JIS B 1051: 2000; JIS Z 2241: 1998; ASTM A 325
	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010; ASME BPV code; Section IX-2010; ASTM A 184/184M; AWS D1.1/D1.1M - 2015
	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử kéo	TCVN 197:2014; TCVN 5403:2010; TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010; ASME BPV code; Section IX-2010; ASTM A184/184M; AWS D1.1/D1.1M-2015
	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Phương pháp dùng bột từ	TCVN 4396:2018; TCVN 11244:2018; AWS D1.1-10; AWS D1.1/D1.1M 2015; BS 5950-2:2001
	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Phương pháp siêu âm	TCVN 1548:1987; TCVN 6735:2018; TCVN 11244:2018; AWS D1.1-10; EN 17640:05; ISO 5817:07; EN 583-1:99; EN 583-2:01; EN 1330-4:10; EN 1712:02; EN 1713:98; EN 1714:98(A2-03); EN 12062:97(A1-03); EN 25817:92; ASTM E164:03; ASME BPV code:2011; JIZ Z3060:94
	Thử cấp dự ứng lực trước	TCVN 197:2014 (ISO 6892: 1998); TCVN 7937-3:2009; TCVN 6284-1: 1997; ASTM A370-10; ASTM A416/A416M-15; ASTM E 111-04; BS 5896; TCVN 10270: 2014; ASTM E 328; EN 10319
	Kiểm tra chất lượng hàn ống – Thử nén dẹt	TCVN 5402:2010
	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Phương pháp thẩm	TCVN 4617:2018; AWS D1.1/D1.1M 2015; ASME

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	thấu	CODE Section V; VIII 2010
	Kiểm tra kích thước hình học bu lông; Thử cắt bu lông	TCVN 1916:1995 (ISO 898-1:2009); ASTM F606-10
	Thử cáp thép	TCVN 6368:1998; TCVN 5757:1993
	Thử kéo mỗi nối cốt thép bằng ống nối có ren	TCVN 8163:2009; ISO 15835:09
	Thép cốt bê tông – Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997; TCVN 7937-1:2009; TCVN 7937-3:2006; ISO 15630-1:2002; ISO 15630-2:2002; BS 4449:1997
	Kiểm tra chiều dày thép	ASW D1.1-10
	Thí nghiệm cấp dự ứng lực trước – Thử độ tụt nê, neo	TCVN 10568:2017; BS 4447:1973
	Thép và gang – Xác định thành phần hóa học dùng trong xây dựng	TCVN 1811:2009; TCVN 8998:2018; ASTM E 1019-08; ASTM E 415-08; ASTM E 1999-99; JIS G0320: 2009; JIS G1253: 2002
	Vật liệu kim loại – Thử độ cứng Brinell; Thử độ cứng Rockwell; Thử độ cứng Vickers	TCVN 256-1:2006 (ISO 6506-1:2005); TCVN 257-1:2007 (ISO 6508-1:2005); TCVN 258-1:2007 (ISO 6507-1:2005); ASTM E 10-10; ASTM E 18-08b; ASTM E 92-03; JIS Z 2243: 2008; JIS Z 2245: 1992; JIS Z 2244: 2003
	Ống kim loại – Thử kéo vật liệu và kéo nguyên ống	TCVN 314:2008; TCVN 197:2014; ASTM A 370-10; JIS Z 2241:1998; AS 1163-91
	Thành phần hóa của thép không gi	TCVN 12109:2018; ASTM E1019-08; ASTM E1086-08; JIS G 0320:2009; JIS G1253:2002
	Thành phần hóa của đồng dùng trong xây dựng	ASTM E 62-14
	Que hàn – Thử kéo	TCVN 197:2014; ASME BPV code; Section IX-2010; AWS D 1.1-10
	Que hàn – Thử uốn	TCVN 198:2008
5	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	Đo dung trọng; Độ ẩm của đất, cát	22 TCN 02:71; TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; ASTM D 2937; AASHTO T204; TCVN 12791:2020; TCVN 9350:2012
	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất; Đá dăm trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:2006; TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; ASTM D 1556-00
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E 950; E 1082
	Xác định modun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkenman	TCVN 8867:2011; AASHTO T256:77; ASTM D 4695-96
	Xác định modun đàn hồi của nền đất và lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tẩm ép cứng	TCVN 8861:2011
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E 965-96
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012; ASTM C 805; DIN 1048; JIS A1155:12
	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D 1143-81; ASTM D 3689:07
	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012; ASTM G 57-06; IEEE 81
	Phương pháp xác định modun biến dạng hiện trường bằng tẩm ép phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D 4395:08
	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong Bê tông	TCVN 9356:2012; BS 1881-Part 204-96
	Xác định lực liên kết cốt thép, Bu lông trong bê tông	TCVN 9490-2012; ASTM C 900-01; ASTM E 488-95; ASTM E 1512-01; ASTM D 4435-84

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định chiều dày màng sơn khô bằng phương pháp không phá hủy	TCVN 9406:2012; ASTM A 123-02
	Lớp phủ mặt kết cấu xây dựng – Phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền	TCVN 9349:2012; ASTM D 4541; ASTM C 1583; ASTM D 7234; ASTM D 7522; ISO 4624; BS EN 1542
	Xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
	Đánh giá chất lượng bê tông bằng phương pháp xung siêu âm	TCVN 9357:2012
	Kiểm tra cọc bê tông ứng lực trước: Kích thước, ngoại quan; Mô men uốn nứt; Uốn gãy tới hạn; Mô men uốn của mỗi nối; Thử uốn dưới lực nén dọc trục; Khả năng chịu cắt	TCVN 7888:2014; TCVN 9114:2019; JIS A 5335:1987; JIS A 5373 : 2004
	Cống hộp và cống tròn: Ngoại quan, khuyết tật, kích thước và đo sai lệch kích thước; Khả năng chịu tải của đốt cống; Xác định khả năng chống thấm	TCVN 9116:2012; TCVN 9113:2012
	Lớp mạ	ASTM A 123-02; TCVN 7665:2007; ASTM D 4541; ASTM C 1583; ASTM D 7234; ASTM D 7522; ISO 4624; BS EN 1542
	Thử nghiệm nhỏ cọc bê tông cốt thép	ASTM D 3689:07
	Xác định cường độ bê tông tại hiện trường bằng phương pháp khoan	TCXDVN 239:06; TCVN 12252:2020; ASTM C42-04; BS EN 13791-17; BS EN 6089
	Thử tải khung trần thạch cao	ASTM C635-07; TCVN 12694:2020
	Thí nghiệm nén ngang	ASTM D 4719-00; TCXD 88-1982; ASTM D 3966
6	GẠCH ĐẤT SÉT NUNG	
	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ rỗng; Xác định vết tróc do vôi.	TCVN 1450:2009; TCVN 1451:1998; TCVN 6355 - 1÷7:2009; BS EN 772: 2000
7	GẠCH BLOCK BÊ TÔNG	
	Kiểm tra kích thước; Mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định độ rỗng; Xác định độ thấm nước	TCVN 6477: 2011; ASTM C140-12a
8	VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn; Xác định cường độ uốn và nén của vữa; Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn; Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền; Xác định hàm lượng ion clo hoà tan trong nước; Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121:2003; EN 1015, EN 445, EN 12190; ASTM C109, C230, C807, C953, C1102, C1152, C1218, C1398, C1437 ; TCVN 9080:12
	Xác định thành phần cấp phối vữa	TCVN 4459: 1987
	Xác định độ giãn nở và tách nước, sự thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết, sự thay đổi chiều dài của mẫu vữa đóng rắn	TCVN 9204: 2012; ASTM C 940 – 10; ASTM C 941 – 10; EN 447 : 2007; ASTM C 827-16
	Xác định thành phần có hại trong vật liệu, xác định lượng vón cục trên sàng, xác định độ chảy, xác định độ giãn nở, xác định độ chảy, xác định độ tách nước và thay đổi thể tích theo phương pháp ống đứng, xác định thời gian đông kết, xác định cường độ nén của vữa chèn cấp dự ứng lực	TCVN 11971:2018, BS EN 447:2007

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
9	DUNG DỊCH BENTONITE POLYME	
	Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, tỷ lệ chất keo; Lượng mất nước, độ pH, độ dày áo sét, độ ổn định, lực cắt tĩnh, xác định độ bền gel và tỷ số YP/PV	TCVN 11893 : 2017; TCVN 13068 : 2020
10	CAO SU LƯU HÓA NHIỆT ĐỀO, TẮM NGĂN NƯỚC	
	Độ bền kéo; kháng xé; Độ bền hóa chất; Độ cứng shore A; Độ trương nở thể tích; Ổn định nhiệt	TCVN 4509:2020; TCVN 9407:2014; TCVN 1595-1:2013; TCVN 10229:2013; TCVN 1597-1:2018; TCVN 2229:2013; ASTM D 412-98; ASTM D 624-00; ASTM D 471-16; ASTM D 570-98; ISO 868:2003; BS 2782:130A; BS 2782:320A; BS 2782:365B; JIS K 7113: 1995; JIS K 7112:1999; BS EN 62; TCVN 4866:2013

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.



PHỤ LỤC 3. DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 498

được thực hiện tại Số 68 Nguyễn Duy Cung, Ph. 12, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 146 /GCN-BXD, ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:1993; ASTM C 403-90; ASTM C 1585-06; DIN 1048; EN 12390-8:09; AASHTO T27; AASHTO T37
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993; ASTM C 39-11; ASTM C 42-12; BS 1881; ASHTO T22-10; AASHTO T140-7(09); AASHTO T24-07; EN 12390-3:09; EN 12504-1:09; JIS A1108:06; JIS A1107:12; AS 1012.9-86
	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông xi măng (thiết kế cấp phối) – QĐ 778/1998/QĐ-BXD;	TCVN 3110:1993; TCVN 9340:2012; TCVN 10306:2014; TCVN 10796:2015; TCVN 12394:2018; ASTM D 2850-3a; ASTM D 4767-3a; BS 1377:90; AASHTO T234-70; TCVN 12393:2018; TCVN 12631:2020
2	CÓT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	Xác định thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn; Xác định thành phần thạch học; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích độ xốp và độ rỗng; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng mềm yếu, phong hóa; Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572:2006; ASTM C29, C33, C40, C127, C128, C131, C136, C170, C227, C566; AASHTO T19, T27, T84, T85, T96, T255, T335; EN 933, EN 1097, EN 1744-5, EN 1092-2; BS 812; JIS A1102, A1103, A1104, A1109, A1110, A1111, A1121, A1125, A1126, A1137, A1146, M302
	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0,075mm	ASTM C117-04 ; AASHTO T11-05
	Xác định giới hạn chảy, chỉ số dẻo của đá dăm cấp phối	TCVN 4197:95
	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn, XĐ khối lượng thể tích khô lớn nhất	22 TCN 333:06; TCVN 4201:12; AASHTO T99; T180; TCVN 12790:2020
3	VẬT LIỆU KIM LOẠI, HÀN	
	Thử kéo	TCVN 197:2014 (ISO 6892: 1998); TCVN 7937-1:2009; TCVN 7937-3:2006; TCVN 1824:1993; ISO 15630-1:2002; ISO 15630-2:2002; ASTM A 615-09b; ASTM A 370-10; ASTM B 498-08; ASTM E 8-09; JIS Z 2241: 1998; AASHTO T68-09; BS EN 10002-1: 2001; BS 4449: 1997; AS 1391: 1991
	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438: 2005); TCVN 7937-1:2009; TCVN 7937-3:2006; ISO 15630-1:2002; ISO 15630-2:2002; ASTM A 615-09b; ASTM A 370-10; BS 4449:1997; JIS Z 2248: 2006; AS 1302: 1997
	Kiểm tra kích thước hình học bu lông, thử kéo, lực	TCVN 1916:1995 (ISO 898-1: 2009); TCVN

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	xiết bu lông và đai ốc	197:2014 (ISO 6892: 1998); 22TCN 201:1991; ASTM A 370-10; ASTM E8-09; ASTM F 606-10; BS 3692: 2001; BS B 1186: 1995; JIS B 1051: 2000; JIS Z 2241: 1998; ASTM A 325
	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010; ASME BPV code; Section IX-2010; ASTM A 184/184M; AWS D1.1/D1.1M - 2015
	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử kéo	TCVN 197:2014; TCVN 5403:2010; TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010; ASME BPV code; Section IX-2010; ASTM A184/184M; AWS D1.1/D1.1M-2015
	Kiểm tra kích thước hình học bu lông; Thử cắt bu lông	TCVN 1916:1995 (ISO 898-1:2009); ASTM F606-10
	Thép cốt bê tông – Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997; TCVN 7937-1:2009; TCVN 7937-3:2006; ISO 15630-1:2002; ISO 15630-2:2002; BS 4449:1997
	Kiểm tra chiều dày thép	ASW D1.1-10
4	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	Đo dung trọng; Độ ẩm của đất, cát	22 TCN 02:71; TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; ASTM D 2937; AASHTO T204; TCVN 12791:2020; TCVN 9350:2012
	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất; Đá dăm trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:2006; TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; ASTM D 1556-00
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E 950; E 1082
	Xác định modun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkenman	TCVN 8867:2011; AASHTO T256:77; ASTM D 4695-96
	Xác định modul đàn hồi của nền đất và lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tẩm ép cứng	TCVN 8861:2011
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E 965-96
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012; ASTM C 805; DIN 1048; JIS A1155:12
	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012; ASTM G 57-06; IEEE 81
	Xác định lực liên kết cốt thép, Bu lông trong bê tông	TCVN 9490-2012; ASTM C 900-01; ASTM E 488-95; ASTM E 1512-01; ASTM D 4435-84
	Xác định chiều dày màng sơn khô bằng phương pháp không phá hủy	TCVN 9406:2012; ASTM A 123-02
	Lớp phủ mặt kết cấu xây dựng – Phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền	TCVN 9349:2012; ASTM D 4541; ASTM C 1583; ASTM D 7234; ASTM D 7522; ISO 4624; BS EN 1542
	Xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
	Đánh giá chất lượng bê tông bằng phương pháp xung siêu âm	TCVN 9357:2012
	Lớp mạ	ASTM A 123-02; TCVN 7665:2007; ASTM D 4541; ASTM C 1583; ASTM D 7234; ASTM D 7522; ISO 4624; BS EN 1542
	Xác định cường độ bê tông tại hiện trường bằng phương pháp khoan	TCXDVN 239:06; TCVN 12252:2020; ASTM C42-04; BS EN 13791-17; BS EN 6089
5	GẠCH ĐÁT SÉT NUNG	
	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng	TCVN 1450:2009; TCVN 1451:1998; TCVN 6355 - 1÷7:2009; BS EN 772: 2000

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	thể tích; Xác định độ rỗng; Xác định vết tróc do vôi.	
6	GẠCH BLOCK BÊ TÔNG	
	Kiểm tra kích thước; Mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định độ rỗng; Xác định độ thấm nước	TCVN 6477: 2011; ASTM C140-12a
7	VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn; Xác định cường độ uốn và nén của vữa; Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn; Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền; Xác định hàm lượng ion clo hoà tan trong nước; Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121:2003; EN 1015, EN 445, EN 12190; ASTM C109, C230, C807, C953, C1102, C1152, C1218, C1398, C1437 ; TCVN 9080:12
	Xác định thành phần cấp phối vữa	TCVN 4459: 1987

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

D
U
N
G

Số: **69** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **16** tháng **3** năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp bổ sung năng lực Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Liên hiệp Khoa học Địa chất Kiểm định Nền móng Xây dựng Sài Gòn và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 11/3/2022.

CHỨNG NHẬN:

1. Liên hiệp Khoa học Địa chất Kiểm định Nền móng Xây dựng Sài Gòn,
Mã số thuế: 0304743744
Địa chỉ: Số 6 đường 27, P. Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.
Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định xây dựng
Địa chỉ: Số 758/25/7 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.
Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.
2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 498**
3. Giấy chứng nhận này bổ sung cho giấy chứng nhận số 146/GCN-BXD ngày 15/7/2021 của Bộ Xây dựng và có hiệu lực đến ngày 15/7/2026./.

Nơi nhận:

- Liên hiệp Khoa học Địa chất Kiểm định Nền móng Xây dựng Sài Gòn;
- Sở XD Tp. Hồ Chí Minh;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 498
 được thực hiện tại Số 758/25/7 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Q. Bình
 Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-BXD, ngày tháng năm 2022
 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Bê tông tự lèn – Xác định thành phần	TCVN 12631: 2020
	Bê tông cốt sợi - Xác định thành phần	TCVN 12393: 2018
2	XỈ HẠT LỎ CAO	
	Khối lượng riêng; Bề mặt riêng; Chỉ số hoạt tính cường độ; Tỷ lệ độ lưu động; Độ ẩm; Hàm lượng magiê oxit (MgO); Hàm lượng anhydric sulfuric (SO ₃); Hàm lượng ion clorua (Cl); Hàm lượng mất khi nung (MKN)	TCVN 4030: 2003; TCVN 11586: 2016; TCVN 8265: 2009; TCVN 141: 2008
3	VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định các chỉ tiêu cơ lý vữa	TCVN 10667: 2014; TCVN 7201: 2015
4	ĐẤT XÂY DỰNG	
	Hàm lượng Asen; Cadimi; Chì; Crom; Kẽm; Đồng	TCVN 6649: 2000; TCVN 8467: 2010; TCVN 6496: 2009; TCVN 8246: 2009; ISO 11466: 1995; ISO 20280: 2007
5	VẢI ĐỊA KỸ THUẬT; MÀNG VÀ CÁC SẢN PHẨM ĐỊA KỸ THUẬT XÂY DỰNG	
	Xác định sức chọc thủng bằng phương pháp rơi côn	TCVN 8484: 2010
6	BÊ TÔNG NHỰA	
	Khối lượng riêng; Thành phần hạt; Độ ẩm; Chỉ số dẻo; Hệ số thích nước của bột khoáng	22TCN 58 : 1984; ASTM D5329; JIS A5008
	Bê tông nhựa nóng - Phương pháp thử xác định độ mềm từ biến và cường độ bằng mô hình kéo gián tiếp	TCVN 12913: 2020
	Bê tông nhựa - Xác định khả năng kháng ẩm của mẫu đã đầm chặt	TCVN 12914: 2020
7	CÓT COMPOSIT POLYME	
	Hình dạng, kích thước; Tính chất cơ học khi kéo dọc trục; Giới hạn bền khi nén; Giới hạn bền khi cắt ngang; Cường độ bám dính giới hạn với bê tông; Tính bền với môi trường kiềm trong bê tông; Nhiệt độ sử dụng giới hạn	TCVN 11109: 2015
8	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	Thử tải giàn giáo	TCXDVN 296: 2004; TCVN 6052: 1995; TCVN 9344: 2012
	Kiểm tra không phá hủy xác định chiều rộng vết nứt của bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879:2009
	Thí nghiệm kéo neo	ASTM D4435, ASTM E1512
	Thí nghiệm dính bám của cáp DUL với vữa bơm ống gen	ASTM A981
	Xác định chiều dày lớp phủ trên nền BTXM và nền vữa xây	TCVN 11475:16
	Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:12
	Bó via bê tông đúc sẵn và gói công bê tông đúc sẵn: Xác định kích thước và mức sai lệch cho phép; xác định ngoại quan và khuyết tật cho phép; khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015 TCVN 10799:2015

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Thử nghiệm cơ lý Tấm bê tông cốt thép đúc sẵn gia ốc mái kênh và lát mặt đường	TCVN 10798: 2015
	Thử nghiệm cơ lý Gói công bê tông đúc sẵn	TCVN 10799: 2015
	Thử nghiệm cơ lý Bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn - Bể lọc chậm và bể chứa nước sinh hoạt	TCVN 10800: 2015
	Thử nghiệm cơ lý Hồ ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn Giếng thăm hình trụ	TCVN 10333 : 2019
	Thử nghiệm cơ lý Tấm 3D dùng trong xây dựng	TCVN 7575:2007
	Thử nghiệm cơ lý Vật liệu composite polime dùng để gia cường lớp mặt ngoài kết cấu bê tông cốt thép	TCVN 12583: 2019
	Momen đứt gãy bulong, vít và vít cấy	TCVN 10865: 2015
	Thí nghiệm xích sắt dùng trong xây dựng	TCVN 6259 : 2003
	Thử nghiệm cơ lý sản phẩm gốm sứ vệ sinh	TCVN 5436 : 2006
9	VÁN SÀN NHIỀU LỚP	
	Xác định đặc trưng hình học; Xác định độ ấn lõm và vết lõm lưu lại; Xác định độ bền mài mòn; Xác định độ bền chịu tác động của bánh xe chân ghè; Xác định độ bền va đập; Xác định độ trương nở dày sau khi ngâm một phần trong nước; Xác định sự thay đổi kích thước sau khi phơi nhiễm trong điều kiện khí hậu ẩm và khô; Xác định độ bền mối ghép nối cơ học	TCVN 11944: 2018; TCVN 11945: 2018; TCVN 11947: 2018; TCVN 11948: 2018; TCVN 11949: 2018; TCVN 11950: 2018; TCVN 11951: 2018; TCVN 11952: 2018
	Thử nghiệm cơ lý Gỗ xốp composite	TCVN 12760: 2019; TCVN 12762: 2019; TCVN 12765: 2019
10	SƠN HỆ DUNG MÔI VÀ HỆ NƯỚC	
	Chiều dày vạch sơn tín hiệu; Chiều rộng vạch sơn tín hiệu; Màu vạch sơn tín hiệu; Độ chống loang màu; Độ phản quang; Độ phát sáng; Độ mài mòn; Độ bám dính	ISO 2808; TCVN 2102: 2020; ASTM D 6628; TCVN 8786: 2011; TCVN 8787: 2011; ASTM D 4541
	Thử uốn sơn	TCVN 12987: 2020
	Xác định độ mài mòn	TCVN 12988: 2020
	Sơn bảo vệ kết cấu thép: Thử kéo nhỏ; Thử cắt ô và cắt chữ X	TCVN 12816: 2019
	Sơn và vecni: Độ bền mòn theo chu kỳ; Độ phủ	TCVN 12703: 2019
11	CHẤT KẾT DÍNH GÓC NHỰA EPOXY CHO BÊ TÔNG	
	Độ nhớt; Độ chảy sệt; Thời gian tạo gel; Cường độ dính kết; Độ hấp thụ nước; Nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng uốn; Khả năng thích ứng nhiệt; Hệ số co ngót sau khi đóng rắn; Cường độ chịu nén ở điểm chảy; Modun đàn hồi khi nén; Cường độ chịu nén; Độ giãn dài khi đứt; Cường độ liên kết	TCVN 7952: 2008
12	NƯỚC TRONG XÂY DỰNG	
	Xác định nhiệt độ, độ pH, hàm lượng BOD5, hàm lượng COD, hàm lượng chất rắn lơ lửng, hàm lượng Mangan, hàm lượng đồng, hàm lượng kẽm, hàm lượng Niken, hàm lượng Coliform	TCVN 4557:98, TCVN 4559:88, TCVN 6001:95, TCVN 6491:95, TCVN 4560:88, TCVN 4578:88, TCVN 4572:88, TCVN 4575:88, TCVN 4577:88, TCVN 4684:96

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN, THÔNG KẾ**

CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

*Đăng ký lần đầu, ngày 17/10/1998 (SDK: 595);
Đăng ký lần sau (4-067), các ngày: 28/3/2003, 22/4/2003, 09/6/2004, 30/11/2006,
15/7/2015, 31/03/2023*

Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Liên hiệp Khoa học địa chất kiểm định nền móng xây dựng Sài Gòn

Tên viết bằng tiếng nước ngoài:

Saigon Union of Science on Geology Construction Foundation Verification

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: SAIGON UNION

Trụ sở chính:

Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quyết định thành lập:

Hội Địa chất Việt Nam (nay là Tổng Hội Địa chất Việt Nam)
Quyết định số: 39/HDC ngày 26/6/1998

Cơ quan quản lý trực tiếp:

Tổng Hội Địa chất Việt Nam

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Trần Thế Thanh

CCCD số: 056081000887

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC và TTXH

Ngày cấp: 15/4/2021

SỐ ĐĂNG KÝ: A - 067

Hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ sau:

- Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới trong các lĩnh vực địa chất, địa chất thủy văn (10501), đo đạc địa hình, thực hiện các giải pháp xử lý nền móng, xử lý môi trường (rắn, lỏng, khí) (2070101); Nghiên cứu thị trường du lịch địa chất (5070206); Nghiên cứu, thử nghiệm, gia công và cung cấp các máy móc thiết bị thí nghiệm (20310); Nghiên cứu, giám định chất lượng đá quý.

- Dịch vụ KH&CN: Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát công trình, khảo sát thăm dò tài nguyên thiên nhiên, các mỏ vật liệu, nước khoáng, nước ngầm, thủy lợi, nhiệt điện và thủy điện; Ứng dụng các công nghệ mới và tiên tiến cho vật liệu xây dựng và các giải pháp xử lý công trình trên nền đất yếu, thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT), biến dạng lớn (PDA); Thí nghiệm vật liệu xây dựng, vật liệu kim loại, nền tải tĩnh, đánh giá chất lượng cọc khoan nhồi, kiểm tra không phá hủy (thử NDT), thí nghiệm tuyền và làm giàu quặng; Thông tin, chuyên gia công nghệ và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn trong các lĩnh vực nghiên cứu nêu trên.

(Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật, trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026

CỤC TRƯỞNG



Trần Đắc Hiến

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUẾ
CERTIFICATE OF TAX REGISTRATION

MÃ SỐ NGƯỜI NỘP THUẾ <i>TAX IDENTIFICATION NUMBER</i>	0304743744
TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ <i>FULL NAME OF TAXPAYER</i>	LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN
SỐ, NGÀY THÁNG NĂM GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH HOẶC GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ <i>NUMBER AND DATE OF BUSINESS REGISTRATION CERTIFICATE OR ESTABLISHMENT AND OPERATION CERTIFICATE, INVESTMENT CERTIFICATE</i>	A-067 01/12/2006
SỐ, NGÀY THÁNG NĂM CỦA QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP <i>NUMBER AND DATE OF ESTABLISHMENT DECISION</i>	124/2006-QĐ-THĐC ngày 10/11/2006
SỐ, NGÀY THÁNG NĂM, NƠI CẤP CHỨNG MINH THƯ NHÂN DÂN <i>NUMBER OF IDENTITY CARD ISSUED ON (DD/MM/YY) IN..... (CỦA NGƯỜI ĐDPL)</i>	250467838
NGÀY CẤP MÃ SỐ THUẾ <i>DATE OF ISSUING TAX IDENTIFICATION NUMBER</i>	25/12/2006
CƠ QUAN THUẾ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP <i>TAX DEPARTMENT IN CHARGE</i>	CỤC THUẾ TP.HCM PHÒNG KIỂM TRA THUẾ SỐ 3

Ngày .27...tháng..11. năm ..2008
(dd/mm/yy).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
DIRECTOR OF TAX DEPARTMENT



NGUYỄN ĐÌNH TẤN



CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm/Laboratory:

**PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN**

**CONSTRUCTION MATERIALS AND TESTING LABORATORY
SAIGON UNION OF SCIENCE ON GEOLOGY CONSTRUCTION
FOUNDATION VERIFICATION**

Địa điểm PTN/Lab location:

758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
758/25/7 Xo Viet Nghe Tinh, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn
Has been assessed and found to conform with the requirements of standard

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận/Field of Accreditation

Thử nghiệm Cơ, Vật liệu xây dựng, Không phá hủy
Mechanical, Civil engineering, Non-Destructive testing

Phụ lục chi tiết kèm theo QĐ số 1630/QĐ-VACI cấp ngày 29/09/2025
(Appendix attached with the Decision No. 1630/QĐ-VACI dated 29/09/2025)



Phan Minh Hải

Mã số/Accreditation No. **VALAS 182**

Ngày cấp/Date of issue: 29/09/2025

Công nhận lần đầu/First time accreditation: 29/09/2025

Hiệu lực công nhận/Period of Validation: 28/09/2030

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC CÔNG TÁC PHÍA NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: BXD-00001925

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 314/QĐ-CPN-DN ngày 04/7/2022)

**Tên tổ chức: LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: A-067

Ngày cấp: 17/10/1998. Thay đổi lần thứ 5, ngày 30/11/2006.

Nơi cấp: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông/Bà: Trần Thế Thanh

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: Nhà số 6, Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 028 39572592

Số fax: 028 39572592

E-mail: saigonunion498@gmail.com

Website: www.saigonunion.com

Phạm vi hoạt động xây dựng:

- Khảo sát địa chất công trình: Hạng I
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng: Hạng I

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 04/7/2032.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2022

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Ngô Hoàng Nguyên



CHỨNG NHẬN
LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN.

MSDN: 0304743744

Số 205 Đào Duy Từ, Phường Diên Hồng, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số 34/4B Huỳnh Thị Mai, Xã Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

áp dụng

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 9001:2015

Đăng ký chứng nhận bao gồm các lĩnh vực: Thí nghiệm kiểm định xây dựng.

Số đăng ký: VN431-QC

Ngày phê duyệt chứng nhận hiện tại: 18/07/2025

Ngày cấp chứng nhận: 18/07/2025

Ngày chứng nhận lần đầu: 18/08/2009

Ngày hết hiệu lực: 10/05/2028

Sean Bates
Tổng Giám đốc Điều hành
TQCS International (Group) Pty Ltd
Ban phê duyệt Chứng nhận TQCSI



Phạm Thăng Lợi
Giám đốc Chứng nhận
Công ty TNHH Chứng nhận TQCSI Việt Nam

Từ ngày 10/05/2026, Giấy chứng nhận có hiệu lực nếu Công ty thực hiện duy trì hoạt động đánh giá giám sát và kèm theo Quyết định duy trì hiệu lực Giấy chứng nhận của TQCSI Việt Nam. Đánh giá giám sát định kỳ lần 1 sẽ được thực hiện trước ngày 10/05/2026 và đánh giá giám sát định kỳ lần 2 sẽ được thực hiện trước ngày 10/05/2027.




[TQCS International Pty Ltd](http://www.tqcsi.com)



www.iaf.nu



www.jas-anz.org/register

	<p style="text-align: center;">TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM -----o0o-----</p> <p style="text-align: center;">LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN</p>	<p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC -----o0o-----</p> <p style="text-align: center;">Tp.HCM, ngày 10 tháng 08 năm 2017</p>
<p>Số: 1008/QĐ.LHSG-17</p>		

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc thành lập phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

- Căn cứ quyết định số A-067 ngày 01 tháng 12 năm 2006 của Bộ Khoa Học và Công Nghệ về việc thành lập Liên Hiệp Khoa Học Địa Chất Kiểm Định Nền Móng Xây Dựng Sài Gòn;
- Căn cứ điều lệ hoạt động của Liên Hiệp Khoa Học Địa Chất Kiểm Định Nền Móng Xây Dựng Sài Gòn;
- Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Liên Hiệp Sài Gòn.

BAN LÃNH ĐẠO LIÊN HIỆP SÀI GÒN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định xây dựng với vị trí, chức năng, nhiệm vụ như sau:

1. Vị trí:

- PTN số 1: 205 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.HCM
- PTN số 2: 68 Nguyễn Duy Cung, Phường 12, Quận Gò Vấp, Tp.HCM
- PTN số 3: 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.25, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM

2. Chức năng: Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực xây dựng.

3. Nhiệm vụ: Cung ứng và thực hiện các dịch vụ thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định chất lượng công trình xây dựng, vật liệu xây dựng, thiết bị trong xây dựng theo lĩnh vực chuyên môn có điều kiện và năng lực thực hiện.

Điều 2: Ông Trương Nguyễn Thái Duy (Trưởng Phòng TN LAS – XD 498) có trách nhiệm hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức - nhân sự để thực hiện chức năng nhiệm vụ của phòng thí nghiệm.

Điều 3: Ông Trương Nguyễn Thái Duy chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Quý khách hàng
- Toàn thể nhân viên
- Lưu VP

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT
KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN**



LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT
KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

Số: 1008/2017-QĐBN/LHSG

Tp.HCM, ngày 10 tháng 08 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT
KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN**

(V/v: Bổ nhiệm Ông Trương Nguyễn Thái Duy giữ chức vụ

Trưởng Phòng Thí Nghiệm)

- Căn cứ quyết định số 124/2006-QĐ-THĐC cấp ngày 10/11/2006 của Tổng Hội Địa Chất Việt Nam về việc thành lập Liên Hiệp Khoa Học Địa Chất Kiểm Định Nền Móng Xây Dựng Sài Gòn - gọi tắt là Liên Hiệp
- Căn cứ quyết định số A-067 của Bộ Khoa Học và Công Nghệ về cấp giấy phép chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ ngày 01/12/2006.
- Căn cứ quyết định số 170/QĐ-BXD cấp ngày 10/06/2013 và quyết định số 227/QĐ-BXD cấp ngày 19/07/2013 của Bộ Xây Dựng về việc công nhận năng lực thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng cho Las XD 498.
- Xét năng lực và phẩm chất của Ông Trương Nguyễn Thái Duy.
- Theo đề nghị của ông Chánh văn phòng Liên Hiệp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm Ông Trương Nguyễn Thái Duy giữ chức vụ Trưởng Phòng Thí Nghiệm Kiểm Định Xây Dựng tại Liên Hiệp Khoa Học Địa Chất Kiểm Định Nền Móng Xây Dựng Sài Gòn.

Điều 2: Ông Trương Nguyễn Thái Duy có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức, triển khai các hoạt động của Liên Hiệp đúng theo điều lệ đã được Liên Hiệp ban hành.

Điều 3: Ông chánh văn phòng Liên Hiệp và Ông Trương Nguyễn Thái Duy chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4: Quyết định bổ nhiệm này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT
KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Nơi nhận:

Như điều 3

Lưu VP.



**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT
KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN
(SAIGON UNION)**




DANH SÁCH NHÂN SỰ PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ và chuyên môn được đào tạo	Công việc được giao hiện nay
1	Trương Nguyễn Thái Duy	1982	Kỹ sư	Trưởng phòng
2	Võ Chí Nhân	1987	Trung cấp	Thí nghiệm viên
3	Trần Bảo Hoàng	1987	Kỹ sư	Thí nghiệm viên
4	Bùi Đức Thiên	1985	Kỹ sư	Thí nghiệm viên
5	Đình Viết Tâm	1984	Kỹ sư	Thí nghiệm viên
6	Lý Chấn Hán	1981	Thí nghiệm viên	Thí nghiệm viên
7	Nguyễn Công Sơn	1992	Cao đẳng	Thí nghiệm viên
8	Đình Văn Quyến	1990	Cao đẳng	Thí nghiệm viên
9	Phạm Văn Nin	1991	Cao đẳng	Thí nghiệm viên
10	Trần Thành Thông	1985	Thí nghiệm viên	Thí nghiệm viên
11	Vũ Trọng Minh	1985	Thí nghiệm viên	Thí nghiệm viên
12	Trương Hoàng Phước	1981	Thí nghiệm viên	Thí nghiệm viên
13	Phạm Đăng Tiến	1988	Kỹ sư	Thí nghiệm viên
14	Võ Văn Lo	1991	Cao đẳng	Thí nghiệm viên
15	Lâm Quang Bính	1992	Cao đẳng	Thí nghiệm viên
16	Nguyễn Duy Trung	1995	Trung cấp	Thí nghiệm viên
17	Nguyễn Khắc Bình	1991	Cao đẳng	Thí nghiệm viên
18	Huỳnh Tấn Lực	1989	Trung cấp	Thí nghiệm viên
19	Châu Minh Tâm	1991	Cao đẳng	Thí nghiệm viên
20	Lê Văn Tính	1994	Cao đẳng	Thí nghiệm viên
21	Phạm Minh Phú	1994	Cao đẳng	Thí nghiệm viên
22	Hồ Đắc Minh Thành	1994	Cao đẳng	Thí nghiệm viên
23	Nguyễn Tấn	1995	Cao đẳng	Thí nghiệm viên
24	Bạch Văn Có	1994	Cao đẳng	Thí nghiệm viên

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ và chuyên môn được đào tạo	Công việc được giao hiện nay
25	Huỳnh Quang Vũ	1994	Thí nghiệm viên	Thí nghiệm viên
26	Phan Thế	1994	Cao đẳng	Thí nghiệm viên
27	Từ Chí Toàn	1994	Cao đẳng	Thí nghiệm viên
28	Ngô Thùy Nga	1993	Cao đẳng	Thí nghiệm viên
29	Cao Võ Ngọc My	1996	Thí nghiệm viên	Thí nghiệm viên
30	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	1995	Cao đẳng	Thí nghiệm viên
31	Đỗ Nguyễn Quốc Tiến	1997	Cao đẳng	Thí nghiệm viên
32	Lê Chí Hiếu	1992	Cao đẳng	Thí nghiệm viên
33	Nguyễn Thị Thu Thủy	1993	Đại học	Thí nghiệm viên
34	Phạm Minh Toàn	1993	Thí nghiệm viên	Thí nghiệm viên

Số hiệu: 004-K03 / QLPTN



Vào sổ số 14A/ST1... ngày 29... tháng 09... năm 2016...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----oOo-----

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀNG KHÔNG

CẤP
Chứng chỉ hoàn thành khóa học

Cho: Ông: Trương Nguyễn Thái Duy
 Ngày sinh: 07 / 07 / 1982
 Nơi sinh: Khánh Hòa
 Tên khóa học: Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
 Thời gian: Từ 22 / 09 / 2016 đến 27 / 09 / 2016
 Tổng số giờ: 40

TP. HCM, ngày 29 tháng 09 năm 2016




Ts. Nguyễn Văn Lý

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Rector
of Ho Chi Minh City University of Technology (HUTECH)

confers
THE DEGREE OF BACHELOR

Upon: (Mr, Ms) Trương Nguyễn Thái Duy
 Born on: 07/07/1982
 Major in: Civil Engineering
 Ranking: Strong-pass
 Mode of study: Part-time



Serial number: 00259527
 Reference number: D11XD84

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Hiệu trưởng
Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ TP. Hồ Chí Minh

cấp
BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC



Danh hiệu : **Bằng Kỹ sư**

Cho: Ông: Trương Nguyễn Thái Duy
 Giới tính: Nam
 Ngày, tháng, năm sinh: 07/07/1982
 Ngành đào tạo: Kỹ thuật xây dựng công trình
 Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình khá
 Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2017



Số hiệu: 00259527
 Số vào sổ cấp bằng: D11XD84 PGS. TSKH. Hồ Đắc Lộc

<p>Số hiệu: <u>246 / AET</u></p>  <p>Vào sổ số: <u>631</u> ngày <u>31</u> tháng <u>12</u> năm <u>2009</u></p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----oO-----</p> <p>TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI</p> <p>CẤP Chứng chỉ hoàn thành khóa học</p> <p>Cho: <u>Võ Chí Thọ</u> Ngày sinh: <u>1987</u> Nơi sinh: <u>Bình Định</u> Tên khóa học: <u>Thực nghiệm Xi măng và Bê tông xi măng</u> Thời gian: Từ <u>18/10/09</u> đến <u>2/11/2009</u> Tổng số giờ: <u>75</u> Tiết</p> <p>Tp. HCM ngày <u>31</u> tháng <u>12</u> năm <u>2009</u></p> 
--	--

<p>VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY</p>  <p>It is hereby certified that: Mr. TRAN BAO HOANG Has successfully passed the Training Course on Testing Methods for Determining the Physico-Mechanical Properties of Concrete and Building Materials</p> <p>Ref. N^o: 15510/2018/VKH - TNXD</p>	<p>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG</p> <p>Chứng nhận: Ông TRẦN BẢO HOÀNG Ngày sinh: 12/11/1987 - Quê quán: Đồng Tháp Cơ quan: Liên hiệp KH ĐC KĐ Nền móng XD Sài Gòn Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý Bê tông và Vật liệu Xây dựng</p> <p>Thời gian tổ chức: Từ ngày 16/4/2018 đến ngày 10/5/2018 Tại: Phân Viện KHCN xây dựng Miền Nam</p> <p>Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2018</p>  <p>TS. Nguyễn Đại Minh</p>
---	---

HỒ CHÍ MINH CITY UNIVERSITY OF TRANSPORT
CENTER FOR SCIENTIFIC RESEARCH AND
TECHNOLOGY DEVELOPMENT OF TRANSPORT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



It is hereby certified that

Mr/Ms *Bui Duc Thien*

has completed the short training program in
Pile Quality Testing and Evaluation

Time: from t... *27/10/2017*to..... *31/10/2017*.....

Ref. N^o: ...*090*...../CSTT-GCNTNC

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC & PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ GTVT

Chứng nhận: Ông/Bà *Bui Duc Thien*

Sinh ngày: *18/05/1985*..... Quê quán: *Đắk Lắk*.....

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng:

Nhiệm vụ Kiểm định và Đánh giá chất lượng cọc
trong xây dựng công trình

Thời gian: từ *27/10/2017* đến *31/10/2017*.....

Tổ chức tại: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ GTVT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày *31* tháng *10* năm *2017*



TS. *Vương Cán Đức*

CỤC GIÁM ĐỊNH NHÀ NƯỚC VỀ
CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
QUẢN LÝ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG NHẬN
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ**

(Để án "Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng
công trình xây dựng ở Việt Nam")

Chứng nhận: Ông/Bà: *Bùi Đức Thiên*

Ngày sinh: *18/05/1985* Nơi sinh: *Đắk Lắk*

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm
định chất lượng công trình xây dựng tổ chức tại TP. Hồ
Chí Minh

Lĩnh vực: Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp; Giao
thông; Thủy lợi - Thủy điện

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số: 481/2014/CNBDNV-CDMI



Nguyễn Quang Hiệp

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

CHỨNG CHỈ NGHỀ

Số hiệu: 002961679 /LĐTBXH -DN



Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Vào sổ số: 270
Ngày 06 tháng 4 năm 2007

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG / GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Cấp cho: *Bùi Đức Thiên*
Sinh ngày: 18/5/1985
Nguyên quán: ĐAK LẮK
Nghề đào tạo: *Chỉ huy viên vận hành XD GT*
Từ ngày 20/10/2016 đến ngày 16/3/2017
Theo quyết định số: 25/QĐ-Đ.T.
Ngày 02 tháng 4 năm 2007

..... ngày 6 tháng 4 năm 2007
Hiệu trưởng / Giám đốc



Th.S Nguyễn Như Hiệp

Số hiệu: 004-K04 / QLPTN



Vào sổ số: 01/AviaSTI ngày 28 tháng 10 năm 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----000-----

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀNG KHÔNG

CẤP

Chứng chỉ hoàn thành khóa học

Ông: Bùi Đức Thiên

Cho: 18/05/1985

Ngày sinh: Đak Lak

Nơi sinh: Quản lý phòng thí nghiệm

Tên khóa học: chuyên ngành xây dựng

Thời gian: Từ 23/10/2017 đến 27/10/2017

Tổng số giờ: 40

Tp.HCM ngày 28 tháng 10 năm 2017



VIỆN TRƯỞNG

Ps. Nguyễn Văn Lý



GIẤY CHỨNG NHẬN

Certificate of Attendance

Chứng nhận

Bùi Đức Thiên

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

Đã tham dự khóa học

**ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ VỀ
CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA
TỔ CHỨC TIẾN HÀNH GIÁM ĐỊNH
THEO TCVN ISO/IEC 17020:2012**

Do Trung tâm Kỹ thuật
Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 tổ chức

Từ ngày 16/11 đến ngày 18/11/2016

Giấy chứng nhận số: 4184/ĐT212.16



Giám đốc

Hoàng Lâm

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



Ref. N^o 6329 /2009/VKH -TH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Đinh Viết Tâm**

Ngày sinh: **8/02/1984** - Quê quán: **Quảng Ngãi**

Cơ quan:

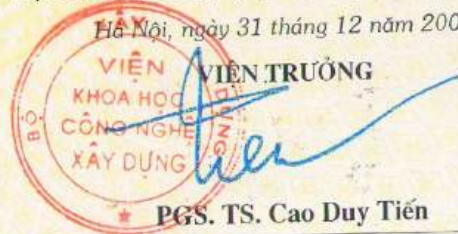
Đã hoàn thành chương trình tập huấn về:

**Kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo
an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp
về chất lượng công trình**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 28/12 đến ngày 29/12/2009

Tại: Viện Khoa học công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2009



PGS. TS. Cao Duy Tien

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. Dinh Viet Tam

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining
the Physico - Mechanical Properties of
Metallic Materials and Welding Joints**

In December 2009

Ref. N^o: 6259/2009/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Đinh Viết Tâm**

Ngày sinh: **08/02/1984** - Quê quán: **Quảng Ngãi**

Cơ quan: Liên Hiệp KHĐC - KĐNM XD Sài Gòn

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp thử các tính chất cơ-lý của
vật liệu Kim loại và Liên kết hàn**

Thời gian: Từ ngày 08/12/2009 đến 18/12/2009

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2009



PGS. TS. Cao Duy Tien

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: 000733482/LĐT BXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào sổ số: 3896
Ngày 08 tháng 05 năm 2006

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trưởng: CAO ĐĂNG
GIAO THÔNG VẬN TẢI III

Cấp cho: **Dinh Viet Tam**
Sinh ngày: 08/02/1984
Nguyên quán: Quảng Ngãi
Nghề đào tạo: TN kiểm tra chất lượng đường ôtô
Từ ngày 18/10/04 đến ngày 18/04/06
Đạt trình độ thợ bậc: 3/7
Tốt nghiệp hạng: Trung bình
Theo quyết định số: 236/QĐ-CP3
Ngày 08 tháng 05 năm 2006

TP.HCM, ngày 08 tháng 05 năm 2006



VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. DINH VIET TAM

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials**

Ref. N^o15505 /2018/VKH -TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Ông ĐINH VIỆT TÂM
Ngày sinh: 08/02/1984 - Quê quán: Quảng Ngãi
Cơ quan: Liên hiệp KH ĐC KĐ Nền móng XD Sài Gòn
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý
Bê tông và Vật liệu Xây dựng**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 16/4/2018 đến ngày 10/5/2018

Tại: Phân Viện KHCN xây dựng Miền Nam

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2018



TS. Nguyễn Đại Minh

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN



(Chữ ký của người được cấp)



Chứng nhận ông/bà: **Dinh Việt Tâm**

Ngày sinh: 08 / 02 / 1984

Nơi thường trú: **Quảng Ngãi**

Đã hoàn thành chương trình: **Bồi dưỡng nghiệp vụ
Kiểm định chất lượng công trình xây dựng**
(theo Đề án "Tăng cường năng lực kiểm định chất
lượng công trình xây dựng ở Việt Nam")

Lĩnh vực kiểm định: **Giao thông**

Tổ chức từ ngày 11/12/2014 đến ngày 15/12/2014

Tại: **TP. Hồ Chí Minh** Xếp loại: **Khá**

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2014

GIÁM ĐỐC



TS. Đào Huy Hoàng

Số CMT (hoặc hộ chiếu): 212221513

Ngày cấp: 11/11/2013 Nơi cấp: Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam

Số: 27.K2/KĐCLCTGT

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **Ly Chan Han**

Has successfully passed Training Course on

**Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Metallic Materials and Welding Joints**

In September - October 2004

Ref. N°. 465.2/2004/VKH - TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Lý Chấn Hán**

Ngày sinh: 18/6/1981 - Quê quán: TP. HCM

Cơ quan: Cty Tư vấn XD SINO PACIFIC

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp thử các tính chất cơ-lý
vật liệu kim loại và liên kết hàn**

Thời gian tổ chức: Tháng 9 - 10 năm 2004

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 3 tháng 10 năm 2004

Viện trưởng
VIỆN KHCN XÂY DỰNG



PGS., TS. Cao Duyệt Tiên

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: **000143382** /LĐT BXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào số số: **2361**.....
Ngày **24** tháng **08** năm **2001**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trưởng: **TRUNG HỌC**
Giao Thông Vận Tải Khu Vực 3

Cấp cho: *Ly Chan Han*

Sinh ngày: *18-06-1981*

Nguyên quán: *Đ. Hồ Chí Minh*

Nghề đào tạo: *Tài xế vận hành chất lượng đường ô tô*

Từ ngày đến ngày

Đạt trình độ thợ bậc: *3/7*

Tốt nghiệp hạng: *Khá*

Theo quyết định số: *163/QĐ-ĐT*

Ngày *29* tháng *06* năm *2001*

TP. HCM, ngày *22* tháng *08* năm *2001*



Nguyễn Đức Tài

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN

Chứng nhận ông/bà: *Ly Chan Han*

Ngày sinh: *18/6/1981*

Nơi thường trú: *TP. HCM*

Đã hoàn thành chương trình: *Bồi dưỡng nghiệp vụ*

Kiểm định chất lượng công trình xây dựng

(theo Đề án "Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam")

Lĩnh vực kiểm định: *Giao thông*

Tổ chức từ ngày *11/12/2014* đến ngày *15/12/2014*

Tại: *TP. Hồ Chí Minh* Xếp loại: *Khá*

Hà Nội, ngày *22* tháng *12* năm *2014*



TS: Đào Huy Hoàng

Số CMT (hoặc hộ chiếu): **023631887**

Ngày cấp: **19/8/2009** Nơi cấp: **TP. HCM**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Số: **26.K2/KĐCLCTGT**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

**CHỨNG CHỈ
SƠ CẤP NGHỀ**



Cho: **NGUYỄN CÔNG SƠN**

Ngày sinh: 1992 Giới tính: Nam

Nơi sinh: BÌNH THUẬN

Nghề đào tạo: Thí nghiệm viên ngành xây dựng công trình

Khoá học từ tháng 06 / 2013 đến tháng 07 / 2013

Tốt nghiệp loại: Giỏi

Tp. HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2013

Số hiệu chứng chỉ: 307/AET

Vào sổ cấp chứng chỉ số: 307

Ngày 12 tháng 08 năm 2013



GIÁM ĐỐC

Phạm Hoài Chánh



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

CHỨNG CHỈ
SƠ CẤP NGHỀ



Cho: **ĐINH VĂN QUYẾN**

Ngày sinh: 1990 Giới tính: Nam

Nơi sinh: QUẢNG BÌNH

Nghề đào tạo: Thí nghiệm viên ngành xây dựng công trình

Khoá học từ tháng 07 / 2012 đến tháng 08 / 2012

Tốt nghiệp loại: Giỏi

Tp. HCM , ngày 22 tháng 08 năm 2012

GIÁM ĐỐC

Số hiệu chứng chỉ: 241/AET

Vào sổ cấp chứng chỉ số: 241

Ngày 22 tháng 08 năm 2012



Bùi Nam Lý

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. DINH VAN QUYEN

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials**

Ref. N^o: 15511/2018/VKH -TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **DINH VĂN QUYÊN**

Ngày sinh: **06/06/1990** - Quê quán: **Quảng Bình**

Cơ quan: **Liên hiệp KH ĐC KĐ Nền móng XD Sài Gòn**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý
Bê tông và Vật liệu Xây dựng**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 16/4/2018 đến ngày 10/5/2018

Tại: Phân Viện KHCN xây dựng Miền Nam

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2018

XÂY
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN
KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG
TS. Nguyễn Đại Minh

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF TRANSPORT
CENTER FOR SCIENTIFIC RESEARCH AND
TECHNOLOGY DEVELOPMENT OF TRANSPORT



It is hereby certified that:

Mr/Ms **Phan Văn Nin**

has completed the short training program in
Pile Quality Testing and Evaluation

Time: from **27/10/2017** to **31/10/2017**

Ref. N^o: **086**/CSTT-GCNTNC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC & PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ GTVT

Chứng nhận: Ông/Bà **Phan Văn Nin**

Sinh ngày: **25/06/1991** Quê quán: **Ninh Bình**

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng:

**Nhiệm vụ Kiểm định và Đánh giá chất lượng cọc
trong xây dựng công trình**

Thời gian: từ **27/10/2017** đến **31/10/2017**

Tổ chức tại: **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ GTVT**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **31** tháng **10** năm **2017**

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC VÀ
PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ
GIAO THÔNG
VẬN TẢI
TS. Vương Cảnh Đức



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

cấp

**CHỨNG CHỈ
SƠ CẤP NGHỀ**



Cho: **PHẠM VĂN NIN**

Ngày sinh: 1991 Giới tính: Nam

Nơi sinh: NINH BÌNH

Nghề đào tạo: Thí nghiệm viên ngành xây dựng công trình

Khoá học từ tháng 03 / 2013 đến tháng 06 / 2013

Tốt nghiệp loại: Khá

Tp. HCM , ngày 27 tháng 06 năm 2013

Số hiệu chứng chỉ: 286/AET

Vào sổ cấp chứng chỉ số: 286

Ngày 27 tháng 06 năm 2013

GIÁM ĐỐC



Phan Hoài Thanh

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: 000816658 /LĐTBXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào sổ số: 4033
Ngày: 15 tháng 01 năm 2007

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trường: CAO ĐẲNG
GIAO THÔNG VẬN TẢI III

Cấp cho: Vũ Trọng Minh
Sinh ngày: 10/01/1985
Nguyên quán: Đắk Lắk
Nghề đào tạo: TN kiểm tra chất lượng đường ôtô
Từ ngày: 18/10/06 đến ngày: 18/04/06
Đạt trình độ thợ bậc: 3/7
Tốt nghiệp hạng: Trung bình
Theo quyết định số: 11/QĐ-CĐ3
Ngày: 16 tháng 01 năm 2007

TP.HCM ngày: 15 tháng 01 năm 2007



BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: 000733479 /LĐTBXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào sổ số: 3893
Ngày: 08 tháng 05 năm 2006

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trường: CAO ĐẲNG
GIAO THÔNG VẬN TẢI III

Cấp cho: Trương Hoàng Phước
Sinh ngày: 14/11/1981
Nguyên quán: Khánh Hòa
Nghề đào tạo: TN kiểm tra chất lượng đường ôtô
Từ ngày: 18/10/04 đến ngày: 18/04/06
Đạt trình độ thợ bậc: 3/7
Tốt nghiệp hạng: Trung bình
Theo quyết định số: 236/QĐ-CĐ3
Ngày: 08 tháng 05 năm 2006

TP.HCM, ngày: 08 tháng 05 năm 2006





CENTER FOR NUCLEAR TECHNOLOGIES

217 Nguyen Trai st, Dist. 1, Ho Chi Minh City – Tel: (028) 38356568 – Fax: (028) 38367361



THIS IS TO CERTIFY THAT
Mr. TRUONG HOANG PHUOC
of
SAIGON UNION

Has successfully passed exams to meet requirements for certification renewal in accordance with the ASNT Recommended Practice No. SNT-TC-1A, Personnel Qualification and Certification in Non-Destructive Testing, in the following Method and Level:

Method: ULTRASONIC TESTING

Issue Date of: April 01, 2023

Level: II

Expiry Date: April 01, 2026

EXAM	SCORE	WEIGHTED SCORE	PASSING MINIMUM
GENERAL (G)	N/A	N/A	N/A
SPECIFIC (S)	80.0	1/2	70.00
PRACTICAL (P)	89.0	1/2	80.00
COMPOSITE SCORE	84.5	(S + P)/2	80.00

NEAR VISUAL ACUITY
COLOR DIFFERENTIATION

OK
OK

FILE NO.: CNT/UT/2023
CERT NO.: CNT-UT-107

This certificate is issued to enable the employer to certify the individual as per their written practice framed to requirements of SNT-TC-1A

DAO DUY DUNG

NDT Level III

Cert No. 119197

PHAN CHANH VU

Training Sector Manager

HO MANH DUNG

Executive Dep. Director
Of Center for Nuclear Technologies



CENTER FOR NUCLEAR TECHNOLOGIES

217 Nguyen Trai st, Dist. 1, Ho Chi Minh City – Tel: (028) 38356568 – Fax: (028) 38367361



THIS IS TO CERTIFY THAT
Mr. TRUONG HOANG PHUOC
of
SAIGON UNION

Has successfully passed exams to meet requirements for certification renewal in accordance with the ASNT Recommended Practice No. SNT-TC-1A, Personnel Qualification and Certification in Non-Destructive Testing, in the following Method and Level:

Method: MAGNETIC PARTICLE TESTING

Issue Date of: April 06, 2023

Level: II

Expiry Date: April 06, 2026

EXAM	SCORE	WEIGHTED SCORE	PASSING MINIMUM
GENERAL (G)	N/A	N/A	N/A
SPECIFIC (S)	75.0	1/2	70.00
PRACTICAL (P)	95.0	1/2	80.00
COMPOSITE SCORE	85.0	(S + P)/2	80.00

NEAR VISUAL ACUITY
COLOR DIFFERENTIATION

OK
OK

FILE NO.: CNT/MT/2023
CERT NO.: CNT-MT-76

This certificate is issued to enable the employer to certify the individual as per their written practice framed to requirements of SNT-TC-1A

DAO DUY DUNG

NDT Level III

Cert No. 119197

PHAN CHANH VU

Training Sector Manager

HO MANH DUNG

Executive Dep. Director
Of Center for Nuclear Technologies



VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **PHAM DANG TIEN**

Has successfully passed the Training Course on

***Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials***

Ref. N^o: 10900 /2014/VKH - TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhân: Ông **PHẠM ĐĂNG TIẾN**

Ngày sinh: **08/11/1988** - Quê quán: Thanh Hóa

Cơ quan: Công ty TNHH MTV KH&CN IGC Việt Nam
- Trung tâm Giám định đo lường IGC (Las XD 174)

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

***Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý
Bê tông và Vật liệu Xây dựng***

Thời gian tổ chức: Từ ngày 08/4/2014 đến ngày 29/4/2014

Tại: Phân Viện KHCN Xây dựng Miền Nam

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2014



*TS. Trịnh Việt Cường



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

CHỨNG CHỈ
SƠ CẤP NGHỀ



Cho: VÕ VĂN LO

Ngày sinh: 1991

Giới tính: Nam

Nơi sinh: TÂY NINH

Nghề đào tạo: Thí nghiệm viên ngành xây dựng công trình

Khoá học từ tháng 05 / 2012 đến tháng 06 / 2012

Tốt nghiệp loại: GIỎI

Tp. HCM, ngày 02 tháng 07 năm 2012

GIÁM ĐỐC

Số hiệu chứng chỉ: 226/AET

Vào sổ cấp chứng chỉ số: 226

Ngày 02 tháng 07 năm 2012



Bùi Nam Lý

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

General Director
Daihue Aviation Vocational Training Construction Joint Stock Company

has conferred
CERTIFICATE
level: short term of VQE
Major in construction testing

Upon: Lam Quang Binh ID No.: 052092009260

Date of birth: 06/07/1992 Place of birth: Binh Dinh

Graduation grade: Good



In October 2024

Reg. No: 02/K01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tổng Giám Đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Đào tạo nghề Hàng không Đại Huệ

cấp
CHỨNG CHỈ SƠ CẤP
ngắn hạn

Nghề thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Cho: Lam Quang Binh CCCD số: 052092009260

Ngày sinh: 06/07/1992 Nơi sinh: Bình Định

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Tp. HCM, ngày 28 tháng 10 năm 2024



Số hiệu: 02/K01

Số vào sổ cấp CC: 01

Ts. Nguyễn Văn Lê



CENTER FOR NUCLEAR TECHNOLOGIES

217 Nguyen Trai st, Dist. 1, Ho Chi Minh City - Tel: (028) 38356568 - Fax: (028) 38367361

THIS IS TO CERTIFY THAT
Mr. LAM QUANG BINH
of
SAIGON UNION



Has successfully passed exams to meet requirements for certification renewal in accordance with the ASNT Recommended Practice No. SNT-TC-1A, Personnel Qualification and Certification in Non-Destructive Testing, in the following Method and Level:

Method: **MAGNETIC PARTICLE TESTING**

Issue Date of: August 10, 2023

Level: **II (two)**

Expiry Date: August 10, 2026

EXAM	SCORE	WEIGHTED SCORE	PASSING MINIMUM
GENERAL (G)	N/A	N/A	N/A
SPECIFIC (S)	75.0	1/2	70.00
PRACTICAL (P)	96.0	1/2	80.00
COMPOSITE SCORE	85.5	(S + P)/2	80.00

NEAR VISUAL ACUITY

OK

COLOR DIFFERENTIATION

OK

This certificate is issued to enable the employer to certify the individual as per their written practice framed to requirements of SNT-TC-1A

DAO DUY DUNG

NDT Level III

Cert No. 119197

PHAN CHANH VU

Training Sector Manager



FILE NO.: CNT/MT/2023

CERT NO.: CNT-MT-97

HỒ MẠNH DUNG

Executive Dep. Director

Of Center for Nuclear Technologies



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

**CHỨNG CHỈ
SỞ CẤP NGHỀ**



Cho: Nguyễn Duy Trung
Ngày sinh: 1995 Giới tính: Nam
Nơi sinh: Khánh Hoà
Nghề đào tạo: Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng công trình
Khóa học từ tháng 09 / 2015 đến tháng 11 / 2015
Tốt nghiệp loại: Trung bình khá

Tp. HCM, ngày 25 tháng 11 năm 2015

GIÁM ĐỐC

Số hiệu chứng chỉ: 451/AET
Vào sổ cấp chứng chỉ số: 451
Ngày 25 tháng 11 năm 2015



Phan Hoài Thanh



CENTER FOR NUCLEAR TECHNOLOGIES

217 Nguyen Trai st, Dist. 1, Ho Chi Minh City – Tel: (028) 38356568 – Fax: (028) 38367361



THIS IS TO CERTIFY THAT
Mr. NGUYEN DUY TRUNG
of
SAIGON UNION

Has successfully passed exams to meet requirements for certification renewal in accordance with the ASNT Recommended Practice No. SNT-TC-1A, Personnel Qualification and Certification in Non-Destructive Testing, in the following Method and Level:

Method: MAGNETIC PARTICLE TESTING

Issue Date of: April 06, 2023

Level: II

Expiry Date: April 06, 2026

EXAM	SCORE	WEIGHTED SCORE	PASSING MINIMUM
GENERAL (G)	N/A	N/A	N/A
SPECIFIC (S)	70.0	1/2	70.00
PRACTICAL (P)	90.0	1/2	80.00
COMPOSITE SCORE	80.0	(S + P)/2	80.00

NEAR VISUAL ACUITY
COLOR DIFFERENTIATION

OK
OK

This certificate is issued to enable the employer to certify the individual as per their written practice framed to requirements of SNT-TC-1A

DAO DUY DUNG
NDT Level III
Cert No. 119197

PHAN CHANH VU
Training Sector Manager

FILE NO.: CNT/MT/2023
CERT NO.: CNT-MT-75

HO MANH DUNG
Executive Dep. Director
Of Center for Nuclear Technologies



CENTER FOR NUCLEAR TECHNOLOGIES

217 Nguyen Trai st, Dist. 1, Ho Chi Minh City – Tel: (028) 38356568 – Fax: (028) 38367361



THIS IS TO CERTIFY THAT
Mr. NGUYEN DUY TRUNG
of
SAIGON UNION

Has successfully passed exams to meet requirements for certification renewal in accordance with the ASNT Recommended Practice No. SNT-TC-1A, Personnel Qualification and Certification in Non-Destructive Testing, in the following Method and Level:

Method: ULTRASONIC TESTING

Issue Date of: August 17, 2024

Level: II (two)

Expiry Date: August 17, 2027

EXAM	SCORE	WEIGHTED SCORE	PASSING MINIMUM
GENERAL (G)	N/A	N/A	N/A
SPECIFIC (S)	92.0	1/2	70.00
PRACTICAL (P)	88.0	1/2	80.00
COMPOSITE SCORE	90.0	(S + P)/2	80.00

NEAR VISION ACUITY
COLOR CONTRAST DIFFERENTIATION

OK
OK

This certificate is issued to enable the employer to certify the individual as per their written practice framed to requirements of SNT-TC-1A

DAO DUY DUNG
NDT Level III
Cert No. 119197

PHAN CHANH VU
Training Sector Manager

FILE NO.: CNT/UT/2024
CERT NO.: CNT-UT-157

TRAN THI BICH LIEN
Deputy Director
Of Center for Nuclear Technologies



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

**CHỨNG CHỈ
SƠ CẤP NGHỀ**



Cho: NGUYỄN KHẮC BÌNH

Ngày sinh: 1991 Giới tính: Nam

Nơi sinh: LONG AN

Nghề đào tạo: Thí nghiệm viên ngành xây dựng công trình

Khoá học từ tháng 05 / 2012 đến tháng 06 / 2012

Tốt nghiệp loại: GIỎI

Tp. HCM, ngày 02 tháng 07 năm 2012

CHẤM ĐÓC

Số hiệu chứng chỉ: 219 / AET

Vào sổ cấp chứng chỉ số: 219

Ngày 02 tháng 07 năm 2012



Bùi Nam Lý



It is hereby certified that

Mr/Ms *Nguyễn Khắc Bình*

has completed the short training program in
Pile Quality Testing and Evaluation

Time: from *27/10/2017* to *31/10/2017*

Ref. N°: *078* /CSTT-GCNTNC

GIÁM ĐỐC

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC & PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ GTVT**

Chứng nhận: Ông/Bà *Nguyễn Khắc Bình*

Sinh ngày: *15/07/1991* Quê quán: *Long An*

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng:

**Nghệ vụ Kiểm định và Đánh giá chất lượng cọc
trong xây dựng công trình**

Thời gian: từ *27/10/2017* đến *31/10/2017*

Tổ chức tại: **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ GTVT**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2017.



TS. Vương Cảnh Đức

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

CHỨNG CHỈ

Cho ông/bà: *Lê Chí Hiếu*

Sinh ngày: *01/01/1992*

Nơi thường trú: *Vĩnh Long*

Trình độ chuyên môn:

Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: **Xây dựng giao thông**

Khóa: *152*

Tổ chức: *10/02 + 20/02/2023*

Xếp loại: **Khá**



(Chữ ký của người được cấp)



**KT VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Dinh Văn Tiến

Số: *22.152.23/VKHCN-TNV*
(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

cấp

**CHỨNG CHỈ
SƠ CẤP NGHỀ**



Cho: **CHÂU MINH TÂM**

Ngày sinh: 1991 Giới tính: Nam

Nơi sinh: **ĐỒNG THÁP**

Nghề đào tạo: **Thí nghiệm viên ngành xây dựng công trình**

Khoá học từ tháng 06 / 2013 đến tháng 07 / 2013

Tốt nghiệp loại: **Giỏi**

Tp. HCM , ngày 12 tháng 08 năm 2013

Số hiệu chứng chỉ: 306/AET

Vào sổ cấp chứng chỉ số: 306

Ngày 12 tháng 08 năm 2013



GIÁM ĐỐC

Phan Hoài Thành

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

CHỨNG CHỈ



(Chữ ký của người được cấp)



Cho ông/bà: *Lê Văn Tỉnh*

Sinh ngày: 28/09/1994

Nơi thường trú: *Bến Tre*

Trình độ chuyên môn:

Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: *Thí nghiệm Vật liệu xây dựng*

Khóa: 03

Tổ chức: 08/04 + 19/04/2021

tại: *Thành phố Hà Nội*

Xếp loại: *Giỏi*

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2021



KI. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Dinh Văn Tiến

Số: 159.03.21/VKHCN-TNV

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

CHỨNG CHỈ



(Chữ ký của người được cấp)



Cho ông/bà: *Phạm Minh Phú*

Sinh ngày: 08/12/1994

Nơi thường trú: *TP. Hồ Chí Minh*

Trình độ chuyên môn:

Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: *Thí nghiệm Vật liệu xây dựng*

Khóa: 03

Tổ chức: 08/04 + 19/04/2021

tại: *Thành phố Hà Nội*

Xếp loại: *Giỏi*

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2021



KI. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Dinh Văn Tiến

Số: 162.03.21/VKHCN-TNV

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS



It is here by certified that
Mr/Mrs: HO DAC MINH THANH
Has successfully passed the training course on
Testing Methods for Determining
Physical and Mechanical Properties of concrete
and materials for concrete.

In Jun 2018

Ref. N^o:1806-A00017/VND-CCTNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **HỒ ĐẮC MINH THÀNH**

Ngày sinh: 14/04/1994

Quê quán: Thừa Thiên Huế

Đã tốt nghiệp khoá đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định tính chất cơ - lý của
Bê tông và vật liệu cho bê tông**

Do Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt
Đới - Trường Đại học Xây dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 06/2018

Kết quả học tập: **Đạt loại Khá**



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. *Bạch Đình Chiêm*

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT



(Chữ ký của người được cấp)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

CHỨNG CHỈ

Cho ông/bà: *Nguyễn Tấn*

Sinh ngày: 10/07/1995

Nơi thường trú: *Bình Thuận*

Trình độ chuyên môn: *Cao đẳng - Công nghệ KTCTXD*

Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: *Thí nghiệm Vật liệu xây dựng*

Khóa: *06*

Tổ chức: *01/06 - 15/06/2022*

tại: *Thành phố Hà Nội*

Xếp loại: *Giỏi*

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2022



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đinh Văn Tiến

Số: 392.06.22/VKHCN-TNV

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. BACH VAN CO

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials**

Ref. N^o: 15512/2018/VKH - TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Ông BẠCH VĂN CỐ

Ngày sinh: 27/02/1994 - Quê quán: Quảng Ngãi

Cơ quan: Liên hiệp KH ĐC KĐ Nền móng XD Sài Gòn

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý
Bê tông và Vật liệu Xây dựng**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 16/4/2018 đến ngày 10/5/2018

Tại: Phân Viện KHCN xây dựng Miền Nam

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2018



TS. Nguyễn Đại Minh

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT



(Chữ ký của người làm chứng)

Số: 82.05.23/VKHCN-TNV
(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
Cấp
CHỨNG CHỈ

Cho ông/bà: **Huỳnh Quang Vũ**

Sinh ngày: 07/04/1994

Nơi thường trú: **Hồ Chí Minh**

Trình độ chuyên môn:

Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: **Chuyên ngành giao thông**

Khóa: 05

Tổ chức: 02/03 ÷ 15/03/2023

tại: **Thành phố Hà Nội**

Xếp loại: **Khá**

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023



Đinh Văn Tiên

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **PHAN THE**

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials**

Ref. N^o: 15513/2018/VKH -TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **PHAN THẾ**

Ngày sinh: **18/03/1994** - Quê quán: **Bình Định**

Cơ quan: **Liên hiệp KH ĐC KD Nền móng XD Sài Gòn**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý
Bê tông và Vật liệu Xây dựng**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 16/4/2018 đến ngày 10/5/2018

Tại: Phân Viện KHCN xây dựng Miền Nam

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2018



TS. Nguyễn Đại Minh

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT



(Chữ ký của người được cấp)



Số: 380.04.22/VKHCN-TNV
(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

CHỨNG CHỈ

Cho ông/bà: **Trần Chí Toàn**

Sinh ngày: **01/08/1994**

Nơi thường trú: **TP. Hồ Chí Minh**

Trình độ chuyên môn:

Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: **Thí nghiệm Vật liệu xây dựng**

Khóa: **04**

Tổ chức: **04/04 ÷ 18/04/2022**

tại: **Thành phố Hà Nội**

Xếp loại: **Giỏi**

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2022



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Dinh Văn Tiến

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
Cấp

CHỨNG CHỈ

Cho ông/bà: *Ngô Thúy Nga*

Sinh ngày: 24/03/1993

Nơi thường trú: *Phú Yên*

Trình độ chuyên môn:

Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: **Thí nghiệm Vật liệu xây dựng**

Khóa: **04**

Tổ chức: **04/04 ÷ 18/04/2022**

tại: **Thành phố Hà Nội**

Xếp loại: **Giỏi**



(Chữ ký của người được cấp)



Số: 370.04.22/VKHCN-TNV

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2022



Dinh Văn Liên

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Dinh Văn Liên



It is here by certified that:
Mr/Mrs: CAO VO NGOC MY
Has successfully passed Training Course on
Testing construction materials
In February 2020

Ref. N°: 10587-A11586B/VND-TNV

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **CAO VÔ NGỌC MY**

Ngày sinh: 28 - 05 - 1996

Thường trú: TP. Hồ Chí Minh

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Thí nghiệm vật liệu xây dựng

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới

Trường Đại học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 02 năm 2020

Kết quả học tập: **Đạt loại khá**



Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Đinh Văn Liên

VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Đinh Văn Liên

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mrs. **NGUYEN THI CAM TIEN**

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials**

Ref. N^o: 15504/2018/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Bà **NGUYỄN THỊ CẨM TIÊN**

Ngày sinh: **02/01/1995** - Quê quán: **Bến Tre**

Cơ quan: **Liên hiệp KH ĐC KD Nền móng XD Sài Gòn**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý
Bê tông và Vật liệu Xây dựng**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 16/4/2018 đến ngày 10/5/2018

Tại: Phân Viện KHCN xây dựng Miền Nam

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2018



TS. Nguyễn Đại Minh

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN



(Chữ ký của người được cấp)



Số CMT (hoặc hộ chiếu): 301590697

Ngày cấp: 25/3/2015 Nơi cấp: Long An

Quốc tịch: Việt Nam

Số: 37.K126.18/ĐTTT-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ THÔNG TIN
Cấp
CHỨNG NHẬN

Chứng nhận ông/bà: **Đỗ Nguyễn Quốc Tiến**

Ngày tháng năm sinh: 23/5/1997

Nơi thường trú: **Long An**

Trình độ chuyên môn: **Trung học phổ thông**

Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: **Xây dựng công trình giao thông**

Khoá: 126

Tổ chức: 17/9 ÷ 24/9/2018

Tại: **TP. Hồ Chí Minh**

Xếp loại: **Trung bình**

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2018



TS. Hồ Huy Hoàng

Kiểm tra chất lượng

VIỆT TÍN

CTY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIETTIN TESTING CO., LTD



GIẤY CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

No: 00193

NGUYỄN THỊ THU THỦY

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH
NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Đã hoàn thành khóa đào tạo

**NÂNG CAO KỸ NĂNG KIỂM NGHIỆM VIÊN TRONG
KIỂM TRA, KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG KIỂM NGHIỆM**

Từ ngày 31/07/2017 đến ngày 04/08/2017

Having completed the training course on

***IMPROVING CHEMICAL LABORATORY TECHNICIAN SKILLS
IN QUALITY CONTROL TESTING***

From July 31 to August 04, 2017

GIẢNG VIÊN
LECTURER

ThS. Nguyễn Văn Tâm

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



ThS. Nguyễn Văn Tâm



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp



**CHỨNG CHỈ
SƠ CẤP NGHỀ**

Cho: PHẠM MINH TOÀN
Ngày sinh: 1993 Giới tính: Nam
Nơi sinh: QUẢNG NGÃI
Nghề đào tạo: Thực nghiệm viên ngành xây dựng công trình
Khóa học từ tháng 3 / 2014 đến tháng 6 / 2014
Tốt nghiệp loại: Khá

TP. HCM, ngày 12 tháng 7 năm 2014

GIẤM ĐỐC

Số hiệu chứng chỉ: 362 / AET

Vào sổ cấp chứng chỉ số: 362

Ngày 12 tháng 7 năm 2014



Phan Hoài Thịnh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
Tặng

BẰNG KHEN

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

Đã có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng và phát triển

Tổng Hội Địa chất Việt Nam nhiệm kỳ VI (2008-2013)

Hà Nội, ngày/..../..../ năm 20..../

CHỦ TỊCH

ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM

Quyết định số :/..../..../ KT

Ngày/..../..../ năm 20..../



PGS. TS. Nguyễn Khắc Ninh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
Tặng

BẰNG KHEN

Tập thể cán bộ công nhân viên

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT, KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN
Đã có thành tích xuất sắc trong năm 2012

Hà Nội, ngày/..../..../ năm 2013.

CHỦ TỊCH

ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM

Quyết định số :/..../..../ KT

Ngày/..../..../ năm 2013.



PGS. TS. Nguyễn Khắc Ninh



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG
TẶNG

BẰNG KHEN

*Liên hiệp Khoa học địa chất kiểm định nền móng xây dựng Sài Gòn
Đã có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm định chất lượng xây dựng
và sự phát triển của Mạng Kiểm định năm 2015.*

Hà Nội, ngày 08 tháng 4... năm 2016

BỘ TRƯỞNG



Trịnh Đình Dũng

Quyết định số: 349/QĐ-BXD ngày 08/4/2016
Vào số số:



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG
TẶNG

BẰNG KHEN

*Liên hiệp Khoa học Địa chất Kiểm định nền móng xây dựng Sài Gòn
Đã có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng
và sự phát triển của Mạng Kiểm định năm 2016*

Hà Nội, ngày 12 tháng 4... năm 2017.

BỘ TRƯỞNG



Phạm Hồng Hà

Quyết định số: 296/QĐ-BXD ngày 12/4/2017
Vào số số:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM

Tặng

BẰNG KHEN

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG
SÀI GÒN THUỘC TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM**

*Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Hội,
góp phần phát triển Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam*

Hà Nội, ngày... tháng... năm 2013.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG
LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM



Đặng Vũ Minh

Quyết định số... KT
Ngày... tháng... năm 2013.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM

Tặng

BẰNG KHEN

**LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT
KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN**

*Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Hội,
góp phần phát triển Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam*

Hà Nội, ngày... tháng... năm 2014.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG
LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM



Đặng Vũ Minh

Quyết định số... KT
Ngày... tháng... năm 2014.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
Tặng

BẰNG KHEN

Chi nhánh Liên hiệp Khoa học Địa chất Kiểm định

Nền móng xây dựng Sài Gòn tại Nha Trang

Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội 5 năm (2011 - 2016)

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2017.

CHỦ TỊCH
ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM

Quyết định số :/.....-KT
Ngày 22 tháng 01 năm 2017.



PHÓ CHỦ TỊCH
TỔNG THỊ KỸ

TS. Bùi Đức Cường



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
Tặng

BẰNG KHEN

Liên hiệp Khoa học Địa chất Kiểm định Nền móng xây dựng

Sài Gòn

Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội 5 năm (2011 - 2016)

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2017.

CHỦ TỊCH
ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM

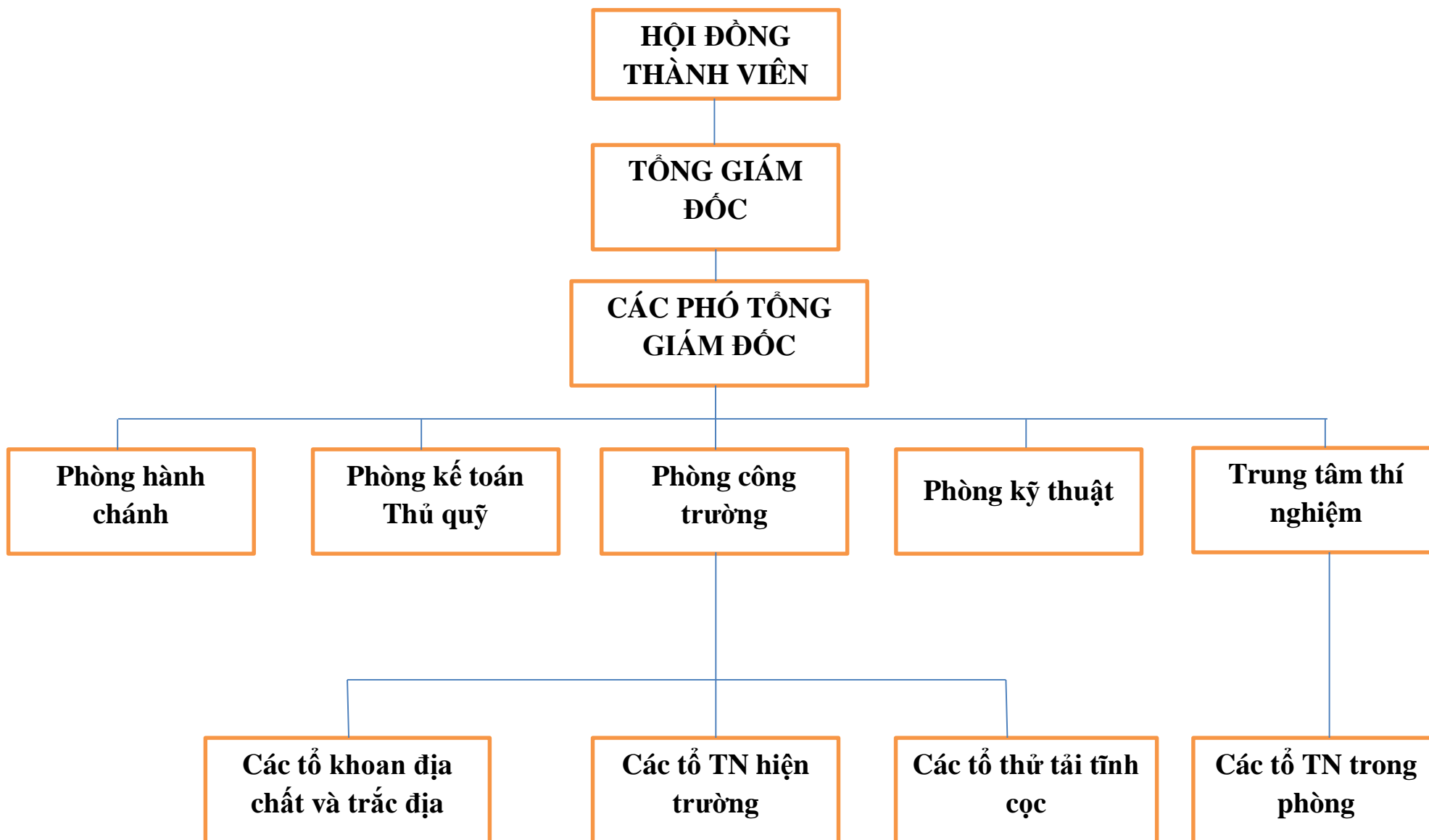
Quyết định số :/.....-KT
Ngày 22 tháng 01 năm 2017.



PHÓ CHỦ TỊCH
TỔNG THỊ KỸ

TS. Bùi Đức Cường

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM
ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN**





TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT
KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

VIETNAM UNION OF GEOLOGICAL SCIENCES
SAIGON UNION OF SCIENCE ON GEOLOGY
CONSTRUCTION FOUNDATION VERIFICATION



PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
CONSTRUCTION VERIFICATION LABORATORY

LAS - XD 498

ISO/IEC 17025 : 2017

MỘT SỐ HÌNH ẢNH THIẾT BỊ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ
MỘT SỐ CÔNG TRÌNH MÀ SAIGON UNION ĐÃ & ĐANG THỰC
HIỆN CÔNG TÁC THÍ NGHIỆM

SOME DECISION SOME OF THE EQUIPMENT IMAGES IN THE
LAB AND PROJECTS THAT SAIGON UNION IMPLEMENTS
FOR THE EXPERIMENT IN THE PAST AND NOW



**BRANCH OFFICE AND LABORATORY NO 2:
NO. 205 DAO DUY TU STREET, DIEN HONG WARD,
HO CHI MINH CITY**

**BRANCH OFFICE AND LABORATORY NO 5:
NO. 758/25/7 XO VIET NGHE TINH STREET,
THANH MY TAY WARD, HO CHI MINH CITY**



Thí nghiệm chống thấm BT, TN nén uốn bê tông



Máy kéo thép, cáp điện tử, các thông số kỹ thuật hiển thị trên màn hình máy vi tính



Máy nén uốn bê tông Matest- Utest- Controls



Máy nén uốn bê tông ELE



Máy siêu âm bê tông



Máy thử từ môi hàn



Thí nghiệm hệ số thấm K của đất



Thí nghiệm xác định độ thấm nước của bê tông



Thí nghiệm bắc thấm



Khoan khảo sát địa chất trên sông



Thiết bị trong phòng thí nghiệm vật liệu phân tích cốt liệu nhỏ, cốt liệu lớn



Thiết bị thí nghiệm vật liệu gạch xây, gạch ốp lát, gạch xi măng lát nền



Dụng cụ, thiết bị thí nghiệm sơn



Thiết bị, dụng cụ thí nghiệm phân tích nước, phân tích hóa cốt liệu



Thiết bị thí nghiệm vật liệu cao su, nhựa



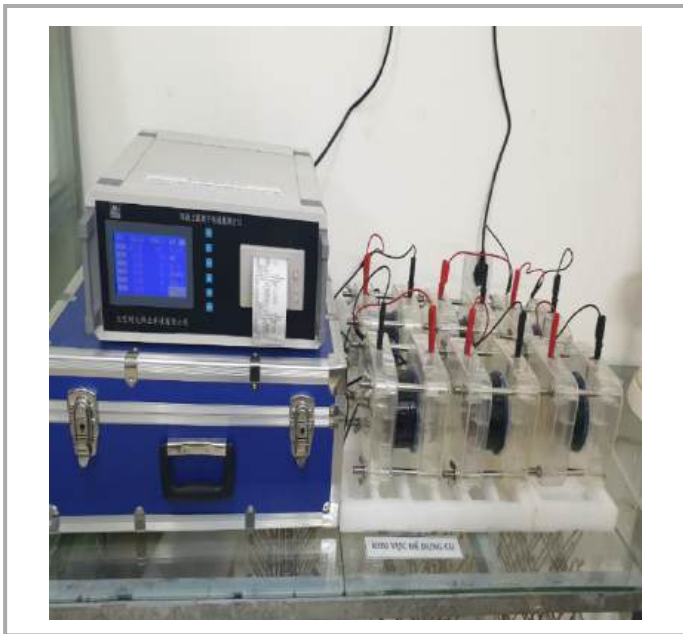
Thí nghiệm cường độ bám dính bê tông



Thiết bị kiểm tra độ cứng vật liệu kim loại



Thiết bị thí nghiệm uốn gạch ốp lát



Thiết bị thí nghiệm lượng clorua trong vật liệu



Thiết bị thí nghiệm bám dính sơn



Thiết bị thí nghiệm vãi địa, bắc thăm, bang cân nước



Máy đo độ nhớt Saybolt



Thiết bị thí nghiệm lượng kính xây dựng



Máy kiểm tra cốt thép trong bê tông



Thí nghiệm kiểm tra chất lượng cọc khoan nhồi tại công trường



Thí nghiệm kiểm tra chất lượng thử uốn cọc ly tâm

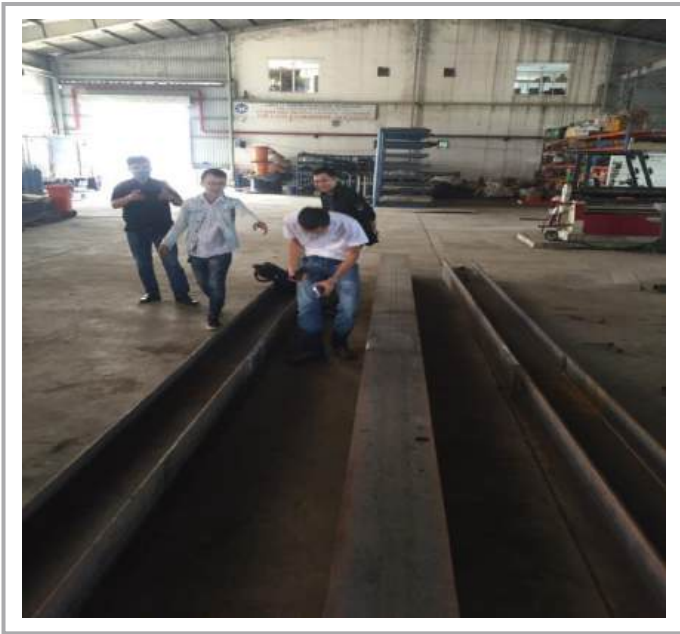
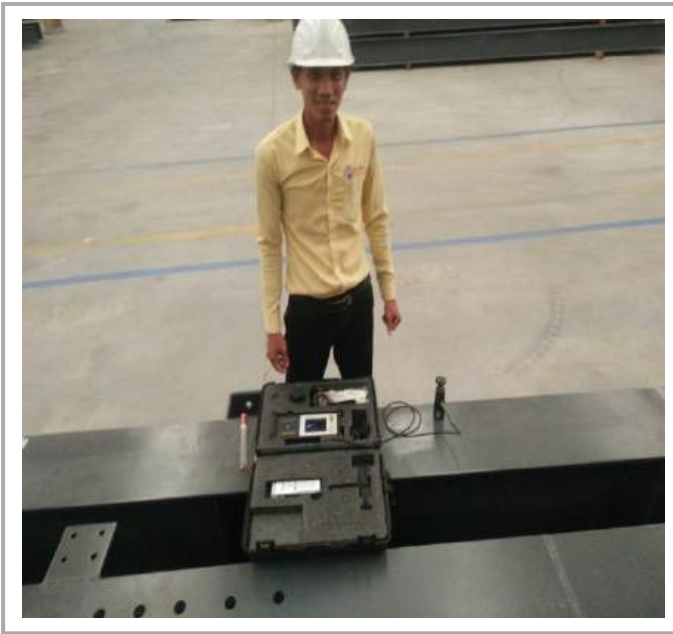


Thí nghiệm kiểm tra chất lượng thử nén cống



Thí nghiệm kiểm tra chất lượng an toàn chịu tải của giàn giáo tại công trường





Thí nghiệm kiểm tra chất lượng kết cấu thép tại nhà máy



Thí nghiệm kiểm tra sức chịu tải đất nền tại công trường



Thí nghiệm kiểm tra thép khoan cấy



Kiểm tra chất lượng bê tông tại công trường



Công Trình : Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Cảng Hàng Không Quốc Tế Long Thành



Phòng Thí Nghiệm Hiện Trường Las – Xd 498 Đặt Tại Công Trường Cảng Hàng Không Quốc Tế Long Thành



Công trình : Lego Manufacturing Vietnam



Công Trình : Khu Nhà Ở Tâm Lực – Tp. Thủ Đức



Công Trình : Khu Đô Thị Tm Dv Green Tower - Bình Dương



Công trình : Dự án T&T City Millennia Long Hậu – Long An



Công trình : Khu căn hộ Đạt Phước Rivana – Bình Dương



**Công trình: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp.HCM
Chủ Đầu Tư : Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp.HCM(Hose)**



**Công trình: Căn Hộ The Everich 3
Chủ Đầu Tư : Công Ty Cổ Phần Phát Triển BĐS Phát Đạt**



**Công trình : Masteri Thảo Điền - Quận 2
Chủ Đầu Tư : Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thảo Điền**



**Công trình : Căn Hộ Lucky Palace
Chủ Đầu Tư : Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc NOVA**



Công Trình : Mở Rộng Khách Sạn Cửu Long Majestic – Quận 1
Chủ Đầu Tư : Tổng Công Ty Du Lịch Sài Gòn (saigontourist)



Công Trình : Khu Chung Cư Tái Định Cư 2.04ha – Quận 8
Chủ Đầu Tư : Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nhà Vạn Thái



Công Trình : Khu VD TM Căn Hộ 76 Tôn Thất Thuyết – Quận 4
Chủ Đầu Tư : Công Ty TNHH ĐT Địa Ốc Tiến Phát



Công Trình : Khu Tmdv & Căn Hộ Việt Gia Phú – Quận 8
Chủ đầu tư : Công Ty TNHH ĐT KD BĐS Việt Gia Phú



Công Trình : Khu Căn Hộ Chung Cư Kingston Residence – Q.phú Nhuận
Chủ Đầu Tư : Công Ty TNHH ĐT KD BĐS Việt Gia Phú



Công Trình : Chung Cư Cao Tầng Khang Gia – Quận 8
Chủ Đầu Tư : Công Ty CPĐT PT Địa Ốc Khang Gia



Công Trình : Khách Sạn Marie Curie Hotel – Quận 3
Chủ Đầu Tư : Công Ty TNHH Bất Động Sản Areco



Công Trình : Sunrise Riverside Giai Đoạn 3 Phước Kiển – Nhà Bè
Chủ Đầu Tư : Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc Nova



Công Trình : The Everrich Infinity – 290 An Dương Vương – Q.5
Chủ Đầu Tư : Công Ty CP Phát Triển BĐS Phát Đạt



Công Trình : Khu Chung Cư Lô D Khu Li Bình Trị Đông B – Q. Bình Tân
Chủ Đầu Tư : Công Ty TNHH ĐT XD Trường Thịnh



Công Trình : Dự Án Tổ Hợp Vinhomes Xuân Khánh Cần Thơ
Chủ Đầu Tư : Tập Đoàn Vingroup



Công Trình : Dự Án Vinhomes Central Park Tân Cảng – Tp.HCM
Chủ Đầu Tư : Tập Đoàn Vingroup



Công Trình : Dự Án Căn Hộ An Gia Riverside – Quận 7
Chủ Đầu Tư : Công Ty CPĐT BĐS An Gia



Công trình : Dự Án Căn Hộ An Gia SKYLINE– Quận 7
Chủ đầu tư: Công Ty CPĐT BĐS An Gia



Công Trình : Dự Án Nhà Ở Xã Hội Hqc Binh Trung Đông – Quận 2
Chủ Đầu Tư : Công Ty CPTVTM-DV Địa Ốc Hoàng Quân



Công Trình : Căn Hộ Dream Home Residence 2 – Q. Gò Vấp
Chủ Đầu Tư: Công Ty TNHH Nhà Mơ



Công Trình : Chung Cư Nguyễn Kim – Khu B – Quận 10
Chủ Đầu Tư : Tổng Công Ty Cổ Phần Địa Ốc Sài Gòn



Công Trình : Căn Hộ The Park Avenue – Quận 11
Chủ Đầu Tư: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc Nova



Công Trình : The One Hochiminh City – Quận 1
Chủ Đầu Tư : Công Ty Cổ Phần ĐT Grand Capital



Công Trình : Căn Hộ Terra Rosa – Q. Bình Chánh
Chủ Đầu Tư: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Địa Khang Nam



Công Trình : Chung Cư Cao Tầng Và Thương Mại Lô H1 – 04 – Quận 2
Chủ Đầu Tư : Công Ty TNHH Đầu Tư Vĩnh Phú



Công Trình : Chung Cư Cao Cấp Thọ Nam Sang – Quận 12
Chủ Đầu Tư: Công Ty Bất Động Sản Vinaland



Công Trình : Chung Cư Cao Tầng Và Thương Mại Tam Phú– Q. Thủ Đức
Chủ Đầu Tư : Công Ty TNHH XD Vô Đỉnh



Công Trình : First Home Premium Khang Việt – Quận 9
Chủ Đầu Tư: Công Ty Cổ Phần KT & XD Hangdong



Công Trình : Khách Sạn Mương Thanh Sài Gòn Center – Quận 1
Chủ Đầu Tư : Tập Đoàn Khách Sạn Mương Thanh



Công Trình : Khách Sạn Mương Thanh Nha Trang – Khánh Hòa
Chủ Đầu Tư: Tập Đoàn Khách Sạn Mương Thanh



Công Trình : Khách Sạn Mương Thanh Cần Thơ
Chủ Đầu Tư : Tập Đoàn Khách Sạn Mương Thanh



Công Trình : Tổ Hợp Khách Sạn Số 2 Hồng Hà – Q. Tân Bình
Chủ Đầu Tư : Tập Đoàn Hà Đô



Công Trình : Căn Hộ Gateway Thảo Điền – Quận 2
Chủ Đầu Tư : Tập Đoàn BĐS Cao Cấp Hamon Developments



Công Trình :khu Chung Cư Thành Thái – Quận 10
Chủ Đầu Tư: Công Ty CPĐT & PT Đô Thị Long Giang



Công Trình : Căn Hộ Newton - 38 Trương Quốc Dung – Q.phú Nhuận
Chủ Đầu Tư : Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc Nova



Công Trình : Lucky Dragon - Đỗ Xuân Hợp – Quận 9
Chủ Đầu Tư: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc Nova



Công Trình : Căn Hộ Madison – 15 Nguyễn Thi Sách– Quận 1
Chủ Đầu Tư : Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc Nova



Công Trình : Căn Hộ Luxcity – Huỳnh Tấn Phát – Quận 7
Chủ Đầu Tư: Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ & XD Địa Ốc Đất Xanh



Công Trình : Dự Án Khu Dân Cư City Land Z751 – Q. Gò Vấp
Chủ Đầu Tư : Công Ty TNHH Đầu Tư Địa Ốc Thành Phố



Công Trình : Khu Dân Cư Mega Village Khang Điền – Quận 9
Chủ Đầu Tư : Công Ty Cổ Phần ĐT KD Nhà Khang Điền



Công Trình : Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 3 – Bà Rịa Vũng Tàu
Chủ Đầu Tư : Công Ty Cổ Phần Khoán Sản Thanh Bình Phú Mỹ



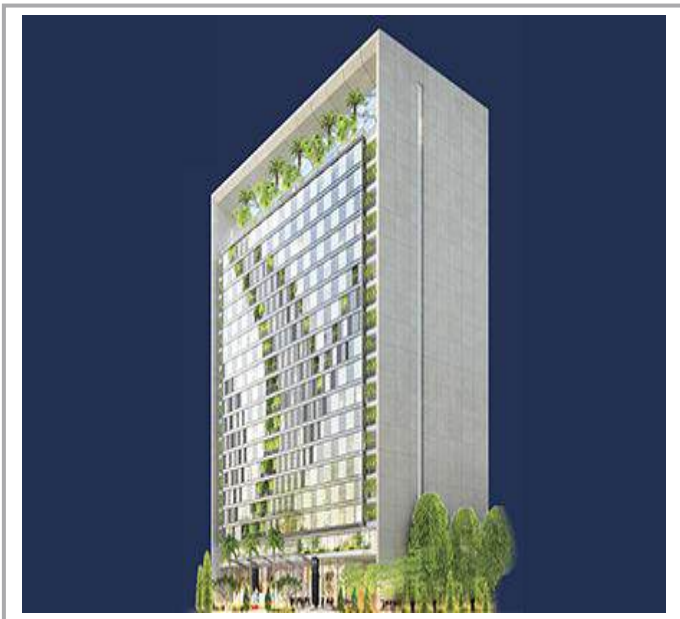
Công Trình : Khu Dân Cư Mega Ruby Hào Khang – Quận 9
Chủ Đầu Tư : Công Ty Cổ Phần ĐT KD Nhà Khang Điền



Công Trình : Căn Hộ Carillon 3 Hoàng Hoa Thám – Q. Tân Bình
Chủ Đầu Tư : Công Ty Cổ Phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín Sacomreal



Công trình : Căn Hộ Gateway Development Bình Dương
Chủ đầu tư : Công Ty TNHH Phát Triển Visip - Sembcorp



Công Trình : Cao Ốc Văn Phòng Tây Nam – Q. Tân Bình
Chủ Đầu Tư : Công Ty TNHH MTV SX-TM-XNK Tây Nam



Công Trình : Bệnh Viện Quốc Tế Hoa Lâm – Q. Bình Tân
Chủ Đầu Tư : Công Ty TNHH Y Tế Hoa Lâm Shangri-la



Công Trình : Nhà Máy Sản Xuất Giấy Lee & Men – T. Hậu Giang
Chủ Đầu Tư : Công Ty TNHH Giấy Lee & Men Việt Nam



Công Trình : Chung Cư Linh Tây Tower – Q. Thủ Đức
Chủ Đầu Tư : Công Ty Địa Ốc Dầu Khí Sài Gòn



Công Trình : 2.220 Căn Hộ Khu Tộc Khu Đô Thị Mới Thủ Thiêm – Q.2
Chủ Đầu Tư : Liên Danh Sacomreal - Thuận Việt - Thành Thành Công



Công Trình : Khu Căn Hộ Cao Tầng The Avila - Quận 8
Chủ Đầu Tư : Công Ty TNHH SX - TM - DV Thái Bảo



Công Trình : Dự Án Căn Hộ The Habitat Bình Dương
Chủ Đầu Tư : Công Ty TNHH Phát Triển Visip-semcorp



Công Trình : Dự Án Căn Hộ Diamond Island – Quận 2
Chủ Đầu Tư : BTA Việt Nam



Công trình : Dự án Hà Đô Centrosa Garden – Quận 10



Công trình : Dự án Aurora Riverside – Quận 8



Công trình : Dự án trung tâm thương mại Satra Centre Mall – Quận 6



Công trình : Dự án căn hộ Metro Star – Quận 9



Công trình : Dự án căn hộ Beons Suối Tiên Bình Dương



Công trình : Khu căn hộ TERRA MIA - Bình Chánh



Công trình : Chung cư Centana Thủ Thiêm – Quận 2



Công trình : Khu phức hợp Roxana Plaza - Bình Dương



Công trình : Tòa nhà Teccombank 23 Lê Duẩn – Quận 1



Công trình : Dự án khu dân cư Minh Thông – Quận 2



Công trình : Tòa nhà Wincom Centre Landmark 81 – Q. Bình Thạnh



Công trình : Cao ốc Khu tứ giác Bến Thành – Quận 1



Công trình : Dự án Empire City Thủ Thiêm – Quận 2



Công trình : Dự án The Metropole Thủ Thiêm – Quận 2



Công trình : Dự án The Rive Thủ Thiêm – Quận 2



Công trình : Dự án Sunshine City Sài Gòn – Quận 7



Công trình : Dự án The Sun Ba Son – Quận 1



Công trình : Chung cư Love Lô 2-21(MU11) Thủ Thiêm – Quận 2



Công trình : Dự án Căn hộ AURORA RESIDENCES– Quận 8



Công trình : Dự án Căn hộ SOHO RESIDENCE – Quận 1



Công trình : Dự án The Grand Manhattan Cô Giang– Quận 1



Công trình : Chung cư cao cấp KINGDOM 101 – Quận 10



Công trình : Khu đô thị MIZUKI PARK Nam Long – Bình Chánh



Công trình : Khu căn hộ chung cư La Partenza - Nhà Bè



Công trình : Dự án MASTERI CENTRE POINT – Quận 9



Công trình : Khu căn hộ cao cấp Opal Boulevard -Q. Thủ Đức



Công trình : Tòa nhà HRI-HR2 Khu Tân Thuận Tây -Quận 7



Công trình : Căn hộ cao cấp Diamond Lotus Phúc Khang – Quận 8



Công trình : Căn hộ The Marq 29B Nguyễn Đình Chiểu –Quận 1



Công trình : Khu nhà ở Cao tầng Cty Khang Phúc-Bình Chánh



Công trình : Cao ốc văn phòng-Căn hộ VINATEX –Quận 1



Công trình : Dự án AKARI City Nam Long – Q. Bình Tân



Công trình : Dự án căn hộ ECOXUAN Lái Thiêu – Bình Dương



Công trình : Dự án Văn phòng COBI TOWER 1&2 –Quận 7



Công trình : Dự án căn hộ King Crown Infinity – Q. Thủ Đức



Công trình : Khu căn Dream Home Riverside – Quận 8



DANH SÁCH TRANG THIẾT BỊ **CHO PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG**

Tên cơ sở: **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT**
KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

Tên giao dịch: **SAIGON UNION**

. Văn phòng và Phòng thí nghiệm cơ học đất - VLXD : Số 6, Đường 27, Phường An Lạc, Tp.HCM

. Văn phòng giao dịch và phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng số 2 : 205 Đào Duy Từ, Phường Diên Hồng, Tp.HCM

. Văn phòng giao dịch và phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng số 3 : 34/4B Đường Huỳnh Thị Mài, Xã Hóc Môn, Tp.HCM

. Văn phòng giao dịch và phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng số 4 : 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp.HCM

. Văn phòng giao dịch và phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng số 5 : Nhà C1 Phú Thuận, P. Phú Thuận, Tp.HCM

.ĐT : 028.3957 2591; 0908 366374 = Fax : 028.3957 2592

Tên phòng thí nghiệm : **PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG**
LAS – XD 498

Một Số Dụng Cụ Thiết Bị Của Phòng Thí Nghiệm

Tên phương tiện đo	Phạm vi đo cấp chính xác	Nước sản xuất	Số lượng
1	2	4	5
Cân Điện Tử	6 kg ± 1 g	OHAUS	15
Cân Điện Tử	3000 g ± 0.1g	OHAUS	5
Cân Điện Tử	300 g ± 0.001 g	JAPAN	4
Cân Điện Tử	500 g ± 0.01g	SAUDI ARABIAN	5
Chuyển vị kế JAPAN	1/100" – 1/10000"	CHINA	35
Búa thử bê tông		ITALY	5
Tủ sấy	30 °C - 300 °C	CHINA	5
Nhiệt kế -6 – 408 °C	±2 °C	CHINA	3
Đồng hồ bấm giây	0,2 sec	CHINA	3

Máy nén 3 trục		CHINA	2
Máy nén, uốn Bê tông	3000KN \pm 1%	CHINA	2
Máy nén, uốn Bê tông	2000KN \pm 1%	ELLE	12
Máy nén, uốn Bê tông	2000KN \pm 1%	CONTROL	5
Máy nén, uốn Bê tông	2000KN \pm 1%	CHINA	15
Máy nén, uốn Bê tông	2000KN \pm 1%	MATEST	4
Máy nén, uốn Bê tông	3000KN \pm 1%	UTEST	2
Máy Thử Độ Chống Thẩm Bê Tông	4HS	CHINA	2
Máy nén Marshall	30kN \pm 0.01kN	ITALY	2
Máy nén CBR trong phòng	50 kN \pm 0.01kN	ITALY	2
Máy nén CBR hiện trường	50 kN \pm 0.01kN	CHINA	5
Máy cắt trực tiếp	1,2 kN	ITALY	2
Máy nén cố kết + 9 đồng hồ so			9
Máy kéo thép (điện tử)	1000kN \pm 1%.	CHINA	12
Tỷ trọng kế		FRANCE	5
Kích thủy lực 300T	600 kG/cm ²	CHINA	15
Máy siêu âm cọc khoan nhồi	Serial No 31441-4981	USA	1
Máy siêu âm cấu kiện đúc sẵn	Serial No 31441-4982	USA	3

Ghi chú:

- SMQ : Chi Cục Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng TP. Hồ Chí Minh.

- QUATEST 3: Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 3.

Trang thiết bị khác :

Tên Thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Số lượng	Tài liệu kỹ thuật của thiết bị	Nước sản xuất
1	2	3	4	5
Tủ sấy	70lít. 0 - 300 \pm 2°C	04	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA
Dụng cụ xác định giới hạn chảy		06	AASHTO,ASTM, TCVN, BS, CNR	ITALY
Máy nén cố kết tam liên	12.5 – 1600 kPa	10	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA

Bình tỷ trọng 50 ml		50	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA
Bình tỷ trọng 100 ml		100	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA
Bình tỷ trọng 250 ml		100	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA
Bình tỷ trọng 1000 ml		100	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA
Ống đong 1 lít bằng nhựa		20	AASHTO,ASTM, TCVN	GERMAN
Ống đong 1 lít bằng thủy tinh		50	AASHTO,ASTM, TCVN	GERMAN
Bể điều nhiệt Marshall		02	AASHTO,ASTM, TCVN	MATEST
Bộ Vicát		03	AASHTO,ASTM, TCVN	MATEST
Bộ kim lún nhựa đường tự động hiện số		02	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA
Bộ thí nghiệm hoá mềm nhựa + máy khuấy từ		02	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA
Thiết bị thử nghiệm chớp cháy		01	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA
Máy ly tâm nhựa		04	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA
Máy ly tâm nhựa		01	AASHTO,ASTM, TCVN	VIETNAM
Máy thử nghiệm độ mài mòn Los Angeles		01	AASHTO,ASTM, TCVN	VIETNAM
Dụng cụ xác định giới hạn chảy bằng chùy Vaxiliep		01	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA
Quả bóp cao su		20	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA
Cốc thủy tinh	500 ml	10	AASHTO,ASTM, TCVN	GERMAN
Bộ khuôn đầm nén proctor 4 inch		16	AASHTO,ASTM, TCVN	VIETNAM

Bộ khuôn đầm nén proctor 6 inch		16	AASHTO,ASTM,TCVN	VIETNAM
Bộ ống đong xác định khối lượng thể tích xốp	1 lít, 2 lít, 5 lít, 10 lít	03	AASHTO,ASTM,TCVN	VIETNAM
Bộ dụng cụ xác định hàm lượng chung bụi bùn sét		20	AASHTO,ASTM,TCVN	VIETNAM
Thiết bị xác định khối lượng thể tích xốp		04	AASHTO,ASTM,TCVN	VIETNAM
Bộ khuôn CBR		06	AASHTO,ASTM,TCVN	VIETNAM
Bộ khuôn đầm nén bê tông nhựa 4 inch		05	AASHTO,ASTM,TCVN	VIETNAM
Bộ dụng cụ xác định độ chặt bằng phương pháp rót cát		10	AASHTO,ASTM,TCVN	VIETNAM
Bộ dụng cụ xác định độ chặt bằng phương pháp dao vòng		50	AASHTO,ASTM,TCVN	VIETNAM
Bộ cân đo Belkenman		10	AASHTO,ASTM,TCVN	VIETNAM
Bộ khuôn bê tông xi măng 15x15x15 cm		50	AASHTO,ASTM,TCVN	VIETNAM
Bộ khuôn bê tông xi măng 200x200x200 cm		15	AASHTO,ASTM,TCVN	VIETNAM
Bộ khuôn bê tông xi măng hình trụ 150 mm x 300 mm		20	AASHTO,ASTM,TCVN	VIETNAM
Bộ khuôn vữa xi măng 7.07x7.07x7.07 cm		35	AASHTO,ASTM,TCVN	VIETNAM
Bộ khuôn thử xi măng 2x2x2 cm		20	AASHTO,ASTM,TCVN	VIETNAM
Bộ khuôn thử xi măng 4x4x16 cm		20	AASHTO,ASTM,TCVN	VIETNAM
Máy dẫn bê tông xi măng		03	AASHTO,ASTM,TCVN	VIETNAM
Bình hút chân không + máy hút chân không		02	AASHTO,ASTM,TCVN	CHINA
Bình thử hàm lượng khí		01	TCVN	SMITCH

Máy kéo độ dẫn dài nhựa		02	AASHTO,ASTM, TCVN	VIETNAM
Hộp sấy độ ẩm		200	AASHTO,ASTM, TCVN	VIETNAM
Bộ sàng đất, cát, cấp phối thiên nhiên, cấp phối đá dăm		12	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA
Máy khoan bê tông nhựa		05	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA
Máy khoan địa chất công trình		03	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA
Máy thử biến dạng nhỏ (PIT)		01	AASHTO,ASTM, TCVN	TICO
Máy thử biến dạng lớn (PDA)		01	AASHTO,ASTM, TCVN	TICO
Súng bột nẩy		10	AASHTO,ASTM, TCVN	ITALY SMITCH
Máy dò đường kính cốt thép Prometer 04		02	AASHTO,ASTM, TCVN	MATEST
Kích thủy lực 200T, 300T,500T, 1000T		12	TCXDVN	USA
Máy siêu âm bê tông cốt thép		03	AASHTO,ASTM	MATEST
Máy siêu âm mối hàn		01	AASHTO,ASTM, TCVN	USA
Thử từ mối hàn		01		
Máy thử độ thấm bê tông		02	AASHTO,ASTM, TCVN	MATEST CHINA
Máy thử vãi địa kỹ thuật		01	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA
Máy thử CBR		03	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA
Máy nén Marshall		03	AASHTO,ASTM, TCVN	CHINA
Máy vi tính		32		VIỆT NAM
Máy in		12		VIỆT NAM



TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT
KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

VIETNAM UNION OF GEOLOGICAL SCIENCES
SAIGON UNION OF SCIENCE ON GEOLOGY
CONSTRUCTION FOUNDATION VERIFICATION



PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
CONSTRUCTION VERIFICATION LABORATORY

LAS - XD 498

ISO/IEC 17025 : 2017

MỘT SỐ HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU
OTHER REFERENCE CONTRACT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 24022022/HĐKT/APC-LASXD498/22RIVANI

DỰ ÁN : KHU CĂN HỘ ĐẠT PHƯỚC - RIVANA
ĐỊA ĐIỂM : 60/3 ĐẠI LỘ BÌNH DƯƠNG, P. VĨNH PHÚ, TP. THUẬN AN, T. BÌNH DƯƠNG
GÓI THẦU : PHẦN THÂN CÔNG TRÌNH
HẠNG MỤC : THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG – Phần Thân

I. CĂN CỨ KÝ HỢP ĐỒNG:

- Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ quyết định thành lập số 124/2006-QĐ-THĐC ngày 10/11/2006 của Tổng Hội Địa Chất Việt Nam, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số A-067 ngày 15/07/2015 do Bộ Khoa Học Công Nghệ cấp và được Bộ Xây Dựng cấp giấy chứng nhận số 146/GCN-BXD ngày 15/07/2021 về việc công nhận khả năng thực hiện các phép thử của Phòng Thí Nghiệm Kiểm Định Xây Dựng Las XD - 498 trực thuộc Liên Hiệp Khoa Học Địa Chất Kiểm Định Nền Móng Xây Dựng Sài Gòn.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.

II. CÁC BÊN THAM GIA KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại văn phòng Công ty Cổ Phần Xây Dựng An Phong chúng tôi gồm có:

II.1 BÊN GIAO THẦU (Gọi tắt là Bên A):

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG AN PHONG**

Địa chỉ ĐKKD : 55-57 khu C, Đường Võ Tông Phan, KĐT An Phú - An Khánh, P. An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ giao dịch : Tòa nhà AP TOWER, 518B Điện Biên Phủ, Phường 21, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện : Ông **TRẦN THÀNH NHÂN** Chức vụ: **Phó Tổng Giám Đốc**

Theo ủy quyền số : 200313 AP/NS-GUQ/PT được Tổng Giám Đốc ký ủy quyền ngày 13/03/2020

Điện thoại : (028) 6281 88 66 – 2210 1608 Fax: (028) 6281 8933 – 6281 8867

Mã số thuế : 03 04 62 15 13

Tài khoản số : 31010001231662 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN, CN TP.HCM

II.2 BÊN NHẬN THẦU (Gọi tắt là Bên B):

Tên đơn vị: **LIÊN HIỆP KHĐC KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN**

Địa chỉ : Số 6 – Đường 27 – P. Bình Trị Đông B - Q. Bình Tân- TP. HCM

Đại diện : Ông **TRẦN THẾ THANH** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Điện thoại : (028) 3957 2591 – 62584774 Fax : (028) 3957 2592 - 62584775

Mã số thuế : 03 04 74 37 44

Số tài khoản : 31010000445664 tại NH TMCP Đầu Tư và Phát Triển VN – CN TP. HCM

Hai Bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng dịch vụ với những điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ SẢN PHẨM CỦA HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công tác “**Thí nghiệm Vật liệu xây dựng – Phần thân (trong phòng & hiện trường)**” của dự án: “**KHU CĂN HỘ ĐẠT PHƯỚC – RIVANA**” tại **60/3 ĐẠI LỘ BÌNH DƯƠNG, P. VĨNH PHÚ, TP. THUẬN AN, T. BÌNH DƯƠNG**

Khối lượng công việc mà Nhà thầu phụ phải thực hiện:

- Thử mẫu cường độ thép (các loại);
- Thí nghiệm cường độ Bê tông xi măng, vữa xây;
- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của các loại vật liệu xây dựng: xi măng – cát – đá – gạch;
- Kiểm tra kết cấu bê tông cốt thép các phần móng – thân và chi tiết kết cấu của từng hạng mục công trình bằng các phương pháp phá hủy và không phá hủy mẫu: như khoan lõi, siêu âm – bắn súng bột này, ...v.v;

1.2) Sản phẩm của Hợp đồng: Bên B cung cấp cho Bên A

- Kết quả thí nghiệm cho mỗi công việc: Phát hành **08 (tám) bộ** báo cáo kết quả thí nghiệm bằng Tiếng Việt, có đóng dấu Trung tâm và dấu **LAS XD-498**.

ĐIỀU 2: CHẤT LƯỢNG VÀ CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT

Chất lượng công việc do Nhà thầu phụ thực hiện phải đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật của dự án, tuân thủ theo phương án kỹ thuật được duyệt cũng như các quy định hiện hành của Nhà nước, các quy trình quy phạm chuyên ngành có liên quan và cung cấp kết quả cho hồ sơ nghiệm thu thanh toán của Nhà thầu chính đối với Chủ Đầu tư.

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

1/ Khối lượng, đơn giá và giá trị Hợp đồng:

Đơn giá Hợp đồng: Theo bảng báo giá đính kèm trong Hợp đồng và bảng giá trị dự toán tạm tính
Khối lượng: Có biên bản ký xác nhận gửi mẫu của Người có trách nhiệm do Ban chỉ huy công trường Bên A cử ra làm việc cùng với Bên B;

Giá trị Hợp đồng: Được xác định theo khối lượng thực tế giữa hai Bên trong quá trình thực hiện x đơn giá (đã bao gồm thuế V.A.T 10%) (Xem bảng dự toán và bảng báo giá đính kèm Hợp đồng);

Giá trị hợp đồng: 200,003,705 VNĐ_Bao gồm thuế VAT 10%

(Bằng chữ sau thuế: Hai trăm triệu, không trăm lẻ ba nghìn, bảy trăm lẻ năm đồng.)

- Đơn giá trên là cố định và sẽ không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng này;
- Khối lượng thanh toán sẽ được Ban chỉ Huy công trường xác nhận theo biên bản giao nhận kết quả báo cáo thí nghiệm của Nhà thầu phụ.



***Lưu ý: Khối lượng, giá trị thực hiện**

+ *Khối lượng trên là khối lượng tạm tính, trong trường hợp phát sinh tăng (hạng mục mới hoặc tăng khối lượng trong Hợp đồng) thì phải được lập thành Phụ lục Hợp đồng xác nhận giữa Hai Bên trước khi Bên B triển khai. Trong trường hợp Bên B tự triển khai hoặc triển khai theo chỉ đạo của BCH công trình Bên A mà chưa được xác nhận Phụ lục giữa hai Bên thì khối lượng phát sinh đó Bên A có quyền không thanh toán.*

+ *Trong quá trình thi công nếu Chủ đầu tư có sự thay đổi thiết kế, phát sinh khối lượng thì Bên B phải có trách nhiệm thực hiện các khối lượng phát sinh này theo yêu cầu của Bên A (trên cơ sở đơn giá được thỏa thuận giữa hai bên và lập thành phụ lục Hợp đồng). Bên B không được từ chối thực hiện các công tác phát sinh này.*

2/ Hình thức thanh toán:

Vào ngày 25 của hàng tháng, hai Bên tiến hành lập Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành công việc thí nghiệm thực tế đã thực hiện trong tháng tại công trường, trên cơ sở đó Bên B gửi một bộ hồ sơ thanh toán cho Bên A.

Hợp đồng được thanh toán từng đợt căn cứ theo khối lượng thực hiện công việc của từng đợt, trên cơ sở đó Bên B gửi bộ hồ sơ thanh toán từng đợt cho Bên A gồm:

- 1) Giấy đề nghị thanh toán của Bên B;
- 2) Bảng tổng hợp giá trị khối lượng thực hiện có xác nhận của BCHCT Bên A (Theo mẫu của bên A);
- 3) Hóa đơn VAT 10% (liên hệ kế toán Bên A trước khi xuất hóa đơn)

2.1. Phương thức thanh toán:

- Căn cứ vào hồ sơ thanh toán của Bên B, Bên A sẽ thanh toán **95%** giá trị khối lượng thực hiện của từng đợt cho Bên B trong vòng **15 ngày** làm việc kể từ ngày bên A nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên B;

2.2. Quyết toán:

- Sau khi bàn giao hồ sơ đợt cuối bên công trình, bên A thanh toán đến **100%** giá trị thực hiện hoàn thành thực tế sau khi đã trừ toàn bộ giá trị tạm ứng, giá trị các đợt thanh toán hàng kỳ và các khoản chi phí khác (nếu có)

- Thời hạn quyết toán: **30 ngày** làm việc kể từ ngày Bên B nộp đầy đủ hồ sơ quyết toán hợp lệ, gồm:

- 1) Giấy đề nghị thanh toán của Bên B;
- 2) Bảng giá trị quyết toán (mẫu Bên A);
- 3) Biên bản thanh lý hợp đồng;
- 4) Hóa đơn giá trị gia tăng ứng với giá trị còn lại.

2.3. Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

2.4. Tiền đồng thanh toán: Tiền đồng Việt Nam

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

Trách nhiệm Bên A:

- Cử cán bộ chuyên trách làm việc và cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, các yêu cầu về thí nghiệm để Nhà thầu phụ có cơ sở thực hiện công việc thí nghiệm được quy định theo nội dung của Điều 1 trong Hợp đồng này;
- Cung cấp mẫu thí nghiệm (theo đúng TCXD VN) cho Nhà thầu phụ;
- Phổ biến nội quy; huấn luyện an toàn lao động cho nhân viên của Nhà thầu phụ khi vào trong công trường đang thi công;
- Thông báo và cùng với Chủ Đầu tư và Tư vấn giám sát tham gia, chứng kiến quá trình thí nghiệm đối với các chỉ tiêu do Chủ Đầu tư và Tư vấn giám sát có yêu cầu;
- Thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này;
- Các nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Trách nhiệm Bên B:

- Chịu trách nhiệm thực hiện công việc đúng với các nội dung đã cam kết trong Hợp đồng và phải đảm bảo chất lượng sản phẩm của Hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Chịu trách nhiệm thực hiện công việc thí nghiệm đúng quy trình theo TCXD VN và các tiêu chuẩn khác có liên quan (nếu có);
- Đối với các thí nghiệm tại hiện trường, Bên B có trách nhiệm cử cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn cao, thiết bị, dụng cụ thí nghiệm cần thiết (còn tem kiểm định của Cơ quan chức năng do Nhà nước quy định) để phục vụ công việc thí nghiệm khi có yêu cầu;
- Bàn giao ngay kết quả thí nghiệm sau 02 (hai) đến 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành công tác thí nghiệm cho Bên A;
- Trong quá trình thực hiện công việc, Bên B phải thường xuyên thông báo cho Bên A về tiến độ công việc, số liệu có liên quan để các Bên cùng nhau bàn bạc và xử lý;
- Bên B phải mua bảo hiểm cho công nhân và máy móc thiết bị khi đưa vào công trường. Đảm bảo tuyệt đối an toàn về người và thiết bị trong quá trình thi công. Chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật và phí tổn nếu để xảy ra tai nạn lao động cho số nhân viên do mình quản lý;
- Cung cấp máy móc, thiết bị và nhân lực nhằm thực hiện công tác thí nghiệm tại công trường;
- Cung cấp đầy đủ các bảng khối lượng có chữ ký xác nhận của Chỉ huy trưởng trước các đợt làm hồ sơ thanh toán của Bên B;
- Đã đọc và đồng ý các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình thi công thuộc phạm vi công việc của Hợp đồng này được Bên A và Chủ Đầu tư đưa ra
- Cung cấp hồ sơ năng lực khi thầu chính có yêu cầu.

ĐIỀU 5: AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ AN NINH TRẬT TỰ

- Quy chế an toàn lao động & an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường tại công trường sẽ do Bên A đưa ra nhằm đảm bảo công việc thi công của công trình diễn ra một cách an toàn, sạch sẽ. Bên B phải tiến hành các công tác thi công theo hợp đồng theo cùng các quy chế trên.
- Bên B trong suốt quá trình thi công phải đề ra biện pháp đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường, PCCC tại khu vực thi công cùng với các công trình lân cận chung quanh công trường, đề cao vấn đề sức khỏe và sự an toàn của toàn bộ nhân công tại công trường cũng như sự ảnh hưởng đến dân cư các vùng lân cận.
- Mọi ảnh hưởng, thiệt hại về An toàn lao động, an ninh trật tự, cháy nổ, vệ sinh môi trường...do Bên B gây ra thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường những thiệt do mình gây ra.

ĐIỀU 6: TẠM DỪNG, HỦY VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

1. Các điều kiện dẫn đến tạm dừng hợp đồng:

- Tạm dừng thực hiện hợp đồng do một trong các nguyên nhân bất khả kháng được quy định trong hợp đồng này xảy ra;
- Nếu Bên B không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng, Bên A sẽ tạm ngừng công việc của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa những sai sót trong khoảng thời gian do hai Bên thỏa thuận;
- Nếu Bên A không tuân thủ các điều khoản tạm ứng, thanh toán theo hợp đồng, Bên B sẽ tạm dừng công việc cho đến khi Bên B được Bên A tạm ứng, thanh toán theo hợp đồng;
- Trước khi một bên tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì phải báo trước cho bên kia biết bằng văn bản (do đại diện có thẩm quyền ký tên và đóng dấu) ít nhất 02 ngày, trong đó nêu rõ lý do và thời gian tạm ngừng thực hiện. Trong trường hợp không thông báo ngay mà gây thiệt hại cho bên kia thì bên tạm ngừng thực hiện hợp đồng phải bồi thường thiệt hại. Các bên có trách nhiệm cùng thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp bất khả kháng.

2. Điều kiện hủy hợp đồng:

- Chỉ có những trường hợp sau đây mới được hủy bỏ Hợp đồng:

- Sau khi tạm dừng Hợp đồng theo Khoản 1 Điều này, nếu xác định lỗi của Bên vi phạm Hợp đồng là nghiêm trọng, không có biện pháp khắc phục hoặc khắc phục không đầy đủ và hai Bên không có thỏa thuận tiếp Hợp đồng.
 - Phát hiện một Bên có hành vi không trung thực hoặc cố ý làm sai lệch các kết quả trong hồ sơ nghiệm thu khối lượng.
 - Nếu một Bên được xem là không có khả năng trả nợ hoặc lâm vào tình trạng tương tự như tình trạng không trả nợ hoặc phá sản/giải thể hoặc một trong các Bên bị rút Giấy đăng ký kinh doanh.
 - Cơ quan bảo vệ pháp luật hay cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền hủy bỏ Hợp đồng.
 - Do tình trạng bất khả kháng làm 1 trong 2 Bên không thể thực hiện được Hợp đồng.
- Một Bên có quyền hủy bỏ Hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi Bên kia vi phạm Hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các Bên đã thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm Hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.
 - Bên hủy Hợp đồng phải báo trước cho Bên kia biết ít nhất là **07 ngày**; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho Bên kia thì Bên hủy Hợp đồng phải bồi thường thiệt hại và phải chịu phạt 05% giá trị Hợp đồng.
 - Khi Hợp đồng bị hủy bỏ thì Hợp đồng không còn hiệu lực từ thời điểm bị hủy bỏ và các Bên hoàn trả cho nhau bằng tài sản hoặc bằng tiền dựa theo số tiền đã nhận và khối lượng đã thực hiện công việc thực tế tại công trường được Bên A nghiệm thu.

3. Chấm dứt hợp đồng:

- Hợp đồng này được chấm dứt khi:
 - Hai Bên thực hiện hoàn tất nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này; hoặc
 - Các Bên thỏa thuận bằng văn bản đồng ý chấm dứt Hợp đồng này; hoặc
 - Theo quyết định của Tòa án; hoặc
 - Nếu do một Bên hủy Hợp đồng theo Khoản 2 Điều này.
- Ngay sau khi chấm dứt hợp đồng, Bên B phải bàn giao lại toàn bộ hồ sơ, tài liệu và thiết bị (nếu có) liên quan đến việc thực hiện công việc hợp đồng cho Bên A và rút toàn bộ nhân lực, thiết bị của mình ra khỏi công trường trong vòng **03 ngày** kể từ ngày hoàn tất thủ tục chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG

- “Sự kiện bất khả kháng” có nghĩa là bất kỳ sự kiện nào sau đây làm cho bất kỳ Bên nào hoặc các Bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này như: bạo loạn, chiến tranh, đình công, tranh chấp lao động khác và các ngưng trệ công việc khác, các tiện ích công cộng bị ngừng hoạt động hoặc bị cản trở, dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc thiên tai khác và các sự kiện khác vượt quá tầm kiểm soát hợp lý của các Bên hoặc khi Chủ đầu tư quyết định không tiếp tục thực hiện dự án.
- Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng xảy ra thì Bên tuyên bố “sự kiện bất khả kháng” phải nhanh chóng thông báo bằng văn bản đến Bên còn lại trong vòng **03 ngày**, việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng của các Bên sẽ bị hoãn lại trong trường hợp này. Tuy nhiên, Bên tuyên bố sự kiện bất khả phải nỗ lực thực hiện để rút ngắn thời gian trì hoãn hoặc vi phạm.
- Không Bên nào phải chịu trách nhiệm trước Bên kia về bất kỳ thiệt hại, thương tật, chậm trễ mà Bên kia đã phải gánh chịu do “sự kiện bất khả kháng” và việc không thực hiện hoặc chậm trễ của bất kỳ Bên nào trong việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình do “sự kiện bất khả kháng” sẽ không bị xem là vi phạm hợp đồng này. Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để chấm dứt hợp đồng.
- Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng cản trở việc thực hiện nghĩa vụ của một Bên trong vòng 30 (ba mươi) ngày liên tục, thì các Bên đồng ý cùng bàn bạc giải quyết theo hướng có lợi nhất cho các Bên và theo quy định của pháp luật, thời hạn để các Bên thương lượng giải quyết là 14 (mười bốn) ngày làm việc. Nếu hết thời hạn thương lượng nêu trên mà các Bên vẫn chưa giải quyết được, thì Bên nhận tuyên bố sự kiện bất khả kháng có quyền hủy bỏ hợp đồng.



ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này trước tiên sẽ được giải quyết trên cơ sở thương lượng, hòa giải và đảm bảo quyền lợi hợp pháp giữa các Bên.
- Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận trong vòng **30 ngày** kể từ ngày phát sinh tranh chấp, vụ việc sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Quyết định của toàn án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên. Ngoài việc chịu phí tố tụng trọng tài, Bên thua kiện còn phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc tố tụng của Bên thắng kiện.
- Luật pháp Việt Nam hiện hành là cơ sở để giải quyết mọi tranh chấp của Hợp đồng này nếu có.
- Trong thời gian có mâu thuẫn hoặc có tranh chấp đang được giải quyết thì các Bên phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này – ngoại trừ vấn đề đang bị tranh chấp.

ĐIỀU 9: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc hai Bên sẽ hợp tác thống nhất giải quyết, không Bên nào tự ý sửa đổi các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Bên nào vi phạm một trong những điều ghi trong Hợp đồng này phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;
- Mọi sự thay đổi nội dung Hợp đồng đều phải thể hiện bằng văn bản (phụ lục hay biên bản bổ sung hợp đồng) và không trái với pháp luật. Các phụ lục Hợp đồng kèm theo cũng như các biên bản bổ sung là những bộ phận không tách rời Hợp đồng này;
- Các bảng báo giá đính kèm là một phần không thể tách rời Hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
AN PHONG**



**Đại diện bởi: Ông TRẦN THÀNH NHÂN
Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc**

ĐẠI DIỆN BÊN B

**LIÊN HIỆP KHĐC KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**



**Đại diện bởi: Ông TRẦN THẾ THANH
Chức vụ: Tổng Giám Đốc**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---oOo---

HỢP ĐỒNG GIAO THẦU LẠI

Số: R.22.010-01/TP.NC.VT/053 Ngày 05/07/2022

- Căn cứ qui định Pháp luật hiện hành nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
- Theo ý chí và trên cơ sở thỏa thuận, các bên được nêu tên dưới đây đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau.

Ngày ký kết : 05/07/2022 Tại: Vp Công ty Ricons
Tên công trình : KHU CÔNG TRÌNH HỖN HỢP LÔ F - AKARI HOÀNG NAM
Địa điểm : KP2, P. An Lạc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
Hạng mục : Công tác thí nghiệm vật liệu xây dựng

Bên giao thầu (Sau đây được gọi tắt là "Bên A")

Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG RICON S
GCNĐKDN : 0303527596 Đăng ký tại Sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh.
Địa chỉ trụ sở : 96 Phan Đăng Lưu, Phường 05, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
Số Điện thoại : (84.8) 3 514 0349 Số Fax: (84.8) 3 514 0348
Mã số thuế : 0303527596
Tài khoản số : 018.100.248.8455
Tại ngân hàng : Ngân hàng Vietcombank Chi Nam Sài Gòn
Người đại diện : Ông PHAN VĂN PHÚC Chức vụ: Giám Đốc Dự Án
Theo ủy quyền số : 043/UQ-TGD-2022 ngày 04/07/2022

Và

Bên nhận thầu (Sau đây được gọi tắt là "Bên B")

Tên doanh nghiệp : LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY
DỰNG SÀI GÒN
GCNĐKDN : A-067 Ngày 15/07/2015 Đăng ký tại Bộ Khoa Học Và Công Nghệ
Địa chỉ CN/VPĐD : 06 đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, Tp.HCM
Điện thoại : 028. 3957 2591 Số Fax: 028. 3957 2592
Mã số thuế : 0304 743 744
Tài khoản số : 1401-0001-173-145
Tại ngân hàng : TMCP Đầu Tư Và Phát Triển VN Chi nhánh: CN Sài Gòn
Người đại diện : Ông TRẦN THẾ THANH Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Các bên cùng nhau soạn thảo, ký kết và thực hiện Hợp đồng (HĐ) này. HĐ này cùng với các hồ sơ đính kèm tạo thành một HĐ thống nhất trong đó các hồ sơ hợp đồng bao gồm và có thứ tự ưu tiên như dưới đây:

STT	Tên gọi của hồ sơ	Đính kèm	Ghi chú
1	Điều kiện Riêng	√	
2	Điều kiện Chung	√	
3	Bảng đơn giá/Khối lượng (<i>kèm theo cấu tạo giá chi tiết và các yêu cầu kỹ thuật</i>)	√	Phụ lục A
4	Tài liệu (<i>Phụ lục hợp đồng</i>) về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và vệ sinh môi trường.	√	Phụ lục B
5	Cam kết chống hối lộ thương mại và bảo mật thông tin	√	
6	Phạm vi công việc chi tiết	<input type="checkbox"/>	
7	Bảng Quy cách tính khối lượng	<input type="checkbox"/>	
8	Bảng tiến độ	<input type="checkbox"/>	
9	Tiêu chuẩn kỹ thuật/Quy trình thi công	<input type="checkbox"/>	
10	Cam kết bảo hành	<input type="checkbox"/>	
11	Mẫu bảo lãnh tạm ứng	<input type="checkbox"/>	
12	Mẫu bảo lãnh bảo hành	<input type="checkbox"/>	
13	Bảng báo giá	<input type="checkbox"/>	
14	Bản vẽ	<input type="checkbox"/>	
15	Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng	<input type="checkbox"/>	
16	Hồ sơ năng lực của Bên B	<input type="checkbox"/>	
17	Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Bên B	<input type="checkbox"/>	

Định nghĩa các thuật ngữ và từ viết tắt trong HĐ

1. HĐ : Hợp đồng.
2. HH/DV : Hàng hóa./ Dịch vụ.
3. GTGT : Giá trị gia tăng.
4. BLTU' : Bảo lãnh tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện do ngân hàng Bên B phát hành có giá trị tương đương giá trị tạm ứng và có hiệu lực kể từ khi phát hành cho tới khi Bên A đã khấu trừ 100% giá trị tạm ứng.
5. BLTHHĐ : Bảo lãnh thực hiện HĐ là bảo lãnh vô điều kiện do ngân hàng Bên B phát hành dùng để bảo đảm việc thực hiện HĐ của Bên B có hiệu lực kể từ khi phát hành cho tới khi Bên B hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ HĐ.

Thư

6. BLBH : Bảo lãnh bảo hành là bảo lãnh vô điều kiện do ngân hàng Bên B phát hành dùng để bảo đảm việc bảo hành của Bên B có hiệu lực cho tới khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành theo quy định HĐ.
7. ĐKR : Điều kiện riêng của HĐ.
8. Công việc : Là phạm vi cung cấp vật tư và thi công theo các mô tả trong hồ sơ HĐ.
9. Công trình : Là địa điểm mà công việc được thực hiện, có tên và địa chỉ nêu ở trang đầu tiên.
10. Ngày : Là ngày Dương lịch – bao gồm cả ngày nghỉ hàng tuần, ngày nghỉ lễ theo quy định pháp luật.
11. Ngày làm việc: Được hiểu là các ngày từ Thứ hai đến Thứ bảy trong tuần, không bao gồm Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ theo quy định pháp luật.
12. Quy định pháp luật: Là các quy định pháp luật hiện hành do Nhà nước ban hành có hiệu lực tại thời điểm ký kết HĐ.
13. Ngôn ngữ : Ngôn ngữ của HĐ là Tiếng Việt và luôn được ưu tiên áp dụng. Trong trường hợp các hồ sơ đính kèm HĐ chỉ được thể hiện bằng ngôn ngữ khác thì riêng các hồ sơ đó được hiểu theo nghĩa của Ngôn ngữ đó. Tuy nhiên, nếu có sự không thống nhất giữa các bên về cách hiểu nghĩa của từ ngữ trong hồ sơ thì cách hiểu theo thông lệ ngành được áp dụng hoặc nếu không có thông lệ thì nghĩa điển giải của Bên A về các hồ sơ thể hiện bằng ngôn ngữ khác được ưu tiên áp dụng.

Các thông tin chi tiết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan đến HĐ này được quy định trong các hồ sơ đính kèm được liệt kê như trên.

Đại diện có thẩm quyền của các bên ký xác nhận dưới đây đồng ý với các điều kiện, điều khoản HĐ.



ĐẠI DIỆN BÊN A

Ông: **PHAN VINH PHÚC**
Chức vụ: Giám Đốc Dự Án



ĐẠI DIỆN BÊN B

Ông: **TRẦN THẾ THANH**
Chức vụ: Tổng Giám Đốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---oOo---

HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ

Số: X.22.005-02/2022/TP/030

Tên công trình : Đầu tư xây dựng Công trình Trường Đại học Văn Lang Giai đoạn 3
Địa điểm : Phường 5, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Gói thầu : Thi công Kết cấu phần thân, Hoàn thiện và Cơ điện các khối nhà D&N1 và khối nhà S
Công tác : Thí nghiệm vật liệu và thí nghiệm kiểm tra chất lượng hiện trường

- Căn cứ qui định pháp luật hiện hành nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Theo ý chí và thỏa thuận giữa hai Bên,

Hôm nay, ngày 13 tháng 07 năm 2022, tại Tp. Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm

Bên giao thầu (Sau đây được gọi tắt là "Bên A")

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SOL E&C**
Tên viết tắt : **SOL E&C**
Địa chỉ : 96 Phan Đăng Lưu, Phường 05, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : (028) 38203555 Số Fax:
Mã số thuế : 0313541575
Tài khoản số : 0181003480682
Tại ngân hàng : Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh: Nam Sài Gòn
Hoặc tài khoản số : 19132667637011
Tại ngân hàng : Ngân hàng Techcombank Chi nhánh: Tp. HCM
Người đại diện : Ông **TRẦN MINH THẮNG** Chức vụ: **Giám đốc điều hành**
Theo ủy quyền số : 034/2022/UQ

Và

Bên nhận thầu (Sau đây được gọi tắt là "Bên B")

Tên doanh nghiệp : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN**
Địa chỉ : 06 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Tp.HCM
Điện thoại : 028. 3957 2591 Số Fax:
Mã số thuế : 0304 743 744
Tài khoản số : 1401 0001 173 145
Tại ngân hàng : NH TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam Chi nhánh: Sài Gòn
Người đại diện : Ông **TRẦN THỂ THANH** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Theo ủy quyền số :

Sau khi thảo luận, hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng thầu phụ (“Hợp đồng”) với các nội dung sau:

1. Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thầu thi công tại công trình **Trường Đại học Văn Lang Giai đoạn 3** với nội dung công việc, địa điểm thực hiện, thời hạn bảo hành, giá trị Hợp đồng, tiến độ thanh toán,...như dưới đây, các quy định này nhằm bổ sung một số nội dung tại Điều kiện chung (“ĐKC”) của Hợp đồng :

BẢNG CÁC ĐIỀU KIỆN RIÊNG HỢP ĐỒNG			
T	TÊN ĐIỀU KHOẢN	THAM CHIẾU ĐKC	NỘI DUNG BỔ SUNG
1	Phạm vi công việc, Yêu cầu kỹ thuật	Điều I	a. Phạm vi công việc: Thí nghiệm vật liệu theo bảng Phụ Lục A đính kèm b. Yêu cầu kỹ thuật: Đảm bảo theo TCVN hiện hành.
2	Tiến độ thực hiện	Điều II	Theo tiến độ Ban Chi Huy yêu cầu
3	Thời hạn bảo hành	Điều III	Không Áp Dụng.
4	Giá trị Hợp đồng (HĐ) và Phương thức thanh toán	Điều V	a. Giá trị hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT): 99.957.000 VNĐ Thuế VAT 08% (tạm tính): 7.996.560 VNĐ Thuế VAT sẽ được điều chỉnh theo quy định của nhà nước. Giá trị hợp đồng (bao gồm thuế GTGT): 107.953.560 VNĐ (<i>Bằng chữ: Một trăm lẻ bảy triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm sáu chục đồng Việt Nam</i>). Loại hợp đồng: Tính lại khối lượng Đơn giá là giá cố định , không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng. Đơn giá hợp đồng không được phép thay đổi khi có biến động về nguyên vật liệu, dịch bệnh, thiên tai, lũ lụt... hoặc bất kỳ lý do nào khác. Giá trị Hợp đồng được tính lại theo: Đơn giá hợp đồng x khối lượng thực tế được Bên A xác nhận. b. Phương thức thanh toán: chuyển khoản - Thanh toán hàng tháng: Bên A thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị công việc thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán. - Quyết toán: Bên A thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị quyết toán hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B cung cấp Biên bản quyết toán thanh lý HĐ và chứng từ thanh toán đầy đủ cho Bên A.
5	Bảo lãnh Hợp đồng		Không áp dụng

6	Hồ sơ thanh toán	Điều V	<ul style="list-style-type: none"> - Việc thanh toán chỉ được thực hiện khi Bên B cung cấp hoá đơn tài chính phù hợp và đầy đủ với giá trị khối lượng công việc thực hiện trước mỗi đợt thanh toán. - Hóa đơn phải phát hành đủ giá trị thực hiện được Bên A xác nhận. - Thanh toán hàng kì: <ul style="list-style-type: none"> + Bảng khối lượng giá trị đã thực hiện trong kì được CHT của bên A xác nhận + Hóa đơn giá trị gia tăng - Thanh toán quyết toán: <ul style="list-style-type: none"> + Bảng khối lượng giá trị quyết toán được CHT của bên A xác nhận + Biên bản thanh lý Hợp đồng + Hóa đơn giá trị gia tăng bổ sung - Hóa đơn điện tử vui lòng gửi đến SOL theo địa chỉ email: hoadondientu@solenc.vn, email kế toán phụ trách, email QS..
7	Thỏa thuận khác (nếu có)		Không có

2. Các tài liệu sau đây được xem là một bộ phận cấu thành của Hợp đồng, trường hợp có mâu thuẫn giữa các tài liệu của Hợp đồng thì theo thứ tự ưu tiên áp dụng giảm dần như sau:
 - a) Bản Hợp đồng này.
 - b) Điều kiện chung của Hợp đồng.
 - c) Tiêu chuẩn kỹ thuật/Quy trình thi công.
 - d) Bảng đơn giá/Khối lượng
 - e) Phạm vi công việc
 - f) Bản vẽ
 - g) Bảng tiến độ
 - h) Các quy định về an toàn, sức khỏe – vệ sinh môi trường.
 - i) Quy định về cam kết thực thi minh bạch.
 - j) Giấy ủy quyền (nếu có).
 - k) Tài liệu kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp
 - l) Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Bên B.
 - m) Nội quy của Ban chỉ huy công trường
3. Hợp đồng này thay thế tất cả thỏa thuận của các Bên trước thời điểm Hợp đồng này được ký kết tại Công trình này bất kể các thỏa thuận đó được thể hiện dưới hình thức nào.
4. Mọi thay đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này phải được lập thành phụ lục Hợp đồng được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận trước khi thực hiện.
5. Nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng và hướng đến sự hợp tác bền vững giữa 02 Bên, Phòng Kinh Tế sẵn sàng tiếp nhận tất cả ý kiến đóng góp của Bên B thông qua địa chỉ email “cs@solenc.vn”
6. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi thanh lý Hợp đồng.

7. Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản Tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 01 (một) bản, Bên B giữ 01 (một) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Ông: **Trần Minh Thắng**
Chức vụ: **Giám đốc điều hành**

ĐẠI DIỆN BÊN B



Ông: **Trần Thế Thanh**
Chức vụ: **Tổng giám đốc**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---oOo---

HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ

Số: CS22-17/TP/22/2701

TÊN CÔNG TRÌNH : LEGO MANUFACTURING VIỆT NAM
Địa điểm : KCN VSIP III, phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Gói thầu : General Contractor
Công tác : Thí nghiệm vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường

- Căn cứ qui định Pháp luật hiện hành nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Theo ý chí và thỏa thuận giữa hai Bên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 09 năm 2022, tại Phòng thí nghiệm LAS 498, chúng tôi gồm có:

Bên giao thầu (Sau đây được gọi tắt là "Bên A")

Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG COTECCONS
Địa chỉ : 236/6 Điện Biên Phủ, P.17, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM, Việt Nam
Điện thoại : (84.28) 3514 2255/ 3514 2266 **Số Fax:** (8428) 35142277
Mã số thuế : 0303443233
Tài khoản số : 018.100.004.8671
Tại ngân hàng : Ngân hàng TM CP Ngoại thương Việt Nam **Chi nhánh:** Nam Sài Gòn
Người đại diện... : Ông **VĂN VI THIÊN** **Chức vụ:** Giám đốc dự án
Theo ủy quyền số : 3716/2022/ UQ-TGD ngày 17/08/2022

Và

Bên nhận thầu (Sau đây được gọi tắt là "Bên B")

Tên doanh nghiệp : LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN
Địa chỉ : 06 đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. HCM
Điện thoại : 028. 3957 2591
Mã số thuế : 0304 743 744
Tài khoản số : 1401-0001-173-145
Tại ngân hàng : Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển VN **Chi nhánh:** Sài Gòn.
Người đại diện : Ông **TRẦN THẾ THANH** **Chức vụ:** Tổng giám đốc

Sau khi thảo luận, hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng thầu phụ ("Hợp đồng") với các nội dung sau:

1. Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thầu thí nghiệm vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường công trình **LEGO MANUFACTURING VIỆT NAM** với nội dung công

việc, địa điểm thực hiện, thời hạn bảo hành, giá trị Hợp đồng, tiến độ thanh toán như dưới đây, các quy định này nhằm bổ sung một số nội dung tại Điều kiện chung (“ĐKC”) của Hợp đồng:

BẢNG CÁC ĐIỀU KIỆN RIÊNG HỢP ĐỒNG			
STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	THAM CHIẾU ĐKC	NỘI DUNG BỔ SUNG
1	Phạm vi công việc, Yêu cầu kỹ thuật	Điều I	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi công việc : Thí nghiệm vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường - Yêu cầu kỹ thuật : theo tiêu chuẩn xây dựng hiện hành và tiêu chí kỹ thuật của dự án.
2	Tiến độ thực hiện	Điều II	Theo tiến độ BCH (kèm theo), nếu có thay đổi BCH sẽ thông báo cho NTP.
3	Thời hạn bảo hành	Điều III	Không áp dụng
4	Giá trị Hợp đồng (HĐ) và Phương thức thanh toán	Điều IV	<p>Giá trị hợp đồng: Theo khối lượng thực tế x Đơn giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn giá theo Bảng đơn giá thí nghiệm đính kèm Hợp đồng này. - Thuế VAT sẽ áp dụng theo luật thuế hiện hành tại thời điểm cung cấp hàng hóa. <p>Giá trị Hợp đồng là tạm tính, giá trị thanh quyết toán theo khối lượng thực tế thi công. Phương thức thanh toán: chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên A thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị thi công trong vòng 28 ngày kể từ ngày Bên B cung cấp chứng từ thanh toán đầy đủ cho Bên A. - Bên A Quyết toán cho Bên B đến 100% giá trị quyết toán Hợp đồng trong vòng 28 ngày kể từ ngày Bên B cung cấp hồ sơ Quyết toán đầy đủ cho Bên A. <p>Chứng từ thanh quyết toán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên B chỉ được thanh toán sau khi đã xuất kết quả thí nghiệm đã thực hiện và đóng dấu đỏ của công ty, đầy đủ đối chiếu khối lượng có xác nhận của đại diện hai Bên. - Việc thanh, quyết toán chỉ được thực hiện khi Bên B cung cấp hoá đơn tài chính phù hợp và đầy đủ với giá trị khối lượng công việc thực hiện trước mỗi đợt thanh toán. - Bảng giá trị khối lượng thanh toán của nhà thầu phụ có chữ ký xác nhận của Giám sát/ Chỉ huy trưởng. <p>Biên bản quyết toán Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc (đối với đợt Quyết toán)</p>
5	Thỏa thuận khác		<p>Trách nhiệm bên A:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp các tài liệu có liên quan đến công tác thí nghiệm và kiểm định chất lượng theo yêu cầu hợp lý của bên B - Cung cấp chính xác cho bên B các thông tin về mẫu thử (Nhà thầu, Tư vấn, Chủ đầu tư, Công trình, ký hiệu

			<p>mẫu...) trước khi làm báo cáo kết quả thí nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có quyền không nghiệm thu, quyết toán những công việc do bên B thực hiện không đảm bảo tiến độ và tính chính xác của kết quả thí nghiệm. <p>Trách nhiệm của bên B:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật, Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và trước bên A về tính pháp lý và tính chính xác của số liệu/ kết quả thí nghiệm hoặc kiểm định - Tổ chức bố trí nhân lực, thiết bị thí nghiệm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng phục vụ công tác thí nghiệm/kiểm định khi hợp đồng có hiệu lực - Khảo sát và bàn giao hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát đúng tiến độ theo yêu cầu bên A - Cung cấp cho bên A hóa đơn tài chính theo giá trị công việc đã thực hiện theo quy định của pháp luật và yêu cầu của bên A - Bằng kinh phí của mình, bên B tự trang bị các phương tiện và thiết bị đảm bảo chất lượng để thực hiện các công tác kiểm định - Trong quá trình thí nghiệm tại hiện trường, bên B phải chấp hành nghiêm túc mọi nội quy, quy định trên công trường của bên A; đồng thời bên B phải đảm bảo vệ sinh công trường - Tự chịu trách nhiệm an toàn về người và mọi thiết bị/tài sản của mình trong quá trình khảo sát. Tuyệt đối bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, giữ gìn an ninh trật tự công trường, bảo vệ trật tự, thiết bị, dụng cụ lao động trong quá trình thí nghiệm. Nếu vi phạm các quy định trên, bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và chịu mọi chi phí bồi đền • Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành
--	--	--	---

2. Các tài liệu sau đây được xem là một bộ phận cấu thành của Hợp đồng, trường hợp có mâu thuẫn giữa các tài liệu của Hợp đồng thì theo thứ tự ưu tiên áp dụng giám dân như sau:
- a) Bản Hợp đồng này.
 - b) Điều kiện chung của Hợp đồng.
 - c) Tiêu chuẩn kỹ thuật/Quy trình thi công.
 - d) Bảng đơn giá/Khối lượng.
 - e) Bản vẽ (nếu có).
 - f) Bảng tiến độ (nếu có).
 - g) Các quy định về an toàn, sức khỏe – vệ sinh môi trường và các quy định về truyền thông.
 - h) Quy định về cam kết thực thi minh bạch.
 - i) Giấy ủy quyền (nếu có).
 - j) Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Bên B.
 - k) Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế (Mẫu số 08 – MST).
2. Hợp đồng này thay thế tất cả thỏa thuận của các Bên trước thời điểm Hợp đồng này được ký kết tại Công trình **LEGO MANUFACTURING VIỆT NAM** bất kể các thỏa thuận đó được thể hiện dưới hình thức nào.

3. Mọi thay đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này phải được lập thành phụ lục Hợp đồng được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận trước khi thực hiện.
4. Nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng và hướng đến sự hợp tác bền vững giữa 02 Bên, Phòng Kiểm soát Chi phí và Hợp đồng sẵn sàng tiếp nhận tất cả ý kiến đóng góp của Bên B thông qua địa chỉ email "gopy.ccm@coteccons.vn".
5. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi thanh lý Hợp đồng.
6. Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản Tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 01 (một) bản, Bên B giữ 03 (ba) bản.



Ông: **VĂN VI THIỆN**
Chức vụ: Giám Đốc Dự Án



Ông: **TRẦN THỂ THANH**
Chức vụ: Tổng Giám Đốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---oOo---

HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ

Số: D.23.009-01/TP/024

Tên công trình : Khu Công Nghiệp Công Nghệ Cao Long Thành
Địa điểm : Khu CN công nghệ cao Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
Công tác : Thí nghiệm vật liệu.

- Căn cứ quy định Pháp luật hiện hành nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Theo ý chí và thỏa thuận giữa hai Bên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 06 năm 2023, tại văn phòng Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây dựng Newtecons, Chúng tôi gồm:

Bên giao thầu (Sau đây được gọi tắt là "Bên A")

Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NEWTECONS
Địa chỉ : Newtecons Tower 96 Phan Đăng Lưu, phường 5, quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại : (84.28) 3514 6699 Số Fax: (84.28) 3514 6677
Mã số thuế : 0303103212
Tài khoản số : 19129162661012
Tại ngân hàng : TM CP Kỹ Thương Việt Nam Chi nhánh: Hồ Chí Minh
Người đại diện : Ông HỒ HOÀNG QUỐC VIỆT Chức vụ: Giám Đốc Dự Án
Theo ủy quyền số : Số 1307/2023/UQ – Ký ngày 12 tháng 06 năm 2023 của Tổng Giám Đốc.

Và

Bên nhận thầu (Sau đây được gọi tắt là "Bên B")

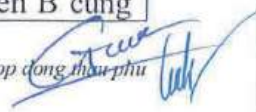
Tên doanh nghiệp : LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN
Địa chỉ : 06 đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. HCM
Điện thoại : 028. 3957 2591 Số Fax:
Mã số thuế : 0304 743 744
Tài khoản số : 1401 173 145
Tại ngân hàng : TMCP Đầu Tư Và Phát Triển VN Chi nhánh: Sài Gòn
Người đại diện : Ông TRẦN THẾ THANH Chức vụ: Tổng giám đốc
Theo ủy quyền số :

Sau khi thảo luận, hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng thầu phụ (“Hợp đồng”) với các nội dung sau:

- Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thầu thi công tại công trình **Khu Công Nghiệp Công Nghệ Cao Long Thành** với nội dung công việc, địa điểm thực hiện, thời hạn bảo hành, giá trị Hợp đồng, tiến độ thanh toán,... như dưới đây, các quy định này nhằm bổ sung, thay thế, điều chỉnh một số nội dung tại Điều kiện chung (“ĐKC”) của Hợp đồng:

BẢNG CÁC ĐIỀU KIỆN RIÊNG HỢP ĐỒNG			
STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	THAM CHIẾU ĐKC	NỘI DUNG BỔ SUNG
1	Phạm vi công việc, Yêu cầu kỹ thuật	Điều I	- Thí nghiệm vật liệu.
2	Tiến độ, Phạm vi thực hiện	Điều II	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bắt đầu: Ngay sau khi ký hợp đồng cho đến khi nghiệm thu kết thúc công trình. - Và phải đáp ứng tiến độ theo yêu cầu của Bên A. - Trường hợp Bên B thực hiện chậm trễ tiến độ thi công theo quy định của hợp đồng này quá 10 ngày, Bên B chịu phạt 0,1% giá trị hợp đồng này cho mỗi ngày chậm trễ. Tổng số tiền phạt không vượt quá 12% giá trị hợp đồng. Đồng thời bồi thường thiệt hại cho Bên A các chi phí về nhân công chờ, các chi phí phát sinh do chậm tiến độ từ Bên B.
3	Thời hạn bảo hành	Điều III	- Không áp dụng.
4	Giá trị Hợp đồng (HĐ) và Phương thức thanh toán	Điều V	<p>Giá trị hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT): Bằng đơn giá x khối lượng thực tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp thuế suất VAT có thay đổi theo quy định của Nhà nước, giá trị Hợp đồng sẽ được điều chỉnh theo sự thay đổi của thuế suất VAT. - Khối lượng hợp đồng là tạm tính, khối lượng thực tế được xác nhận tại công trường giữa hai Bên. Đơn giá không thay đổi trong thời gian hiệu lực của hợp đồng. - Đơn giá đã bao gồm chi phí biện pháp thi công, điện thi công, thiết bị thi công, vật tư phụ và các chi phí cần thiết khác thuộc trách nhiệm Bên B để Bên B hoàn thành công việc theo đúng yêu cầu về an toàn, chất lượng, tiến độ. - Bên B phải thực hiện các phát sinh theo yêu cầu của Bên A trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực. Đồng thời căn cứ vào khối lượng phát sinh tăng hoặc giảm theo thực tế, hai Bên sẽ thống nhất về mức chi phí và thời gian cần thiết để lập phụ lục hợp đồng. <p>Phương thức thanh toán: chuyển khoản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạm ứng: Không áp dụng. - Các đợt thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B đến 95% giá trị công việc thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên B cung cấp chứng từ thanh toán đầy đủ cho Bên A.

		<ul style="list-style-type: none"> - Quyết toán: Khoản tiền này sẽ được thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên A nghiệm thu bàn giao công trình với Tư vấn, Chủ đầu tư và được Chủ đầu tư thanh toán cho Bên A, đồng thời Bên B cung cấp đủ hồ sơ thanh quyết toán cho Bên A. Sau khi Hồ sơ quyết toán và nghiệm thu toàn bộ khối lượng Công việc theo quy định Hợp đồng được ký kết giữa hai Bên, Bên A sẽ thanh toán đến 100% Giá trị quyết toán cho Bên B <p>Chúng từ thanh, quyết toán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản xác nhận khối lượng tại công trình. - Hồ sơ nghiệm thu chất lượng (Nếu có). - Hóa đơn tài chính phù hợp. - Hóa đơn phải phát hành đủ giá trị khi được giám sát kỹ thuật và chỉ huy trưởng công trường của Bên A xác nhận. - Biên bản quyết toán và thanh lý Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu bàn giao (Đối với đợt thanh toán quyết toán). - Các Bảo lãnh theo mẫu đính kèm Hợp đồng cho từng đợt thanh toán tương ứng.
5	Quyền và nghĩa vụ các Bên	<p>Điều VII, VIII</p> <p>➤ Trách nhiệm Bên A</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cử cán bộ kỹ thuật phối hợp giao nhận và nghiệm thu vật liệu đầu vào và lấy mẫu thí nghiệm cùng với Bên B và Nhà thầu cung cấp của Bên A, giám sát và nghiệm thu công việc của Bên B trong quá trình thi công tới khi hoàn thành hạng mục công việc. Xác nhận khối lượng thanh toán cho Bên B đúng hạn. - Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện và hoàn thành tốt công việc trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. <p>➤ Trách nhiệm Bên B</p> <p>Các yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ bàn giao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên B phát hành kết quả thí nghiệm đáp ứng yêu cầu của Bên A theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và các tiêu chuẩn hiện hành khác. - Bên B giao kết quả thí nghiệm cho Bên A cho từng hạng mục thí nghiệm có đóng dấu của phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định trong vòng (05) ngày kể từ ngày thí nghiệm. - Số bộ hồ sơ thí nghiệm 05 bộ gốc, 1 bộ photo. <p>Cam kết thực hiện công việc theo yêu cầu chất lượng và tiến độ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết thực hiện công việc theo yêu cầu chất lượng và tiến độ. - Bên B có trách nhiệm cử các kỹ sư và các nhà chuyên môn có đủ điều kiện năng lực theo qui định của pháp luật, trình độ thực hiện, đáp ứng yêu cầu của công trình. - Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn thẩm tra thiết kế. - Bên B thực hiện công việc theo đề cương được duyệt và chịu trách nhiệm pháp lý về những số liệu Bên B cung



		<p>cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ kết quả, số lượng hồ sơ... đảm bảo đầy đủ, phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam ban hành. - Bên B cấp cho Bên A các kết quả làm thí nghiệm (05 bộ/01 số kết quả). - Bên B có trách nhiệm bảo mật các tài liệu có liên quan. Nếu Bên A phát hiện Bên B có bất kì vi phạm nào về công tác bảo mật hồ sơ sẽ tiến hành phạt Bên B 5.000.000 VNĐ cho một trường hợp. - Bên B có trách nhiệm thực hiện đúng cam kết về tiến độ công việc được kí kết giữa Bên B và Bên A. Nếu vi phạm, Trễ 1 ngày phạt 5.000.000VNĐ trên mỗi lần vi phạm. - Bên B chịu trách nhiệm cho việc xử lý các vấn đề liên quan tới các công trình, hạng mục của Bên A bị hư hại do thiết bị thi công của Bên B trực tiếp va chạm gây ra. - Bên B chịu trách nhiệm quản lý nhân sự của mình không sang khu vực các công trình hiện hữu của CĐT. Mỗi trường hợp vi phạm sẽ phạt 10.000.000 VNĐ/trường hợp.
6	Thỏa thuận khác	<p>Đơn giá trong hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nội dung công việc và đơn giá trong hợp đồng này là bao gồm nhưng không giới hạn các vật tư, nhân công, hao hụt, vận chuyển, nhiên liệu, trang thiết bị bảo hộ lao động,... để thực hiện hoàn thiện các công việc bao gồm bảo quản, sửa chữa các lỗi, hỏng hóc trong quá trình thi công (do lỗi của Bên B), cũng như trong suốt quá trình thực hiện bảo hành công trình (do lỗi của Bên B). Đơn giá sẽ không chịu bất kỳ biến động nào của thị trường như: vật liệu, nhiên liệu, nhân công, ..v.v... - Bên B chịu trách nhiệm thi công hoàn thành toàn bộ tất cả các công việc thuộc phạm vi hợp đồng/hoặc các công việc khác được Bên A giao phó có sự đồng ý của Bên B (Bao gồm công tác quay lại do điều kiện thi công thực tế phải thực hiện). <p>Cam kết đảm bảo chất lượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên B có trách nhiệm tuân theo tất cả các thủ tục về nghiệm thu và các quy trình bắt buộc khác thuộc phạm vi của Hợp đồng với Chủ đầu tư, Tư vấn và Bên A trên công trường; - Bên B phải chịu trách nhiệm thay thế, bồi thường các chi phí tổn hại gây ra do việc thi công các hạng mục công việc của mình không thỏa mãn đúng yêu cầu về chất lượng, quy cách, kỹ thuật của Bên A, Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư; - Nếu bên B vi phạm về chất lượng công việc, sản phẩm của Hợp đồng, Bên B có trách nhiệm sửa chữa khiếm khuyết hoặc thay thế vật tư phù hợp theo quy định trong khoản thời gian hợp lý. Trường hợp, quá thời hạn cho phép mà Bên B vẫn không đáp ứng đúng yêu cầu, Bên A có quyền thuê đơn vị thứ 3 vào khắc phục, chi phí

này, Bên B sẽ có trách nhiệm chi trả thay cho Bên A. Đồng thời, Bên B sẽ bồi thường cho Bên A một mức hợp lý theo thiệt hại thực tế. Tuy nhiên mức phạt không vượt quá 12% giá trị hợp đồng.

- Nếu bên B vi phạm về chất lượng nhiều lần, Bên A có quyền yêu cầu thay Chi Huy Trưởng của Bên B đồng thời phạt 30.000.000đ/lần vi phạm.

Cam kết đảm bảo an toàn lao động:

- Trang bị đầy đủ đồng phục Bảo hộ lao động theo quy định.
- Đảm bảo giấy phép và các hồ sơ liên quan đối với các công tác nguy hiểm (công tác nóng, làm việc trên cao, sát mép biên...).
- Không được gây gỗ, chửi thề, đánh nhau trong công trường. Gây mất trật tự An toàn.
- Giữ gìn vệ sinh môi trường, vệ sinh chung. Đi vệ sinh đúng nơi quy định. Không được vứt rác bừa bãi xung quanh khu vực thi công của dự án.
- Không được có hành vi trộm cắp hoặc làm hư hao thiết bị và tài sản của Bên A.
- Tuân thủ biện pháp lắp dựng, chịu toàn bộ các thiệt hại do sự cố lắp dựng và an toàn lao động xảy ra trên công trường liên quan đến công tác thi công.

Tuân thủ các quy định của BCH công trường Bên A:

- Tuân theo mọi hiệu lệnh và yêu cầu của Giám Sát BCH. Không được có thái độ bất hợp tác khi thực hiện công tác bàn giao hàng hóa.
- Không được xúc phạm hoặc có hành vi hăm dọa, đánh đập Giám Sát BCH. Nếu vi phạm điều này, BCH mời đối tượng ra khỏi công trường, Bên B phải chịu mức phạt 10.000.000 (mười triệu đồng) và thực hiện bồi thường gấp hai lần nếu xảy ra thương tích.

Nếu vi phạm một trong các quy định và cam kết về an toàn nêu trên, Bên B sẽ phải chịu các mức phạt lần lượt như sau:

- Lần 1: phạt 5.000.000đ (năm triệu đồng).
- Lần 2: phạt 10.000.000đ (mười triệu đồng)
- Lần 3: phạt 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)
- Nếu vi phạm quá 3 lần bên A có quyền yêu cầu thay Chi Huy trưởng Bên B.

Các trường hợp nghiêm trọng và đặt biệt nghiêm trọng có liên quan đến Pháp luật và Uy tín của Bên A sẽ xử lý vi phạm theo quy định Pháp Luật. Các trường hợp vi phạm còn lại sẽ xử lý theo nội dung kể trên.

Các biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng:

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Hai Bên có quyền

			thỏa thuận về sửa đổi bổ sung hợp đồng. Sự thỏa thuận đó phải được lập thành văn bản như một Phụ lục của Hợp đồng và được Hai Bên cùng ký xác nhận thì mới có giá trị thực hiện.
--	--	--	--

2. Các tài liệu sau đây được xem là một bộ phận cấu thành của Hợp đồng, trường hợp có mâu thuẫn giữa các tài liệu của Hợp đồng thì theo thứ tự ưu tiên áp dụng giảm dần như sau:
- Bản Hợp đồng này.
 - Điều kiện chung của Hợp đồng.
 - Tiêu chuẩn kỹ thuật/Quy trình thi công.
 - Bảng đơn giá/Khối lượng.
 - Bản vẽ (nếu có).
 - Bảng tiến độ (nếu có).
 - Các quy định về an toàn, sức khỏe – vệ sinh môi trường.
 - Quy định về cam kết thực thi minh bạch.
 - Giấy ủy quyền (nếu có).
 - Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Bên B.
 - Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế (Mẫu số 08 – MST).
3. Hợp đồng này thay thế tất cả thỏa thuận của các Bên trước thời điểm Hợp đồng này được ký kết tại Công trình **Khu công Nghiệp Công Nghệ Cao Long Thành** bất kể các thỏa thuận đó được thể hiện dưới hình thức nào.
4. Mọi thay đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này phải được lập thành phụ lục Hợp đồng được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận trước khi thực hiện.
5. Nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng và hướng đến sự hợp tác bền vững giữa 02 Bên, Phòng Kiểm soát Chi phí và Hợp đồng sẵn sàng tiếp nhận tất cả ý kiến đóng góp của Bên B thông qua địa chỉ email phongccm@newtecons.vn
6. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi thanh lý Hợp đồng.
7. Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản Tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 01 (một) bản, Bên B giữ 01 (một) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B



Ông: **TRẦN THẾ THANH**
Chức vụ: Tổng giám đốc

ĐẠI DIỆN BÊN A



Ông: **HÒ HOÀNG QUỐC VIỆT**
Chức vụ: Giám đốc dự án

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: *01A* /LTIA/2023/HĐTC/CC1-LAS498

- DỰ ÁN** : ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ
LONG THÀNH – GIAI ĐOẠN 1
- GÓI THẦU** : GÓI THẦU 5.10 – THI CÔNG XÂY DỰNG VÀ LẮP ĐẶT
THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH NHÀ GA HÀNH KHÁCH
- HẠNG MỤC** : THÍ NGHIỆM XÂY DỰNG
- ĐỊA ĐIỂM** : HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Giữa

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Và

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

MỤC LỤC

Điều 1.	Các định nghĩa	4
Điều 2.	Hợp đồng và thứ tự ưu tiên	4
Điều 3.	Luật và ngôn ngữ sử dụng	5
Điều 4.	Nội dung công việc	5
Điều 5.	Thư/Chứng thư Bảo đảm	5
Điều 6.	Chất lượng sản phẩm và yêu cầu kỹ thuật	5
Điều 7.	Thời gian và tiến độ thực hiện	5
Điều 8.	Giá trị Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán	5
Điều 9.	Quyền và nghĩa vụ chung của Bên A	6
Điều 10.	Quyền và nghĩa vụ chung của Bên B.....	7
Điều 11.	An toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ.....	9
Điều 12.	Bảo mật thông tin.....	9
Điều 13.	Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A.....	9
Điều 14.	Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B.....	10
Điều 15.	Bảo hiểm và Bảo hành	10
Điều 16.	Khiếu nại và xử lý các tranh chấp.....	11
Điều 17.	Điều khoản chung	11
PHỤ LỤC 01:	11
BẢNG CHI TIẾT ĐƠN GIÁ THÍ NGHIỆM.....		11

Phần 1 - Các căn cứ ký kết hợp đồng

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung nghị định số 37/2015/NĐ-CP;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ quyết định công nhận số 146/GCN-BXD ngày 15/07/2021 và giấy chứng nhận số 69/GCN-BXD ngày 16/03/2022 về việc công nhận khả năng thực hiện các phép thử của Phòng Thí Nghiệm Kiểm Định Xây Dựng Las XD - 498 trực thuộc Liên Hiệp Khoa Học Địa Chất Kiểm Định Nền Móng Xây Dựng Sài Gòn;
- Căn cứ và nhu cầu và khả năng của Các Bên.

Phần 2 - Các điều khoản và điều kiện của hợp đồng

Hôm nay, ngày .02. tháng .10. năm 2023 tại Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Đại diện Bên A: TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP (CCI)

- Người đại diện : Ông **Phạm Cảnh Đông** - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
(Giấy uỷ quyền số 1570/TCT-PC ký ngày 26/09/2023)
 - Địa chỉ : Toà nhà Sailing Tower, 111 A Pasteur, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM
 - Điện thoại : (028).38.222.059
 - Mã số thuế : 0301429113
- (Sau đây gọi tắt là “**Bên A**”)

2. Đại diện Bên B: LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

- Người đại diện : Ông **TRẦN THẾ THANH** - Chức vụ: Tổng giám đốc
- Địa chỉ : 06 đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. HCM
- VPGD : 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
- Điện thoại : 028. 3957 2591

- Số tài khoản : 1401 173 145
 - Tại : Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển VN - CN Sài Gòn
 - Mã số thuế : 0304 743 744
- (Sau đây gọi tắt là “**Bên B**”)

Bên A và Bên B, sau đây được gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên” và gọi riêng là “Bên” hoặc “Mỗi Bên”, tùy theo ngữ cảnh.

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng thi công xây dựng với các điều khoản sau:

Điều 1. Các định nghĩa

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. “Dự án” là Đầu Tư Xây Dựng Cảng Hàng Không Quốc Tế Long Thành – Giai Đoạn 1;
- 1.2. “Hạng mục” là Thí nghiệm xây dựng;
- 1.3. “Gói thầu” là thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình nhà ga hành khách;
- 1.4. “Hợp đồng” là sự thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;
- 1.5. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền mà Bên A đã thỏa thuận với Bên B theo hợp đồng;
- 1.6. “Chủ đầu tư” là Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP (ACV);
- 1.7. “Đại diện Chủ đầu tư” là Ban Quản lý dự án được Chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng số 23099/LT/ACV-VIETUR và điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư;
- 1.8. “Đại diện Bên A”: là người được Bên A nêu ra trong Hợp Đồng hoặc được Bên A ủy quyền/chỉ định thay mặt cho Bên A thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên A theo Hợp Đồng này;
- 1.9. “Đại diện Bên B”: là người được Bên B nêu ra trong Hợp Đồng hoặc được Bên B ủy quyền/chỉ định thay mặt cho Bên B thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên B theo Hợp Đồng này.
- 1.10. “Nhà thầu chính” là Liên danh nhà thầu Vietur;
- 1.11. “Nhà tư vấn” là tổ chức, cá nhân do Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện hợp đồng;
- 1.12. “Ngày khởi công” là ngày mà sẽ do Bên A xác định và thông báo bằng văn bản cho Bên B bắt đầu thi công công trình;
- 1.13. “Thời gian hoàn thành” là khoảng thời gian cần thiết để hoàn thành công trình được tính từ ngày khởi công đến ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao;
- 1.14. “Ngày” là ngày dương lịch, được tính liên tục;
- 1.15. “Ngày làm việc” là ngày dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ tết theo quy định của pháp luật;

Điều 2. Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

- 2.1. Hợp đồng tư vấn và các phụ lục hợp đồng kèm theo;
- 2.2. Bảng tổng hợp khối lượng và đơn giá kèm theo hợp đồng;
- 2.3. Tiêu chuẩn kỹ thuật/Quy trình thi công, Chỉ dẫn kỹ thuật được Chủ đầu tư phê duyệt;
- 2.4. Bản vẽ thiết kế, Bản vẽ thi công được Chủ đầu tư phê duyệt;
- 2.5. Đề cương thí nghiệm được Chủ đầu tư phê duyệt
- 2.6. Biên bản thương thảo hợp đồng và thông báo trúng thầu;
- 2.7. Các quy định về an toàn, sức khỏe, vệ sinh môi trường của Chủ đầu tư và Bên A;

2.8. Các tài liệu khác (nếu có).

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

- 3.1. Hợp đồng chịu sự điều tiết của hệ thống pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, các văn bản hướng dẫn có liên quan.
- 3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 4. Nội dung công việc

- Bên A giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công tác thí nghiệm xây dựng theo Phụ lục 01 tại phòng thí nghiệm và hiện trường cho *Hạng mục "Thí nghiệm xây dựng" thuộc gói thầu "Gói thầu 5.10 – thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình nhà ga hành khách" - Dự án: Đầu tư xây dựng cảng hàng không quốc tế Long Thành - Giai đoạn 1.*
- Phương pháp thí nghiệm phải đáp ứng yêu cầu của công trình theo các tiêu chuẩn Việt Nam, TCXDVN và các tiêu chuẩn hiện hành mới nhất.

Điều 5. Thư/Chứng thư Bảo đảm

- 5.1. Chứng thư Bảo Đảm Tạm Ứng: [Không áp dụng].
- 5.2. Chứng thư Bảo Đảm Thực Hiện Hợp Đồng: [Không áp dụng].
- 5.3. Chứng thư Bảo Đảm Bảo Hành: [Không áp dụng].

Điều 6. Chất lượng sản phẩm và yêu cầu kỹ thuật

- Chất lượng công việc do Bên B thực hiện phải đáp ứng được yêu cầu về kỹ thuật và thời gian quy định của Bên A, phải tuân thủ theo các quy trình và tiêu chuẩn hiện hành;
- Các thí nghiệm vật liệu sẽ được tính theo khối lượng mẫu, tổ mẫu, lần, cái ... thực tế được Bên B thực hiện. Riêng các công tác thí nghiệm hiện trường cơ sở, căn cứ để Bên A xác nhận khối lượng thanh toán cho Bên B là báo cáo kết quả thí nghiệm được Tư vấn, Chủ đầu tư chấp thuận.
- Bên B cấp cho Bên A kết quả thí nghiệm với số lượng: 01 bộ thí nghiệm bản chính và 13 bộ photo có đóng dấu đỏ đầy đủ. ✓
- Bàn giao kết quả thí nghiệm trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành công tác thí nghiệm cho Bên A. ✓

Điều 7. Thời gian và tiến độ thực hiện

- 7.1. Ngày khởi công, thời gian thực hiện Hợp đồng:
 - Ngày khởi công: Kể từ ngày có lệnh khởi công của Bên A hoặc từ ngày Bên A yêu cầu Bên B triển khai công tác thí nghiệm.
 - Tiến độ: Kể từ ngày triển khai công tác thí nghiệm đến khi Bên A hoàn thành gói thầu với Chủ đầu tư.

Điều 8. Giá trị Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

- 8.1. Hình thức Hợp đồng: Theo đơn giá cố định;
- 8.2. Đơn giá Hợp đồng:
 - Đơn giá Hợp đồng: Đơn giá thống nhất giữa Hai bên theo Phụ lục 01;
 - Khối lượng: Theo khối lượng thực tế;

- Giá trị Hợp đồng = Khối lượng x Đơn giá + VAT;
VAT áp dụng theo quy định hiện hành của nhà nước được ban hành tại từng thời điểm.
- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh công việc thí nghiệm mà đơn giá chưa được thể hiện trong Phụ lục 1, Hai bên tiến hành thương thảo và thống nhất đơn giá bổ sung cho công việc phát sinh và ký Phụ lục Hợp đồng;

8.3. Tạm ứng: [Không áp dụng].

8.4. Thanh toán: /

8.3.1. Phương thức thanh toán

- Ngày 30 hàng tháng, Hai bên sẽ thống nhất và làm đối chiếu khối lượng hoàn thành trong tháng.
- Bên A sẽ thanh toán cho bên B theo khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu trong giai đoạn thanh toán;
- Bên B sẽ được thanh toán 100% giá trị khối lượng thực hiện từng đợt sau khi đã trừ các khoản tiền khấu trừ và giữ lại. Các khoản tiền khấu trừ và giữ lại bao gồm:
 - + Các khoản phạt theo quy định Hợp đồng: Phạt chậm tiến độ, vi phạm về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và các khoản phạt khác;
 - + Các khoản khấu trừ khác có liên quan. /

8.3.2. Thời hạn thanh toán

- Trong vòng 14 ngày làm việc sau khi Bên A nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B; /

8.3.3. Đồng tiền và hình thức thanh toán

- Đồng tiền thanh toán: đồng tiền Việt Nam (VNĐ);
- Hình thức thanh toán: chuyển khoản hoặc thoả thuận (nếu có); /

8.3.4. Hồ sơ thanh toán

- Hồ sơ thanh toán mỗi đợt thanh toán, 05 bộ hồ sơ bao gồm:
 - + Bảng giá trị thanh toán (theo mẫu của Bên A);
 - + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;
 - + Biên bản xác nhận hồ sơ chất lượng công việc hoàn thành;
 - + Kết quả thí nghiệm;
 - + Giấy đề nghị thanh toán của Bên B;
 - + Hóa đơn tài chính hợp lệ.
 - + Biên bản xác nhận hồ sơ kết quả thí nghiệm có chữ ký xác nhận đại diện được chỉ định của Các Bên. /

8.5. Thanh lý hợp đồng: Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

- Sau 15 ngày kể từ ngày Bên A ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành với Chủ đầu tư, hợp đồng này tự động thanh lý;
- Hợp đồng bị chấm dứt (huỷ bỏ) theo quy định của Điều 13 [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A] hoặc Điều 14 [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B]. /

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên A

9.1. Quyền của Bên A:

- Được quyền sở hữu và sử dụng kết quả thí nghiệm theo hợp đồng;
- Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn không đạt chất lượng theo Hợp đồng;
- Kiểm tra chất lượng công việc của Bên B nhưng không được làm cản trở hoạt động bình thường của Bên B;
- Cung cấp các mẫu thử và hồ sơ tài liệu có liên quan đến công tác thí nghiệm mẫu vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình cho Bên B;
- Yêu cầu thay đổi bất kỳ nhân viên trên công trường của Bên B nếu không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, an toàn trật tự và lao động;
- Đơn phương chấm dứt công việc của Bên B hoặc tăng cường thêm đơn vị khác trong trường hợp Bên B không đảm bảo tiến độ công việc;
- Khấu trừ trực tiếp tiền phạt vào giá trị thanh toán của Bên B khi Bên B vi phạm điều khoản hợp đồng và/hoặc các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường sau khi Bên A có văn bản thông báo;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

9.2. Nghĩa vụ của Bên A:

- Tạo điều kiện về mặt bằng, thời gian, địa điểm cho Bên B tiến hành công tác thí nghiệm;
- Thông báo tiến độ thực hiện công tác thí nghiệm, nghiệm thu cho Bên B trước 24 giờ;
- Xác nhận khối lượng và chất lượng từng công việc thực hiện cho Bên B để làm cơ sở nghiệm thu, thanh toán;
- Thanh toán cho Bên B theo đúng quy định của Hợp đồng;
- Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có) theo thoả thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;
- Cử đại diện của mình thực hiện những công việc: Giám sát, kiểm tra quá trình thi công của Bên B trong suốt quá trình thực hiện dự án;
- Cung cấp bảo hộ lao động (áo phản quang, nón bảo hộ, ... có in logo CCI) cho Bên B để đồng nhất trang phục bảo hộ trên công trường và khấu trừ sau thuế với đơn giá được hai bên thống nhất và Bên A sẽ xuất hóa đơn cho Bên B. Bên B phải sử dụng các trang phục này khi vào công trường;
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên B

10.1. Quyền của Bên B:

- Được quyền đề xuất với Bên A về khối lượng phát sinh ngoài Hợp đồng;
- Từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi Hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A;

10.2. Nghĩa vụ chung của Bên B:

- Lập đề cương thí nghiệm và trình cho Bên A, Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư phê duyệt;
- Thực hiện đúng, đầy đủ các quy trình, quy định, các tiêu chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp lý hiện hành của Nhà nước về thi công và nghiệm thu;

- Bàn giao kết quả thí nghiệm phù hợp với mỗi đợt nghiệm thu giá trị hoàn thành của Bên A với Chủ đầu tư;
- Tổ chức thực hiện việc lấy mẫu và thí nghiệm tại hiện trường, trong phòng kịp thời, chính xác theo nội dung đã cam kết trong hợp đồng;
- Tiến hành thí nghiệm theo kế hoạch của Bên A và sau khi đề cương đã được các cơ quan có thẩm quyền có liên quan phê duyệt;
- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật, Bên A và Chủ đầu tư về sự chính xác của kết quả thí nghiệm;
- Chịu trách nhiệm và làm rõ (nếu có yêu cầu) về kết quả thí nghiệm trước các cơ quan có thẩm quyền;
- Tự chịu trách nhiệm và các chi phí về an toàn cho con người và trang thiết bị của mình tại công trường, các thiết bị máy móc phải có chứng nhận kiểm định chất lượng, cán bộ kỹ thuật phải có chứng chỉ hành nghề;
- Báo cáo kịp thời các vướng mắc, các phát sinh và sự cố nếu có; bên B không được tự ý xử lý sai sót, vướng mắc khi chưa có sự thống nhất về biện pháp với Bên A;

10.3. Yêu cầu về Máy móc thiết bị và vận chuyển vật tư thiết bị:

Trừ khi có quy định khác:

- Bên B phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Bên B phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Bên B không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Bên A;
- Bên B phải thông báo cho Bên A không muộn hơn 07 ngày, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới hoặc ra khỏi công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);
- Bên B phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Bên A đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Bên B.

10.4. Hoạt động của Bên B trên công trường

- Bên B phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Bên B có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Bên B phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Bên B và nhân lực của Bên B chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Bên B phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Bên B phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa;

10.5. Các vấn đề khác có liên quan:

- Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Chủ đầu tư. Bên B phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này;
- Khi phát hiện ra những đồ vật này Bên B phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết. Nếu Bên B gặp phải sự chậm trễ và phải chịu chi phí để thực hiện hướng



dẫn thì Bên B phải thông báo cho Chủ đầu tư.

Điều 11. An toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ

11.1. An toàn lao động:

- Bên B có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình;
- Bên B có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động hoạt động trên công trường theo Quy định của Bên A và Chủ đầu tư;
- Nếu Bên B không chấp hành công tác an toàn lao động theo quy định thì Bên A sẽ xử phạt theo quy định của Bên A ban hành.

11.2. Bảo vệ môi trường:

- Nhân sự của bên Bên B có trách nhiệm tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường khi hoạt động trên công trường. Nếu nhân sự Bên B có hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình hoạt động trên công trường, thì Bên A sẽ xử phạt theo quy định của Bên A ban hành.

11.3. Phòng chống cháy nổ:

- Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ.

Điều 12. Bảo mật thông tin

- Các Bên có trách nhiệm phải giữ kín tất cả những thông tin liên quan tới Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng, thông tin khách hàng mà mình nhận được từ phía Bên kia trong suốt thời hạn của Hợp đồng;
- Mỗi Bên không được tiết lộ cho bất cứ Bên thứ ba nào bất kỳ thông tin nói trên trừ trường hợp được chấp thuận bằng văn bản của Bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
- Mỗi Bên phải tiến hành mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng không một nhân viên nào hay bất cứ ai thuộc sự quản lý của mình vi phạm điều khoản này.

Điều 13. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A

13.1. Tạm ngừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Bên A:

- Bên A quyết định tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng khi Bên B không thực hiện đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động và tiến độ theo Hợp đồng đã ký kết;
- Trước khi tạm ngừng, Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B không ít hơn 05 ngày và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm ngừng.

13.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A:

- Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B:
 - + Không thực hiện theo một thông báo theo khoản 13.1 của Hợp đồng này [Tạm ngừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Bên A];
 - + Bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

- + Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A;
- + Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;
- Nếu có ở một trong những trường hợp này, Bên A có thể, bằng cách thông báo cho Bên B trước 10 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất nhân sự của Bên B ra khỏi công trường.
- Sự lựa chọn của Bên A trong việc quyết định chấm dứt Hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên B theo Hợp đồng.

Điều 14. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B

14.1. Tạm ngừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Bên B:

- Nếu Bên A không tuân thủ Khoản 8.4 Điều 8 [Thanh toán] vượt quá 30 ngày. Bên B có thể, sau khi thông báo cho Bên A không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày quá hạn, sẽ tạm ngừng công việc cho đến khi Bên B được thanh toán theo các điều khoản của Hợp đồng;
- Nếu Bên B tiếp đó nhận được thanh toán trước khi thông báo chấm dứt Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

14.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A:

- Bên B sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên A:
 - + Bên B không nhận được số tiền thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên A nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ từ Bên B, trừ khi có lý do chính đáng;
 - + Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;
- Nếu có ở một trong những trường hợp này, Bên B có thể, bằng cách thông báo cho Bên B trước 10 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất nhân sự của Bên B ra khỏi công trường.

Điều 15. Bảo hiểm và Bảo hành

15.1. Bảo hiểm:

- Bên B có trách nhiệm mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực, phương tiện cơ giới của Bên B, bảo hiểm đối với bên thứ 3 và phải xuất trình các bằng chứng là đã mua bảo hiểm để Bên A và cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kiểm tra. Chi phí mua bảo hiểm sẽ do Bên B tự chi trả;
- Bên B có trách nhiệm liệt kê tên của Bên A với tư cách là người đồng được bảo hiểm trong các đơn bảo hiểm được Bên B chịu trách nhiệm;
- Bảo hiểm phải được duy trì đầy đủ hiệu lực và hiệu quả trong suốt toàn bộ thời gian thi công công trình;

15.2. Bảo hành: [Không áp dụng]

Điều 16. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

16.1. Khiếu nại

- Khiếu nại được thực hiện theo các quy định tại Điều 44 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

16.2. Xử lý các tranh chấp:

- Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.
- Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án có thẩm quyền) theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài (hoặc Tòa án có thẩm quyền) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

16.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 17. Điều khoản chung

17.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký;

17.2. Hai Bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này;

17.3. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này sẽ được các Bên thoả thuận, quy định cụ thể và lập Phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

17.4. Hợp đồng này được lập thành 06 bản. Bên A giữ 04 bản. Bên B giữ 02 bản.


ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thế Chanh


ĐẠI DIỆN BÊN A
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Cảnh Đông



HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM

Số: *1566*.../HĐKT/VCG-KHCN

Ngày: 19/9/2023

Giữa

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

và

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

Hạng mục : Thí nghiệm vật liệu xây dựng

Gói thầu số 5.10 : Thi công xây dựng và lắp đặt công trình Nhà ga hành khách

Dự án thành phần 3 : Các công trình thiết yếu trong cảng hàng không thuộc Dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành - Giai đoạn 1

Tháng 9 năm 2023

I. CĂN CỨ ĐỂ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

- Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam.
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/05/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng..
- Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

II. CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

1. Bên A: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

- Đại diện : Ông **Dương Văn Mậu** Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
(Theo Giấy ủy quyền số 1526/2023/UQ-BQLDATL ngày 15/9/2023)
- Địa chỉ : Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội
- Tài khoản : 1200 688899 tại Ngân hàng BIDV - CN Sở giao dịch 1
- Mã số thuế : 0100105616
- Số điện thoại : 024 6284 9234 Số Fax: 024 6284 9208

2. Bên B: LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

- Đại diện : Ông **Trần Thế Thanh** Chức vụ: Tổng giám đốc
- Địa chỉ : 06 đường 27 - Phường Bình Trị Đông B - Quận Bình Tân - Thành phố Hồ Chí Minh
- Tài khoản : 14010001173145 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn
- Mã số thuế : 0304743744
- Số điện thoại : 028.39572591 Số Fax: 028.39572592

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ SẢN PHẨM CỦA HỢP ĐỒNG

1.1. Nội dung công việc:

- Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công tác thí nghiệm một phần vật liệu xây dựng công trình tại Gói thầu số 5.10 “Thi công công xây dựng và lắp đặt công trình Nhà ga hành khách” Dự án thành phần 3 - Các công trình thiết yếu trong Cảng hàng không thuộc Dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành - Giai đoạn 1.
- Phát hành kết quả thí nghiệm đáp ứng yêu cầu của công trình theo các tiêu chuẩn Việt Nam, TCXDVN và các tiêu chuẩn hiện hành khác.

1 

1.2. Sản phẩm của Hợp đồng:

- Bên B cấp cho Bên A 04 bộ kết quả thí nghiệm (hoặc số lượng theo yêu cầu của CĐT, TVGS).

ĐIỀU 2 : KHỐI LƯỢNG, ĐƠN GIÁ VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá (Đính kèm theo Bảng 01: Đơn giá thí nghiệm đã bao gồm các chi phí khác, chưa bao gồm thuế VAT). Đơn giá cố định và không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.
- Khối lượng: Theo khối lượng thực hiện thực tế theo yêu cầu của bên A theo TCVN quy định về số lượng mẫu thử cho từng loại vật liệu, từng loại cấu kiện.
- Giá trị hợp đồng: được xác định theo khối lượng thực tế giữa hai bên trong quá trình thực hiện: (Khối lượng) x (đơn giá thí nghiệm).
- Bảng khối lượng bên B gửi cho bên A và được bên A xác nhận sẽ làm căn cứ thanh toán.

ĐIỀU 3 : ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN

- Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành hàng tháng được Bên A đồng ý nghiệm thu, trên cơ sở đó Bên B gửi bộ hồ sơ thanh toán từng đợt cho Bên A.
- Hồ sơ thanh toán gồm:
 - + Đề nghị thanh toán
 - + Bảng xác nhận tổng hợp khối lượng và giá trị thực hiện có xác nhận giữa hai Bên
 - + Biên bản bàn giao kết quả Thí nghiệm tương ứng khối lượng thanh toán.
 - + Hoá đơn GTGT.

3.1. Phương thức thanh toán:

- Căn cứ vào hồ sơ thanh toán của Bên B, Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị khối lượng thực hiện của từng đợt cho Bên B trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên B.

3.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

3.3. Tiền đồng thanh toán: Tiền đồng Việt Nam

ĐIỀU 4 : QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

4.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Cung cấp mẫu thí nghiệm (theo đúng TCXDVN) cho Bên B;
- Thông báo và cùng với chủ đầu tư, Tư vấn giám sát tham gia chứng kiến quá trình thí nghiệm đối với các chỉ tiêu theo yêu cầu của Dự án;
- Bên A nhận kết quả tại phòng thí nghiệm bên B; và ký giấy giao nhận giữa hai bên
- Bên A có trách nhiệm hỗ trợ để bên B thực hiện tốt các công tác thí nghiệm
- Cử cán bộ kỹ thuật tham gia cùng bên B trong suốt quá trình triển khai hợp đồng
- Được quyền từ chối nhận kết quả thí nghiệm trong trường hợp kết quả không đúng với thực tế

- Được quyền yêu cầu Bên B hoàn thành kết quả thí nghiệm theo đúng thời gian, địa điểm các bên đã thỏa thuận
- Thanh toán cho Bên B theo đúng như Điều 3 của hợp đồng;

4.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Chịu trách nhiệm thực hiện công việc thí nghiệm đúng quy trình, quy phạm của Việt Nam và các tiêu chuẩn khác có liên quan và theo phạm vi đề cương thí nghiệm đã được Tư vấn giám sát phê duyệt.
- Bố trí đầy đủ nhân lực, văn phòng thí nghiệm để phục vụ Dự án, tự cung cấp công cụ, trang thiết bị theo tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật hiện hành để tổ chức và làm công tác thí nghiệm tại công trình.
- Cử cán bộ đủ năng lực, bám sát công tác thí nghiệm trong suốt quá trình thi công. Thực hiện đúng các quy trình, quy phạm, các tiêu chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp lý hiện hành của Nhà nước. Cung cấp đầy đủ các chứng chỉ, kết quả thí nghiệm theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành và yêu cầu của Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư, đáp ứng kịp thời tiến độ thi công theo yêu cầu của Bên A và của Dự án.
- Đối với các thí nghiệm thực hiện trong phòng thí nghiệm thì bên A đưa mẫu tới phòng thí nghiệm để phục vụ công việc thí nghiệm;
- Bàn giao 04 bộ kết quả thí nghiệm (hoặc số lượng theo yêu cầu của CĐT, TVGS) đúng thời gian, chất lượng theo tiêu chuẩn Quy định trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành công tác thí nghiệm cho Bên A (tùy thuộc vào chỉ tiêu yêu cầu thí nghiệm và qui trình thí nghiệm)
- Báo cáo kịp thời các vướng mắc, các phát sinh và sự cố nếu có;
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước Bên A và trước pháp luật về mức độ chính xác của số liệu đã cung cấp cho Bên A
- Cung cấp kết quả thí nghiệm chính xác, khách quan, đúng yêu cầu, đúng thời hạn cho Bên A
- Mua bảo hiểm cho người lao động, máy móc thiết bị, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba trong quá trình thực hiện công việc của mình và các loại bảo hiểm khác thuộc trách nhiệm của Bên B theo quy định của Nhà nước. Bất kỳ thiệt hại nào thuộc phạm vi mua bảo hiểm của Bên B mà không được doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường.
- Bàn giao đầy đủ tài liệu, hồ sơ cho Bên A như Điều 1 của Hợp đồng.
- Bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính bảo mật mọi thông tin liên quan đến dự án triển khai của Bên A mà Bên A đã giao cho bên B.
- Cung cấp hoá đơn GTGT cho Bên A tại mỗi đợt thanh toán.

ĐIỀU 5 : TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, hai bên sẽ nỗ lực giải quyết bằng cách thương lượng và hòa giải trên tinh thần thiện chí hợp tác.
- Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải, Toà án giải quyết. Mọi phán xét của Toà án là điều bắt buộc thi hành đối với cả 2 bên.

ĐIỀU 6: BẤT KHẢ KHÁNG

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hoả hoạn; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, ... và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
 - + Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và tiến hành thực hiện các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
 - + Thông báo cho bên kia về sự bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.
- Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng mang tính tạm thời dẫn đến việc không thể thực hiện hợp đồng thì thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài thêm một khoảng thời gian bằng với thời gian diễn ra bất khả kháng.
- Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra dẫn đến tình trạng không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng hoàn toàn, thì hai bên tiến hành chấm dứt hợp đồng theo Điều 7.

ĐIỀU 7: TẠM DỪNG, HỦY BỎ HỢP ĐỒNG

- Tạm dừng thực hiện hợp đồng
 - + Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:
 - o Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra.
 - o Các trường hợp bất khả kháng.
 - o Các trường hợp khác do hai bên thoả thuận.
 - + Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.
- Hủy bỏ hợp đồng.
 - + Bên A hoặc Bên B có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.
 - + Bên hủy bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc hủy bỏ, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên hủy bỏ hợp đồng phải bồi thường.
 - + Khi hợp đồng bị hủy bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị hủy bỏ và các bên hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền và thực hiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

ĐIỀU 8: CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ HỒ SƠ BÀN GIAO

- Bên B có trách nhiệm thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Hợp đồng theo yêu cầu của Bên A theo đúng quy trình hiện hành của ngành và của Nhà nước:
 - + Bảo đảm tính trung thực, khách quan, phản ánh đúng thực tế.

- + Khối lượng, nội dung, yêu cầu kỹ thuật phù hợp với các quy trình quy phạm và tiêu chuẩn xây dựng.
- + Kết quả được nghiệm thu theo quy định của pháp luật.
- Bên B phát hành kết quả thí nghiệm đáp ứng yêu cầu của bên A theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam cho những thí nghiệm được nêu ở Điều 1.
- Bên B giao kết quả thí nghiệm cho bên A 04 bộ kết quả thí nghiệm (hoặc theo yêu cầu của CĐT, TVGS) cho từng hạng mục thí nghiệm có đóng dấu của phòng thí nghiệm hợp chuẩn và lưu kết quả theo quy định.
- Lập báo cáo công tác trên đảm bảo đúng tiến độ và thời gian yêu cầu của Bên A.
- Bên A chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ theo quy định.

ĐIỀU 9 : PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- Khi bên B vi phạm về việc chậm bàn giao kết quả thí nghiệm mà do lỗi của bên B gây ra: phạt 0.5% giá trị của đợt thanh toán tương ứng với thời điểm chậm bàn giao/1 ngày chậm bàn giao. Tuy nhiên, tổng giá trị phạt không vượt quá 12% giá trị hợp đồng.
- Khi bên B vi phạm về việc chậm trễ công tác thí nghiệm tại hiện trường để phục vụ công tác chuyển bước thi công của Bên A mà do lỗi của bên B gây ra: phạt 5% giá trị của đợt thanh toán tương ứng với thời điểm chậm 01 lần.

ĐIỀU 10 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp đồng này cũng như tất cả các hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được hai bên quản lý theo qui định hiện hành của nhà nước về bảo mật. Nếu có dấu hiệu tiết lộ bí mật, sẽ bị xử lý theo qui định.
- Hai bên cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản của hợp đồng này. Không bên nào được quyền thay đổi bất cứ điều khoản nào của hợp đồng này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của bên kia. Nếu bên nào vi phạm điều này sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Việt Nam.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên cùng ký và tự động thanh lý khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ trách nhiệm của mình trong hợp đồng.
- Hợp đồng này được làm thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 03 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Văn Mậu

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thế Thành

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

SỐ: 08/LASXD498/GRS/2025

(V/v: Thí nghiệm VLXD tại phòng TN và hiện trường)

**CÔNG TRÌNH: KHU CHUNG CƯ CAO TẦNG CC1 VÀ KHU CHUNG CƯ CAO TẦNG CC5
THUỘC KHU DÂN CƯ NAM RẠCH CHIẾC (GEM RIVERSIDE)
TẠI: PHƯỜNG AN PHÚ, TP. THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ ký kết hợp đồng:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam;
- Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội;
- Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc Hội.
- Các văn bản của Chính Phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Hôm nay, ngày 24 tháng 02 năm 2025, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN THUÊ DỊCH VỤ (Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG HÒA BÌNH

Đại diện : Ông **NGUYỄN KHÁNH HOÀNG** Chức vụ: **Phó tổng giám đốc**
Địa chỉ : 235 Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
Địa chỉ liên hệ : 123 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 028.3932.5030 Fax: 028.3932.5221
Mã số thuế : 0302158498

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (Bên B): LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

Đại diện : Ông **TRẦN THẾ THANH** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
Địa chỉ : 06 đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM
Điện thoại : 028.3957.2591 Fax: 028.3957.2592
Mã số thuế : 0304743744
Tài khoản số : 1401173145 tại NH TMCP Đầu Tư Và Phát Triển VN - CN Sài Gòn

Bên A và Bên B sau đây được gọi là "Bên" khi được gọi riêng và được gọi là "các Bên" hoặc "hai Bên" khi được đề cập chung.

CÁC BÊN ĐỒNG THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ GỒM CÁC ĐIỀU KHOẢN SAU (sau đây gọi là “Hợp đồng”):**Điều 1: Nội dung công việc**

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý thực hiện công tác **Thí nghiệm vật liệu và cấu kiện xây dựng** cho công trình **Gem riverside** (gọi tắt là “Công trình”), bao gồm các công việc được liệt kê dưới đây (gọi tắt là “Công việc”):

- 1.1. Thực hiện thí nghiệm về các chỉ tiêu cơ lý đối với các mẫu vật liệu và cấu kiện xây dựng do Bên A cung cấp theo các tiêu chuẩn hiện hành. Nội dung hạng mục thí nghiệm và đơn giá cho mỗi hạng mục thí nghiệm được quy định tại Bảng giá đính kèm Hợp đồng;
- 1.2. Kiểm tra cấu kiện, thí nghiệm tại hiện trường;
- 1.3. Tham gia phối hợp giải quyết cùng với Bên A, Chủ đầu tư, Nhà tư vấn và các nhà thầu phụ khác của Bên A về các vấn đề liên quan đến kết quả của các mẫu vật liệu và cấu kiện xây dựng được thí nghiệm;
- 1.4. Thực hiện các công việc khác liên quan đến thí nghiệm được cho là cần thiết và hợp lý để hoàn thành Công việc theo Hợp đồng này theo yêu cầu của Bên A, Chủ đầu tư và Nhà tư vấn.

Điều 2: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật

- 2.1. Chất lượng Công việc do Bên B thực hiện phải đáp ứng yêu cầu của Bên A, Chủ đầu tư và Nhà tư vấn và tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước, các quy phạm, tiêu chuẩn xây dựng và các chuyên ngành liên quan.
- 2.2. Kết quả thí nghiệm do Bên B cung cấp phải được Bên A, Chủ đầu tư, Nhà tư vấn chấp thuận. Trong trường hợp cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý chuyên môn, Bên B phải đảm bảo kết quả mà Bên B cung cấp đủ điều kiện được chấp nhận.

Điều 3: Thời gian và kết quả thực hiện

- 3.1. Thời gian thực hiện: Bên B thực hiện thí nghiệm đối với mỗi hạng mục yêu cầu trong thời gian theo yêu cầu của Chỉ huy trưởng công trường (CHTCT) của Bên A. Bên A sẽ gửi văn bản thông báo cho Bên B về thời gian cụ thể trước khi thực hiện thí nghiệm ít nhất 01 ngày. Yêu cầu bên B phải tập hợp đầy đủ máy móc, dụng cụ, thiết bị thí nghiệm để phục vụ cho công tác thí nghiệm tại hiện trường ngay sau khi nhận được thông báo từ Ban chỉ huy Công trường (CHCT) Bên A.
- 3.2. Đối với mỗi hạng mục thí nghiệm, kết quả Công việc mà Bên A nhận được từ Bên B sẽ là báo cáo thí nghiệm bằng Tiếng Việt và/hoặc Tiếng Anh với số lượng theo yêu cầu của BCHCT của Bên A. Bên B sẽ nộp báo cáo thí nghiệm cho Bên A trong vòng 05 ngày sau khi hoàn tất thí nghiệm từng hạng mục.

Điều 4: Giá trị Hợp đồng

4.1. Giá trị Hợp đồng tạm tính (chưa bao gồm thuế GTGT) là **116.848.900 VNĐ** (Bằng chữ: một trăm mười sáu triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, chín trăm đồng).

Thuế GTGT sẽ áp dụng theo luật thuế hiện hành tại thời điểm xuất hóa đơn.

4.2. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định. Theo đó:

- a. Đơn giá hạng mục Công việc được liệt kê tại Bảng giá thí nghiệm đính kèm Hợp đồng là đơn giá cố định và không đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng, đã bao gồm nhưng không giới hạn các khoản thuế (trừ thuế GTGT), phí, lệ phí khác mà Bên B có nghĩa vụ thực hiện với Nhà nước, chi phí cho nhân lực tham gia thực hiện Công việc, chi phí cho máy móc, thiết bị thực hiện việc thí nghiệm, chi phí đi lại, giao nhận các mẫu vật liệu/cấu kiện, chi phí cho việc dịch thuật, in ấn hồ sơ tài liệu cung cấp cho Bên A ... và chi phí cho các phần công việc khác được coi là cần thiết và hợp lý để thực hiện các Công việc theo Hợp đồng này; và
- b. Khối lượng thi công được xác định theo khối lượng hạng mục Công việc thực tế mà Bên B thực hiện phù hợp với các yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà tư vấn và Bên A.

Điều 5: Thanh toán Hợp đồng**5.1 Thanh toán khối lượng**

Căn cứ theo các kỳ thanh toán của Hợp đồng chính mà Bên A ký với Chủ đầu tư, Bên B trình hồ sơ thanh toán cho Bên A. Hồ sơ thanh toán hàng kỳ của Bên B sẽ được Phòng Kiểm soát chi phí của Bên A kiểm tra và xác nhận giá trị thanh toán **trong vòng 10 (mười) ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán đầy đủ, hợp lệ từ Bên B và Chủ đầu tư phê duyệt thanh toán hàng kỳ cho Bên A mà các hạng mục/công việc được phê duyệt thanh toán đó có bao gồm công tác thí nghiệm đã thực hiện của Bên B.

Bên A sẽ thanh toán 90% giá trị khối lượng Công việc được nghiệm thu, xác nhận sau khi khấu trừ các khoản thu hồi tạm ứng, bồi thường thiệt hại, phạt và các chi phí khác (nếu có) cho Bên B **trong vòng 10 (mười) ngày làm việc** kể từ khi Phòng Kiểm soát chi phí của Bên A xác nhận giá trị thanh toán cho Bên B và Bên A đã nhận được thanh toán từ Chủ đầu tư và Phòng kế toán của Bên A nhận được hồ sơ thanh toán đầy đủ, hợp lệ.

Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- a. Giấy đề nghị thanh toán có chữ ký xác nhận của CHTCT Bên A;
- b. Các Biên bản nghiệm thu kết quả Công việc có chữ ký xác nhận của Bên A và Bên B;



- c. Bảng tổng hợp giá trị khối lượng công việc thực hiện đã được Bên A nghiệm thu có xác nhận của CHTCT Bên A;
- d. Biên bản bàn giao kết quả thí nghiệm được Bên A xác nhận;
- e. Hóa đơn VAT tương ứng giá trị khối lượng Công việc Bên B thực hiện được xác nhận để thanh toán.

5.2 Quyết toán

Hai Bên sẽ tiến hành thủ tục quyết toán Hợp đồng khi Bên B đã hoàn thành mọi Công việc theo yêu cầu và Bên A không còn nhu cầu về Công việc mà Bên B thi công.

Phòng Kiểm soát chi phí của Bên A sẽ kiểm tra và xác nhận giá trị quyết toán **trong vòng 10 (mười) ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ quyết toán đầy đủ, hợp lệ từ Bên B và giá trị quyết toán của Bên A đã được Chủ đầu tư xác nhận.

Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị quyết toán (bao gồm thuế GTGT) sau khi đã trừ đi (nếu có) các khoản: tạm ứng, thanh toán, phạt, bồi thường thiệt hại và các khoản chi phí khác (nếu có). Bên A sẽ thanh toán cho Bên B **trong vòng 20 (hai mươi) ngày làm việc** kể từ khi Phòng Kiểm soát chi phí của Bên A xác nhận giá trị quyết toán và Bên A nhận được khoản thanh toán tương ứng từ Chủ đầu tư và Phòng kế toán của Bên A nhận được hồ sơ quyết toán đầy đủ, hợp lệ.

Hồ sơ quyết toán bao gồm:

- a. Giấy đề nghị quyết toán có chữ ký xác nhận của CHTCT Bên A;
- b. Các Biên bản nghiệm thu kết quả Công việc có chữ ký xác nhận của Bên A và Bên B;
- c. Bảng tổng hợp giá trị toàn bộ khối lượng công việc thực hiện đã được Bên A nghiệm thu có xác nhận của CHTCT Bên A;
- d. Biên bản bàn giao kết quả thí nghiệm được Bên A xác nhận;
- e. Hóa đơn VAT.

5.3 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

5.4 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- 6.1. Bên B đảm bảo luôn đáp ứng đủ các điều kiện và năng lực theo quy định của pháp luật để thực hiện công việc và phải cung cấp bản sao Chứng chỉ năng lực kiểm định xây dựng cho Bên A khi được yêu cầu.



- 6.2. Bàn giao hồ sơ kết quả thí nghiệm đúng số lượng và thời gian trong khoảng thời hạn quy định theo Điều 3 Hợp đồng. Chịu phạt 0.5%/giá trị Hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ nếu không đảm bảo tiến độ thực hiện như quy định tại Điều 3 của Hợp đồng.
- 6.3. Chịu trách nhiệm pháp lý về kết quả Công việc theo Hợp đồng này kể cả trong trường hợp các kết quả này đã được sự chấp thuận, phê duyệt của Bên A, Chủ đầu tư và Nhà tư vấn và kể cả khi Hợp đồng này được hai Bên tiến hành quyết toán và thanh lý (nếu có).
- 6.4. Bên B phải cử các thành viên tham gia thí nghiệm có năng lực, kinh nghiệm, có chứng chỉ phù hợp đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật để thực hiện công việc và cùng phối hợp với Bên A và/hoặc thuyết minh, làm rõ với Chủ đầu tư và Nhà tư vấn khi có yêu cầu. Bố trí cán bộ kỹ thuật ở tại công trường thường xuyên và kịp thời để thực hiện Công việc theo yêu cầu của Bên A.
- 6.5. Bên B phải đặt máy nén mẫu bê tông, máy đo độ bền, kéo uốn thép, sắt và các máy móc, thiết bị khác (khi được yêu cầu) phục vụ cho việc thí nghiệm tại công trường trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.
- 6.6. Khi Bên B tiến hành lấy mẫu thí nghiệm phải có sự chứng kiến của các bên liên quan.
- 6.7. Nếu có đầy đủ cơ sở để cho rằng kết quả thí nghiệm của Bên B còn thiếu sót và/hoặc chưa chính xác và/hoặc có biểu hiện cố tình gian dối trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên A có quyền yêu cầu Bên B thí nghiệm lại và Bên B phải có trách nhiệm tiến hành việc thí nghiệm lại trong thời gian không quá 03 ngày mà không được tính chi phí phát sinh cho Bên A hoặc Bên A sẽ mời một đơn vị thứ ba cùng chức năng để kiểm tra lại, mọi chi phí phát sinh sẽ do Bên B chịu.
- 6.8. Trong mọi trường hợp, nếu kết quả báo cáo từ Bên B cung cấp cho Bên A bị sai sót dẫn đến việc Bên A sử dụng kết quả đó trong quá trình thực hiện Công trình gây ra thiệt hại thì toàn bộ các thiệt hại từ việc Bên A sử dụng kết quả báo cáo đó sẽ được Bên B bồi thường cho Bên A.
- 6.9. Bảo mật toàn bộ các tài liệu có liên quan mà Bên A đã chuyển giao cho Bên B trong việc thực hiện Hợp đồng này, các báo cáo thí nghiệm theo Hợp đồng này. Không được in, sao y, công bố, chuyển giao hoặc sử dụng vào bất kỳ mục đích nào khác nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A và chuyển giao toàn bộ cho Bên A khi kết thúc Hợp đồng.
- 6.10. Tuân thủ quy định về an toàn lao động và phòng chống hối lộ, tham nhũng của Bên A.

- 6.11. Không được có các hành vi tặng quà, tiền, hay bất kỳ khoản hoa hồng, chiết khấu nào đối với nhân viên của Bên A, Chủ đầu tư, Nhà tư vấn. Trong trường hợp vi phạm, Bên B sẽ chịu phạt 8% giá trị hợp đồng và bồi thường các khoản thiệt hại gây ra cho Bên A.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- 7.1. Cung cấp đầy đủ thông tin, số lượng, quy cách của các mẫu vật liệu, cấu kiện theo yêu cầu thí nghiệm của Bên A.
- 7.2. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn Hợp đồng cho Bên B theo qui định tại Điều 5 Hợp đồng.
- 7.3. Được quyền chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu Bên B bồi thường mọi thiệt hại khi Bên A nhận thấy Bên B vi phạm các điều kiện của Hợp đồng hoặc không thể thỏa mãn các yêu cầu của Bên A về tiến độ, chất lượng, an toàn lao động,... trong suốt quá trình cung cấp dịch vụ thí nghiệm gây ảnh hưởng đến uy tín của Bên A đối với Chủ đầu tư.

Điều 8: Điều khoản chung

- 8.1. Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản trong Hợp đồng này.
- 8.2. Bên A được quyền chấm dứt Hợp đồng mà không phải thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Bên B hoặc được quyền yêu cầu Bên B hoàn trả mọi khoản tiền đã nhận từ Bên A nếu Bên B chậm trễ việc thực hiện quá 05 (năm) ngày và/hoặc Bên A đã đề nghị Bên B thí nghiệm lại đến lần thứ 3 mà kết quả thí nghiệm vẫn chưa đạt yêu cầu theo các điều kiện quy định của Hợp đồng và/hoặc Bên A phát hiện Bên B cố tình gian dối hoặc không đủ năng lực để thực hiện công việc hoặc có sai sót một cách nghiêm trọng trong quá trình thực hiện công việc. Ngoài trừ trường hợp kể trên, nếu Bên nào được tự ý chấm dứt Hợp đồng phải bồi thường cho Bên còn lại mọi thiệt hại vật chất mà Bên kia phải gánh chịu do việc chấm dứt trái quy định này gây ra.
- 8.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu có bất kỳ phát sinh tranh chấp, khiếu nại, hai bên cùng nhau giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên tinh thần thiện chí lẫn nhau. Trường hợp tranh chấp vẫn không thể hòa giải được bao gồm các tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này hoặc nghi vấn về sự tồn tại, hiệu lực, giải thích hợp đồng hoặc chấm dứt của Hợp đồng. Một trong hai Bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền thụ lý và xét xử theo luật pháp Việt Nam.
- 8.4. Hợp đồng này, đính kèm Bảng giá thí nghiệm, có hiệu lực kể từ ngày ký kết và được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐỂ GHI NHẬN CÁC NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG NÀY, người đại diện của các Bên đã ký Hợp Đồng này vào ngày, tháng, năm được nêu tại phần đầu của Hợp Đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A

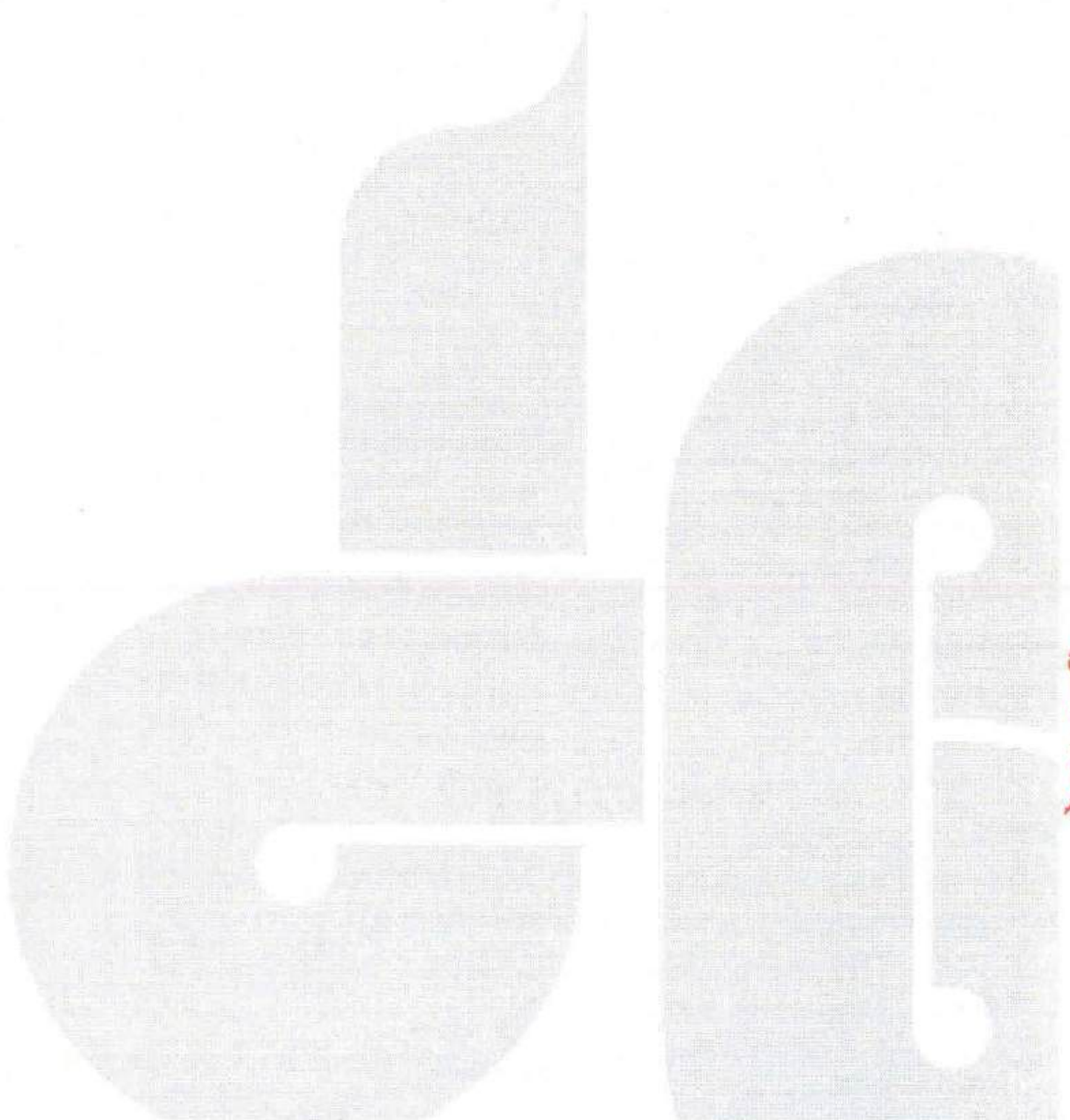


**Phó Tổng Giám Đốc
Nguyễn Khánh Hoàng**

ĐẠI DIỆN BÊN B



**TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Chế Chanh**



Handwritten signature and initials in blue ink.



TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT
KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

VIETNAM UNION OF GEOLOGICAL SCIENCES
SAIGON UNION OF SCIENCE ON GEOLOGY
CONSTRUCTION FOUNDATION VERIFICATION



PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
CONSTRUCTION VERIFICATION LABORATORY

LAS - XD 498

ISO/IEC 17025 : 2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

KT3-00650BCO5/1b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

17/04/2025
Page: 01/02

1. Phương tiện đo/Object: **MÁY THỬ KÉO NÉN**
UNIVERSAL TESTING MACHINE
2. Nơi sản xuất/Manufacturer: **HUNG THINH**
3. Kiểu/Type: **WDW-100** SN: 1804046 ID: N/A
4. Đặc trưng kỹ thuật/Specifications:
+ Khả năng chịu tải tối đa/Capacity: 100 kN
+ Chi thị/Indicator, Analog Digital
+ Thang đo/Range, kN (0 ÷ 100)
+ Độ phân giải/Resolution, kN 0,005
5. Khách hàng:
Customer **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH**
NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN
Số 6, Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân,
TP Hồ Chí Minh
6. Nơi hiệu chuẩn:
Place of Calibration **758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh,**
TP Hồ Chí Minh
7. Phương pháp hiệu chuẩn/Method of Calibration:

DLVN 109:2002 - Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn
Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration

8. Chuẩn sử dụng/Standard Used:

ID	Description	Cal. Date	Due date	Traceable to
CO2000	Loadcell	10/2024	04/2026	VMI - VIETNAM

9. Môi trường hiệu chuẩn/Calibration Environment: [23 ± 5] °C
10. Hiệu chỉnh phương tiện đo/Adjustment: Không/No
11. Ngày hiệu chuẩn/Date of Calibration: 10/04/2025
12. Tem hiệu chuẩn/Calibration Label: KT3-00650BCO5/1
13. Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng:
Recalibration Date as Request of Customer 10/04/2026

TRƯỞNG PHÒNG PDL CƠ
HEAD OF MECHANICAL MEAS. LAB.



Lý Đạt Minh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



KT3-00650BCO5/1b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N: DK 03

17/04/2025

Page: 02/02

14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of Calibration

14.1 Chế độ hiệu chuẩn/ Mode of Calibration:

Nén/ Compression

14.2 Kết quả/Results

Giá trị chỉ thị, kN <i>Indication Value</i>	Giá trị chuẩn, kN <i>Reference Value</i>	Sai số tương đối, % <i>Relative Error</i>	Độ KĐBD, % <i>Uncertainty</i>
0,0	0,00	N/A	N/A
20,0	19,98	+ 0,1	0,3
40,0	39,96	+ 0,1	0,3
60,0	59,91	+ 0,1	0,3
80,0	79,95	+ 0,1	0,3
100,0	99,98	0,0	0,3

15. Thông tin khác/Other Informations:

- Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo bảng trong **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.
All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.
Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
Calibration results are based on three time measurements, from which the average and errors are calculated.

- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.
- Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-00650BCO5/2b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

17/04/2025
 Page: 01/02

Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

- Phương tiện đo/Object: **MÁY THỬ KÉO NÉN**
UNIVERSAL TESTING MACHINE
- Nơi sản xuất/Manufacturer: **WUXI NEW LUDA - CHINA**
- Kiểu/Type : **WE-1000B** SN: 191212 ID: N/A
- Đặc trưng kỹ thuật/Specifications:
 - + Khả năng chịu tải tối đa/Capacity: 1 000 kN Số hiệu bộ hiển thị: XG19008888
 - + Chỉ thị/Indicator, Analog Digital
 - + Thang đo/Range, kN (0 ÷ 1 000)
 - + Độ phân giải/Resolution, kN 0,1
- Khách hàng: **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH**
NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN
Số 6, Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân,
TP Hồ Chí Minh
Customer
- Nơi hiệu chuẩn: **758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh,**
TP Hồ Chí Minh
Place of Calibration
- Phương pháp hiệu chuẩn/Method of Calibration:

DLVN 109:2002 - Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn
Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration
- Chuẩn sử dụng/Standard Used:

ID	Description	Cal. Date	Due date	Traceable to
CO1700	Loadcell	10/2024	04/2026	VMI - VIETNAM

- Môi trường hiệu chuẩn/Calibration Environment : [23 ± 5] °C
- Hiệu chỉnh phương tiện đo/Adjustment : Không/No
- Ngày hiệu chuẩn/Date of Calibration : 10/04/2025
- Tem hiệu chuẩn/Calibration Label : KT3-00650BCO5/2
- Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: 10/04/2026
Recalibration Date as Request of Customer

TRƯỞNG PHÒNG PDL CƠ
HEAD OF MECHANICAL MEAS. LAB.



Lý Đạt Minh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.

5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3-00650BCO5/2b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
 Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

17/04/2025
 Page: 02/02

14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of Calibration

14.1 Chế độ hiệu chuẩn/ Mode of Calibration:

Nén/ Compression

14.2 Kết quả/Results

Giá trị chỉ thị, kN <i>Indication Value</i>	Giá trị chuẩn, kN <i>Reference Value</i>	Sai số tương đối, % <i>Relative Error</i>	Độ KĐBĐ, % <i>Uncertainty</i>
0,0	0,0	N/A	N/A
200,0	201,5	- 0,8	0,3
400,0	402,8	- 0,7	0,3
600,0	604,0	- 0,7	0,3
800,0	803,9	- 0,5	0,3
1 000	1 003	- 0,3	0,3

15. Thông tin khác/Other Informations:

- Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo bảng trong **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.
All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.
Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
Calibration results are based on three time measurements, from which the average and errors are calculated.

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.

5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-00650BCO5/4b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

17/04/2025
Page: 01/02

- Phương tiện đo/Object: **MÁY THỬ NÉN**
COMPRESSION TESTING MACHINE
- Nơi sản xuất/Manufacturer: **MATEST - ITALY**
- Kiểu/Type : **E161PA104** SN: **A161PA104/BE/0001** ID: **N/A**
- Đặc trưng kỹ thuật/Specifications:
 - + Khả năng chịu tải tối đa/Capacity: **300 kN**
 - + Chỉ thị/Indicator, Analog Digital
 - + Thang đo/Range, **kN (0 ÷ 300)**
 - + Độ phân giải/Resolution, **kN 0,1**
- Khách hàng: **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH**
NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN
Số 6, Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân,
TP Hồ Chí Minh
Customer
- Nơi hiệu chuẩn: **758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh,**
TP Hồ Chí Minh
Place of Calibration
- Phương pháp hiệu chuẩn/Method of Calibration:
ĐLVN 109:2002 - Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn
Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration
- Chuẩn sử dụng/Standard Used:

ID	Description	Cal. Date	Due date	Traceable to
CO1708	Loadcell	10/2024	04/2026	VMI - VIETNAM
- Môi trường hiệu chuẩn/Calibration Environment : **[23 ± 5] °C**
- Hiệu chỉnh phương tiện đo/Adjustment : **Không/No**
- Ngày hiệu chuẩn/Date of Calibration : **10/04/2025**
- Tem hiệu chuẩn/Calibration Label : **KT3-00650BCO5/4**
- Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: **10/04/2026**
Recalibration Date as Request of Customer

TRƯỞNG PHÒNG PDL CƠ
HEAD OF MECHANICAL MEAS. LAB.

Lý Đạt Minh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



Nguyễn Văn Tùng

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.
5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-00650BC05/4b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK 03

17/04/2025
Page: 02/02

14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of Calibration

14.1 Chế độ hiệu chuẩn/ Mode of Calibration:

Nén/ Compression

14.2 Kết quả/Results

Giá trị chỉ thị, kN <i>Indication Value</i>	Giá trị chuẩn, kN <i>Reference Value</i>	Sai số tương đối, % <i>Relative Error</i>	Độ KĐBĐ, % <i>Uncertainty</i>
0,0	0,00	N/A	N/A
60,0	59,75	+ 0,4	0,4
120,0	119,3	+ 0,6	0,4
180,0	179,1	+ 0,5	0,4
240,0	238,3	+ 0,7	0,4
300,0	298,1	+ 0,6	0,4

15. Thông tin khác/Other Informations:

- Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo bảng trong **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.
All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.
Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
Calibration results are based on three time measurements, from which the average and errors are calculated.

- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.
- Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-00650BCO5/5b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
 Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: ĐK 03

17/04/2025
 Page: 01/02

- Phương tiện đo/Object: **MÁY THỬ NÉN**
COMPRESSION TESTING MACHINE
- Nơi sản xuất/Manufacturer: **ELE - ENGLAND**
- Kiểu/Type : **ADR-2000** SN: 1796-8-2250 ID: N/A
- Đặc trưng kỹ thuật/Specifications:
 - + Khả năng chịu tải tối đa/Capacity: 2 000 kN
 - + Chi thị/Indicator, Analog Digital
 - + Thang đo/Range, kN (0 ÷ 2 000)
 - + Độ phân giải/Resolution, kN 0,1
- Khách hàng: **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH**
NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN
Customer Số 6, Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh
- Nơi hiệu chuẩn: **758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh,**
Place of Calibration TP Hồ Chí Minh
- Phương pháp hiệu chuẩn/Method of Calibration: **ĐLVN 109:2002 - Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn**
Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration
- Chuẩn sử dụng/Standard Used:

ID	Description	Cal. Date	Due date	Traceable to
CO1707	Loadcell	04/2025	10/2026	VMI - VIETNAM
- Môi trường hiệu chuẩn/Calibration Environment : [23 ± 5] °C
- Hiệu chỉnh phương tiện đo/Adjustment : Không/No
- Ngày hiệu chuẩn/Date of Calibration : 10/04/2025
- Tem hiệu chuẩn/Calibration Label : KT3-00650BCO5/5
- Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: 10/04/2026
Recalibration Date as Request of Customer

TRƯỞNG PHÒNG PDL CƠ
HEAD OF MECHANICAL MEAS. LAB.



Lý Đạt Minh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



Nguyễn Tân Tùng

1. Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
 This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
 2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 3. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 4. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.
 5. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-00650BC05/5b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
 Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: DK-03

17/04/2025

Page: 02/02

14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of Calibration

14.1 Chế độ hiệu chuẩn/ Mode of Calibration:

Nén/ Compression

14.2 Kết quả/Results

Giá trị chỉ thị, kN <i>Indication Value</i>	Giá trị chuẩn, kN <i>Reference Value</i>	Sai số tương đối, % <i>Relative Error</i>	Độ KĐBĐ, % <i>Uncertainty</i>
0,0	0,0	N/A	N/A
400,0	399,4	+ 0,2	0,4
800,0	798,4	+ 0,2	0,4
1 200	1 196	+ 0,4	0,4
1 600	1 598	+ 0,1	0,4
2 000	2 000	0,0	0,4

15. Thông tin khác/Other Informations:

- Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo bảng trong **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.
All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.
Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
Calibration results are based on three time measurements, from which the average and errors are calculated.

- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.
- Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-00650BCO5/3b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License N°: ĐK 03

17/04/2025
Page: 01/02

- Phương tiện đo/Object: **MÁY THỬ NÉN**
COMPRESSION TESTING MACHINE
- Nơi sản xuất/Manufacturer: ZHEJIANG TUGONG
- Kiểu/Type : STYE-2000 SN: 151125 ID: N/A
- Đặc trưng kỹ thuật/Specifications:
 - + Khả năng chịu tải tối đa/Capacity: 2 000 kN Số hiệu bộ hiển thị: XG173405
 - + Chỉ thị/Indicator, Analog Digital
 - + Thang đo/Range, kN (0 ÷ 2 000)
 - + Độ phân giải/Resolution, kN 0,1
- Khách hàng: **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH**
NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN
Số 6, Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh
Customer
- Nơi hiệu chuẩn: **758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh,**
TP Hồ Chí Minh
Place of Calibration
- Phương pháp hiệu chuẩn/Method of Calibration:
DLVN 109:2002 - Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn
Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration
- Chuẩn sử dụng/Standard Used:

ID	Description	Cal. Date	Due date	Traceable to
CO1707	Loadcell	04/2025	10/2026	VMI - VIETNAM
- Môi trường hiệu chuẩn/Calibration Environment : [23 ± 5] °C
- Hiệu chỉnh phương tiện đo/Adjustment : Không/No
- Ngày hiệu chuẩn/Date of Calibration : 10/04/2025
- Tem hiệu chuẩn/Calibration Label : KT3-00650BCO5/3
- Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng: 10/04/2026
Recalibration Date as Request of Customer

TRƯỞNG PHÒNG PĐL CƠ
HEAD OF MECHANICAL MEAS. LAB.



Lý Đạt Minh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



Nguyễn Tân Tùng

- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.
- Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-00650BCO5/3b

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION
Số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ/ Service License No: DK-03

17/04/2025
Page: 02/02

14. Kết quả hiệu chuẩn/Results of Calibration

14.1 Chế độ hiệu chuẩn/ Mode of Calibration:

Nén/ Compression

14.2 Kết quả/Results

Giá trị chỉ thị, kN <i>Indication Value</i>	Giá trị chuẩn, kN <i>Reference Value</i>	Sai số tương đối, % <i>Relative Error</i>	Độ KĐBĐ, % <i>Uncertainty</i>
0,0	0,0	N/A	N/A
400,0	396,7	+ 0,8	0,3
800,0	795,4	+ 0,6	0,3
1 200	1 193	+ 0,6	0,3
1 600	1 592	+ 0,5	0,3
2 000	1 990	+ 0,5	0,3

15. Thông tin khác/Other Informations:

- Các giá trị có đơn vị đo không thuộc hệ SI, được chuyển đổi từ hệ SI theo bảng trong **NĐ 86/2012/NĐ-CP**.
All non-SI values were converted from SI units via conversion factors in above documents.
- Kết quả hiệu chuẩn chỉ có giá trị tương ứng với điều kiện theo phương pháp hiệu chuẩn nêu ở Mục 7.
Calibration results are valid with respect to the procedure conditions as description at Item 7. only.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
Calibration results are based on three time measurements, from which the average and errors are calculated.

- Giấy chứng nhận hiệu chuẩn này thể hiện việc liên kết chuẩn đến chuẩn quốc gia, với đơn vị đo tuân thủ theo hệ đơn vị đo quốc tế SI.
This calibration certificate documents the traceability to national standards, which realize the units of measurement according to the International System of Units.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận hiệu chuẩn này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This certificate shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about certificate of calibration.
- Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 036). Các nội dung có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 036). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



Quoc Huy Technique Co Ltd.
Since 1999

Verification and Calibration Laboratory

Quoc Huy Technique Co. Ltd

VILAS 885 - Registered Number: ĐK-180

Trang/Page
1/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Chứng nhận thử nghiệm số/ Certificate No.
QH.CLAB/CERT/MT-2559

Ngày thử nghiệm/ Date of Testing
02/05/2025

Tên đối tượng: Thiết bị gông từ
Object: Magnetic Yoke

Kiểu/ Type
MP-A2L

Số hiệu/ Serial No.
MP 2164

Nhà sản xuất/ Manufacturer
KYUNG DO - Korea

Cơ sở sử dụng/ Customer: LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KĐ NỀN MÓNG XÂY DỰNG SÀI GÒN

Địa chỉ/ Address: 758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh

Phương pháp thử nghiệm/ Method of Testing: QH.CLAB/QT/MT-08 (ASTM E 1444M-22a)

Nơi thử nghiệm/ Place of Testing: Phòng Kiểm định và Hiệu chuẩn Quốc Huy

Địa chỉ/ Address: 23 Nguyễn Thái Sơn, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh

Điều kiện môi trường/ Environmental condition: 23°C - 51%RH

Hiệu chỉnh/ Adjust: Không hiệu chỉnh phương tiện đo/ Not adjusted
Có hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjusted

Tình trạng khi nhận/ Condition when received: Trong phạm vi đặc tính kỹ thuật/ Within specification

Tình trạng khi thử nghiệm/ Condition at the time of testing: Trong phạm vi đặc tính kỹ thuật/ Within specification

Chuẩn và Thiết bị sử dụng/ Measurement Standard and Equipment Used	Số hiệu/ Serial No.	Ngày hiệu chuẩn/ Calibration Date	Hiệu lực đến/ Due Date
1/Weight Lift Test Block Magnaflux	471	05/11/2024	05/11/2025

Ngày đề nghị thử nghiệm tiếp theo/ Retesting date should be recommended: 01/05/2026

Kết quả thử nghiệm/ Result of Testing: Xem kết quả ở các trang sau/ See result in next pages

Người thử nghiệm
Calibrated by



VILAS 885
Trần Đình Thọ
Phòng KĐ - HC

Verification and Calibration Laboratory

Người duyệt
Reviewed/ Approved by

Reviewed/ Approved by



Bùi Đăng Giang
Trưởng phòng KĐ-HC
Head of Laboratory

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu kết quả này chỉ có giá trị với thiết bị đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây.
The test results in this report are applicable to the above tested instrument only.
- Không được trích sao 1 phần phiếu thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của phòng Kiểm Định và Hiệu Chuẩn Quốc Huy.
This test results shall not be reproduced without the written approval of Quoc Huy Verification and Calibration Laboratory.
- Tên khách hàng được ghi theo phiếu yêu cầu thử nghiệm.
Name of customer is written as test request form.

TESTING REPORT

No: MT-2559

Instrument: Magnetic Yoke
Model: MP-A2L
Serial number: MP 2164
Testing date: 02/05/2025
Testing Due Date: 01/05/2026
Testing Procedure: QH.CLAB/QT/MT-08 (ASTM E 1444M-22a)
Measurement Standard Used:

Equipment	Serial Nuber	Calib.Date	Due Date
1/Weight Lift Test Block Magnaflux	471	05/11/2024	05/11/2025

Environmental Condition:

Temperature: 23°C
Humidity: 51%

1. Physical State and External Aspects

Visually inspect the outside of the instrument for physical damage.

No.	Physical state and external aspects	Status	Note
1	Housing Equipment	Good	
2	Electric Cable	Good	
3	Legs	Good	
4	Serial Number/ Part Number/ Model	Good	

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

SỐ 1035
CÔNG TY
KỸ THUẬT
C HUY
ĐỒ CHỮ

2. Test result: Lifting capacity

2.1. AC Lifting Capacity

No.	Pole Leg Spacing (mm)	Weight (kg)	Yes	No
1	50	4,5	✓	
2	100	4,5	✓	
3	150	4,5	✓	

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

2.2. DC Lifting Capacity (N-A)

No.	Pole Leg Spacing (mm)	Weight (kg)	Yes	No
1	50	4,5		
2	100	13,5		
3	100	22,5		
4	150	22,5		

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Remark:

Conclusion:

The equipment is found to be met technical specifications as per QH.CLAB/QT/MT-08 at the time of Testing.

The inspector, Mr. Tran Dinh Tho certifies that the inspected equipment is:

COMPLIANT NON-COMPLIANT

Originated at: Quoc Huy's Verification and Calibration Laboratory - Date: 02/05/2025

CALIBRATED BY



VILAS 885

Trần Đình Thọ

Date: 02/05/2025

APPROVED BY



Bùi Đăng Giang

Date: 02/05/2025



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhkhuvc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION**

Số (No): KV3 - 19429

Tên phương tiện đo / Object: **KÍCH THỦY LỰC
HYDRAULIC JACK**

Kiểu : / Số hiệu : 498-16 Nơi sản xuất : Trung Quốc
Type Serial N° Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: -Khả năng tạo lực tối đa / Capacity: (0÷300) kN
Technical Specification -Đồng hồ áp suất : + Phạm vi đo / Range: (0 ÷ 600) kg/cm²
Pressure gauge + Giá trị vạch chia/Division: 10 kg/cm²

Khách hàng : **LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN**
Customer Số 6 Đường 27, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nơi hiệu chuẩn : **PHÒNG THÍ NGHIỆM**
Calibration Place Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Phương pháp thực hiện / Method of calibration : **KV3/QTHC- L01 : 2019**
Kích thủy lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng : -Lực kế chuẩn /Standards: KV3.L02-Chuẩn lực/Force Standars
Standards Used -Dẫn xuất chuẩn /Traceability : 59 VMI - Viện đo lường
-Hiệu lực /Due date : 30/09/2026

Điều kiện môi trường : -Nhiệt độ /Ambient temperature : (23 ± 5) °C
Environmental conditions

Kết quả hiệu chuẩn / Conclusion) : Xem kết quả tại trang 2 /See results in page 2

Tem hiệu chuẩn / Calibration Label : KV3 - 19429

Ngày hiệu chuẩn / Date of calibration: 10/04/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng : 10/04/2026
Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 11 tháng 04 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Laboratory

KS.Đặng Quốc Dũng



GIÁM ĐỐC
Director

Thị Hiền

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 19429

(Attached to certificate No)

Giá trị đọc trên phương tiện đo	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn	Độ không đảm bảo đo mở rộng
<i>Reading on tester , kg/cm²</i>	<i>Reading on tester , kN</i>	<i>Expanded uncertainty k = 2; P = 95%</i>
0	0,000	N/A
100	47,187	2,00
150	71,854	2,00
200	96,637	2,00
250	119,807	2,00
300	143,774	2,00
350	167,809	2,00
400	190,307	2,00
450	213,852	2,00
500	238,581	2,00

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation)

$$y = 0,4764x + 0,3629$$

Với (With) y : Giá trị lực tính toán (Force Calculated value), kN

x : Giá trị áp suất đọc trên phương tiện đo (Pressure Reading value), kg/cm²

Ghi chú/Notes :

- 1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
- 2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.
The quantity values are calibrated as request of customer.
- Các kết quả hiệu chuẩn được thực hiện với ba lượt đo để tính giá trị trung bình và sai số.
All calibration results are based on a series of three measurements, from which the average and errors are calculated.
- Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.
Recommended recalibration date as request of customer.
- Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.
Name of customer is written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN KHU VỰC 3 (ĐK 434)

ZONE 3 VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (ZONE 3)

Add : Số 14 Đường số 11, Khu Phố 3, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

E-mail : kiemdinhhuvuc3@gmail.com, Hotline: 0904.690.567, Website : www.zone3.vn

ISO/IEC 17025:2017

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Số (No): KV3 - 20989

Tên phương tiện đo /Object:

ÁP KẾ MÁY THỬ THẨM

PRESSURE GAUGE OF PERMEABILITY APPARATUS

Kiểu : Lò xo ống
Type Bourdon

Số hiệu : 161105
Serial No

Nơi sản xuất : Trung Quốc
Manufacturer China

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:
Technical Specification

-Phạm vi đo /range : (0 ÷ 4) MPa
-Vạch chia /Division : 0,05 MPa

Khách hàng :

LIÊN HIỆP KHOA HỌC ĐỊA CHẤT KIỂM ĐỊNH NỀN MÓNG
XÂY DỰNG SÀI GÒN

Customer

Số 06 Đường 27, Phường An Lạc, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

PHÒNG THÍ NGHIỆM

Calibration Place

Số 758/25/7, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Phương pháp thực hiện /Method of calibration :

KV3/QTHC-AS01 : 2019

Áp kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng :
Standards Used

-Áp kế chuẩn /Pressure calibrator : KV3.AS01-Chuẩn Áp suất
-Dẫn xuất chuẩn /Traceability: TTTCĐLCL 2 - ĐK 38
-Hiệu lực /Due date : 10/04/2026

Điều kiện môi trường :
Environmental conditions

-Nhiệt độ /Ambient temperature : (25 ± 2) °C
-Độ ẩm /Relative humidity : < 80 %RH

Hiệu chỉnh phương tiện đo /Adjustment:

Có / Yes Không / No

Kết quả hiệu chuẩn /Conclusion: Xem kết quả tại trang 2 (See results in page 2)

Tem hiệu chuẩn /Calibration Label :

KV3 - 20989

Ngày hiệu chuẩn /Date of calibration:

07/07/2025

Ngày hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng :

07/07/2026

Recalibration Date as Request of Customer

TP.HCM, Ngày 09 tháng 07 năm 2025

Date of issue

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

Head of Measurement Laboratory

KS. Đặng Quốc Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Hồ Thị Hiền

Trang/Pag 1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần kiểm định hiệu chuẩn khu vực 3. (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of ZONE 3).

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn Số (No): KV3 - 20989
(Attached to certificate No)

Áp suất trên phương tiện cần hiệu chuẩn <i>Reading value</i>	Giá trị áp suất chuẩn <i>Standard pressure</i>	
	<i>P tăng /Rising Mpa</i>	<i>P giảm /Falling MPa</i>
0,0	0,000	0,000
0,5	0,504	0,508
1,0	1,008	1,012
1,5	1,512	1,516
2,0	2,014	2,018
2,5	2,519	2,523
3,0	3,023	3,027

Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2,15$ mức tin cậy 95%, $U = 1,13 \%$
(*Expanded Uncertainty of measurement with $k=2,15$ at 95%, $U = 1,13 \%$)*



Ghi chú/Notes :

- **1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, giám định thu pháp và trong các hoạt động công vụ khác.**
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
- **Các giá trị của đại lượng được hiệu chuẩn theo yêu cầu của khách hàng.**
The quantity values are calibrated as request of customer.
- **Ngày đề nghị hiệu chuẩn lại theo yêu cầu của khách hàng.**
Recommended recalibration date as request of customer.
- **Cơ sở sử dụng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.**
Name of customer is written as customer's request.